

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

CHÚ GIẢI
DI LẶC CHƠN KINH
KINH CỨU KHỔ

THIÊN VÂN

HIỀN TÀI | QUÁCH VĂN HÒA

BẢN THẢO ĐƯỢC CHỈNH LẠI LẦN THỨ III
VÀO THÁNG 07 NĂM 2008

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **HIÊN TÀI QUÁCH VĂN HÒA, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 15/05/2012

Tâm Nguyên

CHÚ GIẢI
DI LẶC CHỢN KINH
KINH CỨU KHỔ

Soạn Giả: HIẾN TÀI QUÁCH VĂN HÒA

Mục Lục

CHƯƠNG THỨ NHẤT.....	9
DI LẮC CHƠN KINH.....	9
I.- KINH VĂN	9
II.- VIẾT RA CHỮ HÁN	15
III.- CHÚ GIẢI	19
1.- KHAI KINH KỆ.....	19
A- KINH.....	19
B- CHÚ THÍCH	20
C- DỊCH NGHĨA	31
2.- HỒN NGUỒN THIÊN.....	31
A- KINH.....	31
B- CHÚ THÍCH	32
C- DỊCH NGHĨA	45
3.- HỘI NGUỒN THIÊN.....	46
A- KINH.....	46
B- CHÚ THÍCH	47
C- DỊCH NGHĨA	67
4.- HƯ VÔ CAO THIÊN.....	68
A- KINH.....	68
B- CHÚ THÍCH	69
C- DỊCH NGHĨA	80
5.- TẠO HÓA THIÊN	81
A- KINH.....	81
B- CHÚ THÍCH	82

C- DỊCH NGHĨA	89
6.- PHI TƯỚNG DIỆU THIÊN	90
A- KINH	90
B- CHÚ THÍCH	90
C- DỊCH NGHĨA	98
7.- HẠO NHIÊN PHÁP THIÊN	99
A- KINH	99
B- CHÚ THÍCH	100
C- DỊCH NGHĨA	110
CHƯƠNG THỨ NHÌ	113
KINH CỨU KHỔ.....	113
I- KINH VĂN.....	113
II- VIẾT RA CHỮ HÁN.....	114
III- CHÚ GIẢI	114
A- CHÚ THÍCH	115
B- DỊCH NGHĨA	138
PHỤ LỤC	141
A- SỐ THƯỢNG TƯỢNG	141
I- NGUYỄN VĂN BÀI SỐ	141
II- VIẾT RA HÁN TỰ.....	143
III- CHÚ THÍCH.....	144
IV- DỊCH NGHĨA.....	161
B- SỐ CẦU GIẢI BỆNH	163
I- NGUYỄN VĂN BÀI SỐ	163
II- VIẾT RA CHỮ HÁN.....	164
III- CHÚ THÍCH.....	166
IV- DỊCH NGHĨA.....	168



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

CHƯƠNG THỨ NHẤT

彌勒真經

DI LẠC CHƠN KINH

- | | |
|----------------------|---------------------|
| I.- KINH VĂN | 4.- Hư Vô Thiên |
| II.- VIẾT RA CHỮ HÁN | A- Kinh văn |
| III.- CHÚ GIẢI | B- Chú thích |
| 1.- Khai Kinh kệ | C- Dịch nghĩa |
| A- Kinh văn | 5.- Tạo Hóa Thiên |
| B- Chú thích | A- Kinh văn |
| C- Dịch nghĩa | B- Chú thích |
| 2.- Hồn Ngươn Thiên | C- Dịch nghĩa |
| A- Kinh văn | 6.- Phi Tưởng Thiên |
| B- Chú thích | A- Kinh văn |
| C- Dịch nghĩa | B- Chú thích |
| 3.- Hội Ngươn Thiên | C- Dịch nghĩa |
| A- Kinh văn | 7.- Hạo Nhiên Thiên |
| B- Chú thích | A- Kinh văn |
| C- Dịch nghĩa | B- Chú thích |
| | C- Dịch nghĩa |

I.- KINH VĂN

DI LẠC CHƠN KINH

Khai Kinh Kệ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp

Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ

Ngã kim thính văn đặc thọ trì

Nguyên giải Tân kinh chơn thiệt nghĩa

THÍCH CA MÂU NI VẤN PHẬT thuyết:

DI LẠC CHƠN KINH

THƯỢNG THIÊN HỒN NGUỒN hữu: Brahma Phật, Civa Phật, Christna Phật, Thanh Tịnh Trí Phật, Diệu Minh Lý Phật, Phục Tướng Thị Phật, Diệt Thể Thắng Phật, Phục Linh Tánh Phật, nhứt thiết chư Phật, hữu giác, hữu cảm, hữu sanh, hữu tử, tri khổ nghiệp chướng luân chuyển hóa sanh, năng du Ta Bà Thế giới độ tận Vạn linh đặc qui Phật vị.

HỘI NGUỒN THIÊN hữu: Trụ Thiện Phật, Đa Ái Sanh Phật, Giải Thoát Khổ Phật, Diệu Chơn Hành Phật, Thắng Giải Ác Phật, nhứt thiết chư Phật tòng linh DI LẠC VƯƠNG PHẬT, năng chiếu diệu quang tiêu trừ nghiệp chướng.

Nhược hữu chúng sanh văn ngã ưng đương thoát nghiệp, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng tòng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, tất đặc giải thoát luân hồi, đặc lộ Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thị chi chúng quả Cực Lạc Niết Bàn.

Nhược nhơn đương sanh, nhược nhơn vị sanh, nhược nhơn hữu kiếp, nhược nhơn vô kiếp, nhược nhơn hữu tội, nhược nhơn vô tội, nhược nhơn hữu niệm, nhược nhơn vô niệm, thính đặc ngã ngôn, phát tâm thiện niệm, tất đặc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề tất đặc giải thoát.

Nhược hữu nhơn thọ trì khùng kinh ma chướng,

nhứt tâm thiện niệm: Nam Mô Di Lạc Vương Bồ Tát, năng cứu khổ ách, năng cứu tam tai, năng cứu tật bệnh, năng độ dẫn chúng sanh thoát chư nghiệt chướng tất đặc giải thoát.

HƯ VÔ CAO THIÊN hữu: Tiếp Dẫn Phật, Phổ Tế Phật, Tây Qui Phật, Tuyển Kinh Phật, Tế Pháp Phật, Chiêu Duyên Phật, Phong Vị Phật, Hội Chơn Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật từng lịnh NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT, dẫn độ Chơn Linh đặc Pháp, đặc Phật, đặc duyên, đặc vị, đặc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề chứng quả nhập Cực Lạc Quốc, hiệp chúng đẳng chư Phật tạo định Thiên Thi tận độ Chúng Sanh đặc qui Phật Vị.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu trì thính ngã dục đặc Chơn truyền niệm thử NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT thường du Ta Bà thế giới, giáo hóa Chơn truyền phổ tế chúng sanh giải thoát lục dục thất tình thoát đọa luân hồi tất đặc giải thoát.

TAO HÓA HUYỀN THIÊN hữu: Quảng Sanh Phật, Dưỡng Dục Phật, Chưởng Hậu Phật, Thủ Luân Phật, dữ Cửu Vị Nữ Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, từng lịnh KIM BÀN PHẬT MẪU năng tạo, năng hóa Vạn linh, năng du Ta Bà Thế giới dưỡng dục quần sanh qui nguyên Phật vị.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân thính ngã dục tu phát nguyện Nam Mô KIM BÀN PHẬT MẪU dưỡng dục quần linh, nhược hữu sanh, nhược vị sanh, nhược hữu kiếp, nhược vô kiếp, nhược hữu tội, nhược vô tội, nhược hữu niệm, nhược vô niệm, hườn hư thi hình đặc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề Xá Lợi Tử qui nguyên Phật vị tất đặc giải thoát.

PHI TUỞNG DIỆU THIÊN hữu: Đa Pháp Phật, Tịnh Thiện Giáo Phật, Kiến Thăng Vị Phật, Hiển Hóa Sanh Phật, Trục Tà Tinh Phật, Luyện Đắc Pháp Phật, Hộ Trì Niệm Phật, Khai Huyền Cơ Phật, Hoán Trước Tánh Phật, Đa Phúc Đức Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, từng lịnh TỪ HÀNG BỒ TÁT, năng du Tà Bà Thế giải thi pháp hộ trì Vạn Linh Sanh Chúng.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân tín ngã ưng đương phát nguyện Nam Mô TỪ HÀNG BỒ TÁT, năng cứu tật bịnh, năng cứu tam tai, năng độ tận Chúng sanh thoát ư tử khổ, năng trừ tà ma, năng trừ nghiệt chướng, tất đắc giải thoát.

HAONHIÊN PHÁP THIÊN hữu: Diệt Tướng Phật, Đệ Pháp Phật, Diệt Oan Phật, Sát Quái Phật, Định Quả Phật, Thành Tâm Phật, Diệt Khổ Phật, Kiên Trì Phật, Cứu Khổ Phật, Xá Tội Phật, Giải Thế Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật từng lịnh CHUẨN ĐỀ BỒ TÁT, PHỔ HIỂN BỒ TÁT thường du Ta Bà Thế giải độ tận Vạn Linh.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân tín ngã ưng đương phát nguyện Nam Mô CHUẨN ĐỀ BỒ TÁT, PHỔ HIỂN BỒ TÁT, năng trừ ma chướng quỷ tai, năng cứu khổ ách nghiệt chướng, năng độ Chúng Sanh qui ư Cực Lạc, tất đắc giải thoát.^[1]

Nam Mô DI LẠC VƯƠNG PHẬT

- Brahma Phật
- Civa Phật
- Christna Phật

[1] Tụng đến đây rồi niệm danh chư Phật, hễ niệm danh mỗi vị lay một lay.

- Thanh Tịnh Trí Phật
- Diệu Minh Lý Phật
- Phục Tướng Thị Phật
- Diệt Thể Thắng Phật
- Phục Linh Tánh Phật
- Trụ Thiện Phật
- Đa Ái Sanh Phật
- Giải Thoát Khổ Phật
- Diệu Chơn Hành Phật
- Thắng Giải Ác Phật

Nam mô NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT

- Tiếp Dẫn Phật
- Phổ Tế Phật
- Tây Qui Phật
- Tuyển Kinh Phật
- Tế Pháp Phật
- Chiêu Duyên Phật
- Phong Vị Phật
- Hội Chơn Phật

Nam mô KIM BÀN PHẬT MẪU

- Quảng Sanh Phật
- Dưỡng Dục Phật
- Chưởng Hậu Phật
- Thủ Luân Phật

– Cửu Vị Nữ Phật

Nam mô TỪ HÀNG BỒ TÁT

– Đa Pháp Phật

– Tịnh Thiện Giáo Phật

– Kiến Thăng Vị Phật

– Hiển Hóa Sanh Phật

– Trục Tà Tinh Phật

– Luyện Đắc Pháp Phật

– Hộ Trì Niệm Phật

– Khai Huyền Cơ Phật

– Hoán Trước Tánh Phật

– Đa Phúc Đức Phật

Nam mô CHUẨN ĐỀ BỒ TÁT

– PHỔ HIỀN BỒ TÁT

– Diệt Tướng Phật

– Đệ Pháp Phật

– Diệt Oan Phật

– Sát Quái Phật

– Định Quả Phật

– Thành Tâm Phật

– Diệt Khổ Phật

– Kiên Trì Phật

– Cứu Khổ Phật

– Xá Tội Phật

- Giải Thể Phật.

II.- VIẾT RA CHỮ HÁN

彌勒真經

開經偈

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇
我今聽聞得受持
願解新經真實義
釋迦牟尼文佛說:

彌勒真經

上天混元有: 梵摩佛, 濕婆佛, 毘紐佛, 清淨智佛, 妙明理佛, 復想視佛, 滅體勝佛, 復靈性佛, 一切諸佛, 有覺有感, 有生有死, 知苦業障輪轉化生, 能遊娑婆世界度盡萬靈得歸佛位.

會元天有: 住善佛, 多愛生佛, 解脫苦佛, 妙真行佛, 勝戒惡佛, 一切諸佛, 從令彌勒王佛, 能照妙光消除孽障.

若有眾生聞我應當脫孽, 念佛, 念法, 念僧, 從是法條三期普度, 必得解脫輪迴, 得路多羅三藐三菩提是之證果極樂涅槃.

若人當生, 若人未生, 若人有劫, 若人無劫, 若人有罪, 若人無罪, 若人有念, 若人無念, 聽得我言發心善念, 必得阿耨多羅三藐三菩提, 必得解脫.

若有人受持恐驚魔障, 一心善念: 南無彌

勒王菩薩,能救苦厄,能救三災,能救疾病,能度引眾生脫諸孽障,必得解脫。

虛無高天有:接引佛,普濟佛,西歸佛,選經佛,濟法佛,照緣佛,封位佛,會真佛,如是等恒河沙數諸佛,從令燃燈古佛,引度真靈得法,得佛,得緣,得位,得阿耨多羅三藐三菩提證果入極樂國,合眾等諸佛造定天書盡度眾生得歸佛位。

若有善男子,善女人,修持聽我欲得真傳念此燃燈古佛常遊娑婆世界教化真傳普濟眾生解脫六欲七情脫墮輪迴,必得解脫。

造化玄天有:廣生佛,養育佛,掌厚佛,守倫佛,與九位女佛,如是等恒河沙數諸佛,從令金盤佛母能造,能化萬靈,能遊娑婆世界養育群生歸源佛位。

若有善男子,善女人聽我欲修發願南無金盤佛母養育群靈,若有生,若未生,若有劫,若無劫,若有罪,若無罪,若有念,若無念,還虛尸形得阿耨多羅三藐三菩提舍利子歸源佛位,必得解脫。

非想妙天有:多法佛,靜善教佛,建升位佛,顯化生佛,逐邪精佛,練得法佛,護持念佛,開玄機佛,換濁性佛,多福德佛,如是等恒河沙數諸佛,從令慈航菩薩,能遊娑婆世界施法護持萬靈生眾。

若有善男子,善女人信我應當發願南無慈航菩薩,能救疾病,能救三災,能度盡眾生脫於四苦,能除邪魔,能除孽障,必得解脫。

浩然法天有:滅相佛,遞法佛,滅冤佛,殺怪

佛,定果佛,誠心佛,滅苦佛,堅持佛,救苦佛,赦罪佛,解體佛,如是等恒河沙數諸佛從令準提菩薩,普賢菩薩,常遊娑婆世界度盡萬靈。

若有善男子,善女人信我應當發願南無準提菩薩,普賢菩薩,能除魔障鬼災,能救苦厄孽障,能度眾生歸於極樂,必得解脫。

南無彌勒王佛

- 梵摩佛
- 濕婆佛
- 毘紐佛
- 清淨智佛
- 妙明理佛
- 復想視佛
- 滅體勝佛
- 復靈性佛
- 住善佛
- 多愛生佛
- 解脫苦佛
- 妙真行佛
- 勝戒惡佛

南無燃燈古佛

- 接引佛
- 普濟佛
- 西歸佛
- 選經佛

- 濟法佛
- 照緣佛
- 封位佛
- 會真佛
- 南無金盤佛母
- 廣生佛
- 養育佛
- 掌厚佛
- 守倫佛
- 九位女佛
- 南無慈航菩薩
- 多法佛
- 靜善教佛
- 建升位佛
- 顯化生佛
- 逐邪精佛
- 練得法佛
- 護持念佛
- 開玄機佛
- 換濁性佛
- 多福德佛
- 南無準提菩薩
- 南無普賢菩薩
- 滅相佛

- 遞法佛
- 滅冤佛
- 殺怪佛
- 定果佛
- 誠心佛
- 滅苦佛
- 堅持佛
- 救苦佛
- 赦罪佛
- 解體佛

III.- CHÚ GIẢI

1.- KHAI KINH KỆ^[2]

A- KINH

Khai kinh kệ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp

Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ

Ngã kim thính văn đắc thọ trì

Nguyện giải Tân kinh chơn thiệt nghĩa

Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết:

Di Lạc Chơn Kinh

[2] Chúng tôi xin tạm chia bài Di Lạc Chơn Kinh ra theo từng đoạn, mỗi đoạn là một tầng Trời để mà chú giải.

B- CHÚ THÍCH

Khai kinh kệ

開經偈

Khai 開: Mở đầu, mở ra.

Kinh 經: Là nền tảng của một triết thuyết hay một Tôn giáo. Ví dụ như: Ngũ kinh trong Nho giáo, Đạo Đức kinh trong Lão giáo, Tam Tạng kinh trong Phật giáo và Kinh Thánh của Công giáo.

Trong một bài kinh những lời chỉ dạy, những bài giảng hay thuyết pháp của các Đấng nói lên thật tướng của Chân lý (Pháp) để giáo hóa các đệ tử hay chúng sanh tu tập hầu đạt đến Chân Thiện Mỹ, hoặc giác ngộ giải thoát.

Kinh điển của Tôn giáo tức là con đường dẫn dắt tâm chúng sanh đi vào đường thanh tịnh, khi ý bị phiền não khởi, ta cầm cuốn kinh thì mọi phiền não sẽ được xua tan.

Ngoài ra, phải hiểu được ý nghĩa của kinh, chúng ta mới ứng dụng được lời của các Đấng dạy vào sự tu tập cho mình. Như thế, kinh mới có giá trị thực đối với chúng ta, bằng không thấu suốt nghĩa lý kinh mà cứ đọc tụng hằng ngày đêm, ấy chỉ là từ chương hoặc mê tín. Đọc kinh cầu lý, có vượt qua văn tự mới đạt lý, chứng tri.

Như trên ta biết, Kinh là nền tảng của một triết thuyết hay một Tôn giáo, nên từ ngàn xưa, các vị Giáo chủ của Tam giáo đã đặc lệnh của Đức Chí Tôn, giảng cơ mở Đạo để tùy thời, tùy căn cơ, tùy hoàn cảnh mà truyền những kinh sách quý báu, hầu khai hóa đạo tâm cho con người, đưa con người đến sự giác ngộ.

Về Nho giáo, Đức Khổng Thánh đã để lại một kho

kinh sách quý giá như Tứ Thư, Ngũ Kinh, sau này các hàng Đệ tử và hậu Nho tiếp tục xiển dương hệ thống triết lý đó làm nền tảng về nhân sinh, đạo đức và phong tục cho xã hội con người, mà hơn hai nghìn năm nay con người vẫn còn sùng thượng.

Về Lão giáo, từ hai quyển “*Đạo Đức Kinh*” của Lão Tử và “*Nam Hoa Kinh*” của Trang Tử làm cơ sở cho triết lý “*Vô vi*”, đến thời nhà Tống các nhà Nho đem lý thuyết Vô vi của Lão Trang phối hợp với Dịch Lý của Nho mà tạo thành một phong trào “*Huyền học*” hay “*Lý học*”. Phong trào này có công lớn trong việc phát triển học thuyết Lão Trang đến chỗ phồn thịnh nhứt vào đời Ngụy, Tấn, Lục Triều...Lão giáo hưởng con người về với Đạo là thuận lẽ thiên nhiên vô vi tự tại. Vì vậy, thuyết Vô vi của phái Đạo Gia đã ảnh hưởng không nhỏ về Vũ trụ quan và Nhân sinh quan qua con người Việt Nam ta từ ngày xưa cho đến bây giờ.

Về Phật giáo, sau khi Đức Phật thành Đạo, Ngài đã đem điều chứng đắc để giác ngộ chúng sinh tìm về bản thể chơn như, hầu đưa chúng sanh theo con đường giải thoát. Đến khi Phật nhập diệt, các vị Đệ Tử mới đem những lời dạy của Ngài kết tập lại thành Tam Tạng Kinh. Từ đó, kinh sách của Phật được phổ truyền theo muôn đường vạn nẻo để đem cái Giáo Pháp cao siêu của Đức Phật mà giác ngộ chúng sinh trong tam đồ, lục đạo.

Kệ 偈: Những bài thơ ngắn hay dài để tóm tắt đại ý một bài thuyết pháp hay một đoạn kinh, hoặc để ca ngợi công đức Phật, hoặc để cầu nguyện, hoặc là một bài dùng để kệ chuông, kệ trống...

– Kệ cũng là bài ca chứng đạo của các vị Thiên sư

như bài kệ của Lục Tổ Huệ Năng:

*Bồ đề bốn vô thọ,
菩提本無樹
Minh cảnh diệc phi đài.
明鏡亦非臺
Bốn lai vô nhất vật,
本來無一物
Hà xứ nhạ trần ai?
何處惹塵埃*

Nghĩa là:

*Bồ đề vốn không cây,
Gương sáng cũng chẳng đài,
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào dính trần ai?*

– Kệ còn là một bài thi nhằm dặn dò các đệ tử của chư vị thiên sư để lại khi các Ngài sắp tịch diệt. Sau đây là một bài kệ thị chúng của Thiên sư Mãn Giác do Thích Thanh Từ dịch:

*Xuân đi trăm hoa rụng,
Xuân đến trăm hoa cười.
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi!
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua xuân trước một cành mai.*

– Trong Đạo Cao Đài, chúng ta thường có những

bài kệ như kệ chuông, kệ trống. Đây chúng tôi xin trích một bài kệ chuông cúng Đại đàn hay tiểu đàn:

Thần chung thỉnh hướng phóng xá cô,

神鍾聲向放豐都

Địa Tạng khai môn phóng xá cô.

地藏開門放赦辜

Tam kỳ vận chuyển kim quang hiện,

三期運轉金光現

Sám hối âm hồn xuất u đồ.

懺悔陰魂出幽途

Nghĩa là:

Tiếng chuông thiêng liêng hướng đến cõi Phong đô.

Địa Tạng Vương Bồ Tát mở cửa phóng thích các tội hồn.

Đại Đạo Tam Kỳ vận chuyển lần kim quang hiện ra tạo nên con đường dẫn đến Phong đô.

Các âm hồn ở cõi Phong đô sám hối các tội lỗi thì được đi ra cõi u tối này bằng con đường do lần kim quang hiện ra ấy.

Khai Kinh kệ 開經偈: Bài kệ mở đầu cho bài “*Di Lặc Chơn Kinh*”.

Vô thượng thâm thâm vi diệu pháp

無上甚深微妙法

Vô thượng 無上: Không có gì ở trên, không có gì cao cho bằng, tức là cao hơn hết.

Thậm thâm 甚深: Rất sâu xa, cao siêu.

Ngôn ngữ thế gian có hạn định, nhưng Pháp vô vi thì cao sâu thâm viễn, không thể nào nghĩ bàn được, cho nên gọi là “*thậm thâm*” pháp.

Vi diệu 微妙: Là tinh tế đến cực điểm, tức là huyền vi mầu nhiệm.

Pháp 法: Là một danh từ bao quát gồm nhiều ý nghĩa:

– Đạo, quy luật, nguyên lý tự nhiên chi phối sự diễn biến của mọi sự vật trong vũ trụ.

– Giáo pháp tức là giáo lý của Chí Tôn, Phật Mẫu, chư Phật và các Đấng người đã giác ngộ diễn bày sự thật tuyệt đối bao quát tất cả.

– Những lời dạy của chư Phật, Bồ Tát, Tổ Sư.

– Những phương pháp tu tập để đạt tới sự tỉnh thức, an lạc, hiểu biết thương yêu là con đường đưa tới giải thoát.

– Giới luật, giới điều trong đời sống tu hành.

– Nguyên lý hay chân lý.

– Thực tại, sự kiện, tâm và vật.

– Vạn hữu, mọi hiện tượng do thân và tâm ta tiếp xúc cũng gọi Pháp.

Ở đây, Pháp là những giáo thuyết của Đức Phật.

Vi diệu Pháp 微妙法: Cái pháp thể sâu kín gọi là vi, tinh thông khéo léo, không thể dùng ý mà xét, dùng lời mà bàn là diệu.

Vô vi pháp là một pháp rất vi diệu.

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp: Những giáo pháp

vô thượng của Đức Phật lắm cao siêu mầu nhiệm.

Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ

百千萬劫難遭遇

Bá 百: Trăm.

Thiên 千: Ngàn.

Vạn 萬: Muôn, mười ngàn.

Bá thiên vạn 百千萬: Trăm ngàn muôn. Đây là con số tượng trưng để chỉ số nhiều.

Kiếp 劫: Theo Phật giáo, chữ Kiếp nói cho đủ là Kiếp Ba (kalpa), Hán dịch là Trường thời, là đơn vị thời gian của vũ trụ. Đơn vị thời gian ngắn nhất là Sát Na, đơn vị thời gian dài nhất là Kiếp Ba. Kiếp gồm bốn giai đoạn hay thời kỳ: Thành kiếp, Trụ kiếp, Hoại kiếp và Không kiếp.

Kiếp còn là từng chặng một của vòng luân hồi con người: một đời người. Phật giáo phân biệt ba loại kiếp: Tiểu kiếp, Trung kiếp và Đại kiếp.

Nan 難: Khó khăn.

Tao ngộ 遭遇: Tình cờ gặp gỡ, không hẹn mà gặp.

Nan tao ngộ 難遭遇: Khó mà gặp được. Đây chỉ sự không có duyên phần gặp gỡ Đức Phật.

Thật vậy, dù trăm ngàn muôn kiếp mà không có duyên phần thì cũng khó gặp đặng Phật. Trong kinh Pháp Cú, Phật có dạy như sau: “*Được sinh làm người là khó, được sống còn là khó, được nghe chánh pháp là khó, được gặp Phật ra đời lại càng khó hơn*”.

Cổ nhân cũng thường thường nói:

Hữu duyên thiên lý năng tao ngộ,

有緣千里能遭遇,
Vô duyên đối diện bất tương phùng
無緣對面不相逢.

Có duyên phần thì dù xa ngàn dặm cũng có thể gặp nhau, không duyên phần dù đối mặt nhau cũng khó gặp gỡ.

Ở đây, chúng sanh luân hồi trong nhiều kiếp và trải qua nhiều ngươn hội, từ Thượng ngươn, đến Trung ngươn, rồi nay đến Hạ ngươn hầu mãn, lại may duyên lắm mới được gặp thời kỳ Đúc Ngọc Hoàng Thượng Đế, vì thương chúng sinh, mà giáng cơ khai nền Đại Đạo, như lời Thánh giáo dạy: “Đạo Trời diu bước nhưn sanh, đường Thánh dẫn người phạm tục. Sanh nhằm lối **may mắn** đặng gặp một Đạo Chánh, nếu chẳng lo dưỡng tánh trau mình, để bước vào đường Cực Lạc, thoát đọa Tam Đố, một mai cảnh ử bông tàn, rốt lại ăn năn vô ích”. Đúc Lý Thái Bạch cũng có nói: “Mở một mối đạo chẳng phải là sự thường tình, mà sanh nhằm đời đặng gặp một mối đạo cũng chẳng phải dễ”.

Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ: Trăm ngàn muôn kiếp rất khó khăn mới gặp đặng Phật.

Ngã kim thỉnh văn đắc thọ trì

我今聽聞得受持

Ngã 我: Ta, tiếng tự xưng. Đây chỉ Đúc Phật.

Phàm những lời của Đúc Phật đã thuyết, Ngài A Nan đều lãnh hội, chẳng quên câu nào, nên khi kết tập Kinh, Ngài kể lại lời Phật đã giảng. Do đó chữ Ngã ở các bài kinh bên Phật giáo đều là lời của Ngài A Nan tự xưng.

Còn đây là bài Tân kinh do Đúc Phật giáng cơ ban cho, nên chữ Ngã đây là chỉ Đúc Phật Thích Ca Mâu Ni.

Kim 今: Hôm nay, ngày nay.

Thính 聽: Nghe.

Văn 聞: Nghe biết.

Ở những bài kinh bên Phật giáo, hai chữ này được viết thành “*Kiến văn*”, nghĩa là nghe thấy. Do đó câu Kệ thứ ba ở các bài kinh bên Phật giáo thường viết: “*Ngã kim kiến văn đắc thọ trì*”.

Đắc 得: Được, nhận được.

Thọ 受: Hay Thọ, chỉ việc tiếp nhận thế giới hữu hình để đưa nó vào ý thức, là tin tưởng, vui thích nhận lãnh. Thọ là một trong ngũ uẩn: “*Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức*”, một trong thập nhị nhân duyên: “*Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sinh, Lão tử*”.

Trì 持: Gìn giữ, nắm giữ chắc chắn, chấp hành nghiêm túc.

Đắc thọ trì 得受持: Được thọ lấy hay vui thích nhận lãnh; và chấp trì, gìn giữ.

Ngã kim thính văn đắc thọ trì: Ngày nay Ta nghe biết, được thọ lấy và gìn giữ.

Nguyện giải Tân kinh chơn thiệt nghĩa

願解新經真實義

Nguyện giải 願解: *Nguyện* là muốn trong lòng. *Giải* là mở ra, giải nghĩa.

Phật là Đấng Từ bi, thấy được vô minh của chúng sinh, nên hằng mong muốn đem Giáo pháp, kinh điển để giải thích cho tường tận để chúng sanh hiểu biết mà giác

ngộ, hầu được giải thoát khỏi vòng luân hồi khổ não nên nói là *nguyên giải*.

Tân kinh 新經: Kinh mới, tức là những bài kinh do các Đấng Thiêng Liêng giảng cơ ban cho chúng sanh trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Những bài kinh này được Hội Thánh in trong quyển kinh “*Thiên Đạo và Thế Đạo*”. Còn những bài kinh trước Tam Kỳ Phổ Độ được gọi Cựu kinh.

Bên Phật Giáo, câu kệ này được viết: “*Nguyên giải Như Lai chơn thiệt nghĩa*”.

Chơn thiệt nghĩa 真實義: Ý nghĩa chân thực, ý nghĩa xác thực không sai. Lời Chí Tôn và chư Phật nói ra là lời chân thật, vì phát xuất ra từ lòng từ bi thương yêu chúng sanh vô vị lợi. Do vậy, chúng sanh cần nên Tín xác, tức là tin tưởng tuyệt đối, tin tưởng hoàn toàn nơi Chí Tôn và chư Phật.

Nguyên giải Tân kinh chơn thiệt nghĩa: Nguyên giải thích bài Tân kinh chơn thiệt của Phật.

Bài Kệ “*Khai Kinh*” này được bên Phật Giáo dịch thành văn vần như sau:

*Vòi vọi không trên pháp thăm sâu,
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu.
Ta nay nghe đặng chuyên trì niệm,
Nguyên tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.*

Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết: Di Lạc Chơn Kinh

釋迦牟尼文佛說:彌勒真經

Thích Ca Mâu Ni Văn Phật 釋迦牟尼文佛: Thích

Ca Mâu Ni Văn Phật tức là Phật Thích Ca (Sakyamuni), người sáng lập ra Phật giáo. Thích Ca là tên một dòng họ quý tộc cai trị một trong 16 Vương quốc Ấn Độ thời bấy giờ. Mâu ni có nghĩa là ẩn sĩ. Thích Ca Mâu Ni là bậc trí giả trầm lặng của dòng Thích Ca.

Đức Phật Thích Ca tên là Tất Đạt Đa, họ Cổ Đàm, con vua Suddhodana (Tịnh Phạn) và Hoàng hậu Maya (Ma Da), sinh vào năm 623 (có thuyết năm 544) trước Tây lịch, tại vườn Lumbini (Lâm Tỳ Ni), cách thành Kapilavastu (Ca Tỳ La Vệ) khoảng 15 cây số, ngày nay là một thành phố ở nước Nepal.

Sau khi hạ sanh Hoàng tử được 7 ngày, Hoàng hậu Ma Da từ trần. Tất Đạt Đa được người dì là Maha Pajapati (Ma Ha Ba Xà Ba Đề) nuôi dưỡng. Năm 16 tuổi, Ngài thành hôn với Yosodhara (Gia Du Đà La).

Là một người có năng khiếu suy tư sâu sắc và lòng thương người vô hạn vô biên, Thái Tử lại rơi vào tình trạng trầm tư lo lắng, luôn cảm thấy lòng mình nặng trĩu bao nỗi bàng khuâng thắc mắc. Nên đầu sống trong cảnh vàng son nhung lụa, nhưng tình cờ lần đầu tiên, Ngài ra thành chứng kiến được bốn sự đau khổ: Sinh, lão, bệnh, tử, nên Ngài quyết chí xuất gia tu hành để đi tìm một con đường dẫn tới giác ngộ, vĩnh viễn khắc phục mọi nỗi khổ đau và bất hạnh của đời người hầu hướng đến an lạc.

Năm 29 tuổi, sau khi người con trai của Ngài là Rahula (La Hầu La) sinh ra, Ngài quyết chí hy sinh từ bỏ một Thái tử đang độ tuổi thanh xuân, đang sống trong quyền quý cao sang, chứa chan hạnh phúc. Thái Tử liền đến xứ Uruvela tu khổ hạnh. Qua thực nghiệm, Ngài thấy rằng chân lý tối hậu giải thoát an lạc, diệt trừ khổ

đau không thể cầu được ở bên ngoài, ở bất kỳ một Đạo sư nào, cũng không phải qua pháp môn hành xác, mà sự chứng ngộ ấy cần phải được thể hiện ở chính trong nội tâm của mỗi người và không dựa vào một tha lực nào khác. Vì thế, Ngài từ bỏ phép tu khổ hạnh, Ngài chú tâm Thiên định và thành Đạo, chứng đắc quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sau đó Ngài đi khắp nơi giáo hóa. Đức Phật nhập diệt năm 80 tuổi vào năm 486 hay 483 trước Tây lịch tại Câu Ni Na. Theo truyền thuyết Pali, Đức Phật diệt độ ngày rằm tháng tư.

Thuyết 說: Nói, thuyết giảng, nói rõ ra. Ý muốn nói: Kinh này do chính Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết giảng cho chúng sinh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ bằng huyền diệu của cơ bút.

Di Lạc Chơn Kinh 彌勒真經: Một bài kinh tận độ do Đức Thích Ca Mâu Ni giảng cơ thuyết giảng về tầng trời Hổn Nguơn Thiên và Hội Nguơn Thiên của Đức Di Lạc Vương Phật cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ tụng đọc.

Chú thích: Theo nguyên bản kinh của Hội Thánh bằng chữ Quốc ngữ ghi là “**Di Lạc Chơn Kinh**”, nhưng phiên âm Hán Việt, theo cách phát âm của Hán Việt Tự Điển Thiều Chửu và Hán Việt Từ Điển Đào Duy Anh phải viết là “*Di Lạc Chơn Kinh*”. Ngoài ra, bên Phật Giáo cũng thường viết là Di Lạc Vương Bồ Tát.

Chép bản kinh của Hội Thánh, chúng tôi giữ nguyên chữ trong chánh kinh, nên viết “*Di Lạc Chơn Kinh*”, nhưng phần chú giải thì chúng tôi viết *Di Lạc Chơn Kinh* hay *Di Lạc Vương Phật*.

C- DỊCH NGHĨA

Bài Kệ khai “Di Lặc Chơn Kinh”

Những giáo pháp vô thượng của Đức Phật lắm cao sâu, huyền vi và mâu nhiệm.

Dù trăm ngàn muôn kiếp không có duyên phần cũng rất khó mà gặp đặng.

Ngày nay Ta nghe biết, được thọ lấy và gìn giữ,

Nguyện giải thích bài Tân kinh này với ý nghĩa chơn thiệt của Phật.

Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết giảng về bài “Di Lặc Chơn Kinh”.

2.- HỒN NGUỒN THIÊN

A- KINH

THƯỢNG THIÊN HỒN NGUỒN hữu:

- Brahma Phật
- Civa Phật
- Christna Phật
- Thanh Tịnh Trí Phật
- Diệu Minh Lý Phật
- Phục Tướng Thị Phật
- Diệt Thế Thắng Phật
- Phục Linh Tánh Phật

Nhứt thiết chư Phật, hữu giác, hữu cảm, hữu sanh, hữu tử, tri khổ nghiệp chướng luân chuyển hóa sanh,

năng du Ta Bà thế giới độ tận Vạn linh đặc qui Phật vị.

B- CHÚ THÍCH

Thượng Thiên Hỗn Nguyên hữu

上天混元有

Thượng Thiên Hỗn Nguyên 上天混元: Trên hết, là tầng Hỗn Nguyên Thiên, một Tầng Trời do Đức Di Lặc Vương Phật cai quản. Trong Kinh Đại Tường cũng cho biết Đức Phật Di Lặc cầm quyền Giáo Chủ ở Tầng Hỗn Nguyên Thiên:

Hỗn Nguyên Thiên dưới quyền Giáo Chủ,

Di Lặc đương thâu thủ phổ duyên.

Brahma Phật 梵摩佛

Brahma: Dịch là Phạm Ma, theo Ấn Độ giáo là một vị Thần tự sinh ra từ khi mới tạo thiên lập địa, có công sáng tạo ra vạn vật. Ngài thường được gọi là vị đại tổ, một vị cha chung của muôn loài, một vị Thần tạo lập ra Vũ trụ.

Brahma Phật 梵摩佛: Vị Phật giáng trần trong thời kỳ Thượng nguyên hay nguyên Thánh đức tức là nguyên vô tội. Brama Phật là một trong ba vị Phật được gọi là Tam thế Phật thờ trên nóc Bát Quái Đài, Tòa Thánh Tây Ninh. Ngài đứng trên mình con Huyền Nga, tay mặt bắt ấn khai nguyên, tay trái nắm bửu châu, mặt nhìn về phía Tây, tức hướng mặt trời lặn, biểu tượng cho sự lo lắng của Ngài khi coi trần sắp chìm sâu trong nguyên tranh đấu điêu tàn. Brahma Phật thuộc ngôi thứ nhất, điều khiển Thượng nguyên Thánh đức, chủ về cơ sanh hóa.

Civa Phật 濕婆佛

Civa: Được dịch là Thấp Bà, là vị Thần hủy diệt, tức là vị Thần phá hoại cái cũ, cái xấu để sáng tạo ra cái mới, cái tốt đẹp hơn. Theo Ấn Độ giáo, Thần Civa ngoài việc dẫn dắt loài người đi đến sự hồi tâm, còn có sứ mệnh che chở bảo hộ cho loài người.

Civa Phật 濕婆佛: Vị Phật điều khiển Trung Ngươn, tức ngươn Tranh Đấu. Vị Phật này được giáng trần trong ngươn tranh đấu của nhơn loại. Civa Phật trên nóc Bát Quái Đài mặt nhìn về phương Bắc, mình đứng trên lưng rắn bảy đầu, ấy là tượng trưng Phật diệt thát tình cho nhân loại khỏi bị mê muội ở trần gian tục lụy mà tranh đấu, hủy diệt lẫn nhau, miệng Ngài thổi sáo để thức tỉnh nhơn sanh hồi tâm hướng thiện. Civa Phật có bộ tình nhũ trước ngực, là ngôi thứ hai trong tam thế Phật.

Nói về Đức Phật Mẫu, Đức Hộ Pháp có thuyết như sau: *“Bản đạo cũng nên chỉ rõ Đức Phật Mẫu đến tại mặt thế gian này, đã tượng trưng bên Ấn Độ. Phật giáo Ấn Độ gọi Ngài là Civa Phật, là cái hình ở trên Bát Quái Đài, chúng ta để trên nóc đó, thấy có tình nhũ nơi ngực Ngài.*

Hồi buổi Chí Tôn phân định, phân tánh của Ngài, lấy khí, tức nhiên là Ngài dùng cái linh pháp của Ngài biến tướng ra Phật Mẫu. Phật Mẫu thuộc về Âm, Chí Tôn thuộc về Dương, Âm Dương hiệp lại mới biến hóa ra Càn khôn Vũ trụ và sanh ra vạn vật.

Đức Civa Phật, Ấn Độ làm một cái hình phân nửa giống đàn bà, còn cái tướng thì đàn ông, bởi hồi đó con người chưa phân rõ chắc chắn nam nữ, Âm Dương. Đức Civa trong huyết khí, tức là huyết, còn chơn linh đào tạo là

do Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn là Phật, Đức Phật Mẫu là pháp, pháp mới sanh ra Càn khôn Vũ trụ và vạn vật, vạn vật ấy do nơi tình mà ra, tức là Tạng. Thần tức nhiên là Đức Chí Tôn, Thân phân định Khí, Khí mới sanh ra Tinh. Phật là Chí Tôn, Pháp là Civa tức Phật Mẫu, Tạng là vật loại trên Càn khôn Vũ trụ này”.

Christna Phật 毘紐佛

Christna: Còn được gọi là Visnu hay Vichnou, là một vị Thần bảo tồn. Như ta biết Brahma là vị Thần sáng tạo, Civa là vị Thần hủy diệt, còn Vichnou là vị Thần bảo vệ Vũ trụ, luôn luôn che chở cứu giúp con người. Vichnou tượng trưng cho hạnh phúc, tốt lành vì Vichnou thường giáng thế để tế độ tất cả chúng sanh thoát khỏi sự khổ não.

Christna Phật 毘紐佛: Hay Vichnou Phật là vị Phật điều khiển Hạ Ngươn tức là ngươn Bảo Tồn hay ngươn Tái Tạo. Vị Phật này được giáng sanh trong thời Hạ Ngươn, hay ngươn Tái Tạo. Trên Bát Quái Đài Tòa Thánh, Phật Christna Vichnou mình trần, tay mặt chống gươm, tay trái chống nạnh, đứng trên mình con Giao Long, mặt hướng về phương Nam. Ngài là ngôi thứ ba của Tam thế Phật, tượng trưng cho ngôi bảo tồn.

Khi nói về Phật Christna Vichnou, Đức Hộ Pháp cho biết như sau: “*Dẫu cho những chơn linh nào chết nơi chân trời hay góc biển đi nữa, mà đầy đủ công nghiệp, tâm đức thì Phật Christna Vichnou cũng lãnh linh Chí Tôn tuần du trên mặt thế mà rước chơn linh ấy về ngay nơi Bạch Ngọc Kinh”.*

Tóm lại, Brahma Phật, Chiva Phật, Christna hay

Vichnou Phật là ba vị Phật, còn gọi là Tam thế Phật, có nhiệm vụ lãnh lĩnh Đức Thượng Đế điều khiển ba ngươn của Trời đất.

Thanh Tịnh Trí Phật 清淨智佛^[3]

Thanh tịnh 清淨: Trong trẻo lặng lẽ. Chữ nhà Phật: Xa lánh những hành vi độc ác cùng những điều phiến não ở đời.

Trí 智: Hiểu biết về mặt trí thức các hiện tượng và những quy luật của chúng, định nghĩa đúng các pháp. Trí thức là một thành phần của trí tuệ bát nhã, sự thấu hiểu tất cả nội dung giáo lý thuần lý.

Phật 佛: (Buddha) là tiếng Phạn, có nghĩa “*Trí huệ, giác ngộ*”

Về mặt thể, Phật có nghĩa là trí huệ, về mặt dụng, Phật có nghĩa là giác ngộ. Theo Giáo lý Phật có 3 loại trí:

a- *Nhất thiết trí*: Là sự hiểu rõ chính xác, tường tận về bản thể vũ trụ, là trí huệ nhận biết toàn thể mọi hiện hữu trong pháp giới. Đây là trí huệ của hàng Thanh văn.

b-. *Đạo chủng trí*: Chủng là chỉ các hiện tượng vô lượng vô biên trong vũ trụ. Biết được hết các sự sinh thành của các hiện tượng này gọi là Đạo chủng trí. Đây là trí huệ của bậc Bồ Tát.

c-. *Nhất thiết chủng trí*: Thấu suốt mọi chân tướng của vũ trụ, nhân sinh, không mê lầm. Đó là trí huệ của chư Phật, cũng là *Thanh tịnh trí*.

[3] Trong 53 vị Phật, ngoài các Đấng Phật mà kinh sách thường nói đến, còn các vị Phật khác, chúng tôi chỉ giải nghĩa những từ ngữ của Hồng danh chư vị Phật để chúng ta hiểu được nhiệm vụ và công đức của chư vị Phật ấy mà thôi

Diệu Minh Lý Phật 妙明理佛

Minh Lý 明理: Làm sáng tỏ chân lý.

Diệu minh lý 妙明理: Làm sáng tỏ chân lý huyền diệu.

Bất cứ Giáo pháp nào của các Tôn giáo đều đem chân lý ra để diễn bày cho chúng sinh hiểu. Chân lý đó nếu được người lãnh hội, hiểu biết rõ thì được gọi là giác ngộ. Theo Phật, giác là Bồ Tát, mê là chúng sinh. Như vậy, người giác ngộ là người có thể sáng tỏ được chân lý huyền diệu của chư pháp, nên có thể đoạt được giải thoát.

Phục Tưởng Thị Phật 復想視佛

Phục tưởng thị 復想視: Sự tưởng nghĩ và nhận thấy chân tánh trở lại, tức là quán tưởng để thấy lại bản lai diện mục hay Phật tánh.

Thượng Đế hóa sinh ra vạn linh, trong đó con người được phú cho tánh thiện lành, gọi là Thiên tánh hay Phật tánh. Vì nghiệp quả, phải luân hồi sinh tử, nên con người không thấy được nguyên tánh, hay còn gọi là bản lai diện mục. Do vậy, kẻ hành giả phải giác ngộ tu hành để thấy trở lại Thiên tánh của mình, gọi là kiến tánh. Muốn kiến tánh người tu hành phải làm sáng tỏ cái tâm gọi là minh tâm. Như vậy, minh tâm thì sẽ kiến tánh tức thành Phật vậy.

Diệt Thể Thắng Phật 滅體勝佛

Diệt thể 滅體: Diệt bỏ hình thể hay hình sắc.

Hình thể hay hình sắc là một thể vật chất khi hội đủ những nhân duyên nào đó và tùy những nhân duyên ấy mà trụ một thời gian, rồi tiêu diệt mất. Hình sắc vốn vô thường, dễ hoại diệt.

Đạo vốn vô vi, nhưng nếu không có hữu hình hay hình thể thì cũng không đặng. Ví như Ngọc Hoàng Thượng Đế là Đấng vô hình vô ảnh, nếu chẳng mượn Thiên Nhân để tượng Đức Chí Tôn thì Đạo làm sao có thể pháp. Nhưng nếu vì hình thể thái quá thì *Đạo sẽ xa rời chánh pháp*.

Về sự diệt hình thể, Đức Chí Tôn dạy Ngài Thái Thơ Thanh như sau: “*Thời kỳ diệt pháp này, khiến mới có Tam Kỳ Phổ Độ, các sự hữu hình phải phá tiêu diệt*.”

Thầy đến chuyển Đạo, lập lại vô vi, các con coi thử bên nào chánh lý: Hữu hình thì bị diệt đặng, chớ vô vi chẳng thể nào diệt đặng.

Th ...Thầy đã khiến con đi “Đế Thiên Đế Thích” đặng xem cho tạng mặt hữu hình, nội thể gian này, ngày nay ai cũng nhìn nhận cho là tối đại, mà con đã thấy nó còn bền vững đặng chăng? Lòng Đạo đức con Thấy thấy rõ, nhưng thời giả dối đã qua, thời kỳ chân thật đã đến, Thầy không muốn cho con hao tài, tổn của, mà gìn giữ sự giả dối.

Chẳng cần con lo lập Thánh Thất của Thầy và sùng tu Phật tượng chi hết. Con hiểu bốn nguyên BẢO SANH là bốn nguyên Thánh Chất của Thầy.

Thầy khuyên con để dạ lo cho nhơn sanh mà thôi...”.

Phục Linh Tánh Phật 復靈性佛

Phục 復: Hồi phục, trở lại.

Phục linh tánh 復靈性: Linh tánh của con người được tìm thấy lại để giác ngộ, đắc quả. Điều này bên Phật giáo gọi là kiến tánh.

Tánh hay linh tánh là một thực thể sẵn có nơi mọi

chúng sinh, không do tạo tác mà thành, không do tu tập mà được. tánh cũng là cái tâm tánh thực của chúng sanh vậy.

Về bản tánh, mọi chúng sinh đều bình đẳng với chư Phật, Tiên, không chút sai biệt. Tuy nhiên vì chúng sinh có quá nhiều vọng tưởng và chấp trước, là cội gốc của mọi phiền não, nên quên mất tánh Phật, và mãi chìm sâu trong vòng luân hồi sinh tử vô tận. Muốn phục lại cái linh tánh hay *kiến tánh* người tu phải phá bức màn vô minh, tức là diệt bỏ thất tình lục dục, đoạn trừ vọng tưởng, phiền não thì minh tâm kiến tánh, tức là đạt thành Phật vị.

Nhứt thiết Chư Phật 一切諸佛

Nhứt thiết 一切: Tất cả, hết thảy.

Chư Phật 諸佛: Các vị Phật.

Nhứt thiết Chư Phật 一切諸佛: Tất cả các vị Phật.

Hữu giác, hữu cảm, hữu sanh, hữu tử

有覺, 有感, 有生, 有死

Hữu giác 有覺: Có hiểu biết, có giác ngộ.

Giác 覺: Là hiểu biết hay tỉnh thức, tức là tỉnh ngộ, không còn mê lầm, vô minh.

Giác là một trạng thái tuyệt đối của tâm dứt bật hết phân biệt, vọng tưởng.

Giác ngộ là hiểu biết thấu triệt mọi sự vật như thấy biết mọi chân lý về vũ trụ và nhân sinh. Giác ngộ tức là thấy rõ nguồn gốc của sự khổ đau và sanh tử, chọn lựa một con đường để được giải thoát sanh tử. Nói một cách khác, con người khi dứt trừ được hết vô minh thì giác ngộ.

Hữu cảm 有感: Có mối rung động trong lòng, có

những việc làm gây sức mạnh ảnh hưởng đến chung quanh.

Con người vì cảm mà sinh ra tình ái. Tình ái cũng là một chướng ngại cho người tu, Bài kệ chuỗi bên Phật có viết:

Ái hà thiên xích lãng,

愛河千尺浪

Khổ hải vạn trùng ba.

苦海萬重波

Dục thoát luân hồi khổ,

欲脫輪迴苦

Tảo cấp niệm Di Đà.

早急念彌陀

Sông yêu ngàn thước sóng,

biển khổ muôn lượn qua.

Luân hồi mong vượt thoát,

mau sớm niệm Di Đà.

(THIÊN VẤN DỊCH)

Chính cảm mà sinh tình, do tình mà con người phải chìm sâu sông yêu bể ái, là khởi đoan của mọi khổ đau, phiền não. Trong Kinh Pháp Cú, Phật cũng cho rằng: “*Những người say đắm theo ái dục, tự lao mình trong lưới buộc như nhện giăng tơ. Ai dứt được sự buộc ràng không còn dính mắc nữa, thì sẽ xa mọi thống khổ để ngao du tự tại*”.

Hữu sanh 有生: Được sanh ra và có sự sống.

Theo giáo lý nhà Phật, Sanh là một trong bốn cái khổ của con người, gọi là Tứ khổ: Sanh, Lão, Bệnh, Tử.

Hễ có sanh ắt phải có tử.

Nhưng phải có sanh ở thế gian này, tức là phải được làm người để tu hành thì chơn linh mới có thể thăng tiến được. Đức Chí Tôn có nói: “*Dẫu một vị Đại La Thiên Đế xuống phạm mà không tu, cũng khó trở lại địa vị đặng*”. Ấy vậy, *sanh là một con đường mà người khách trần mượn để đi lên*, hay nói cách khác, con người phải có kiếp sống ở thế gian này nghĩa là phải đầu thai xuống thế giới hữu hình, có xác thân để được tu tâm sửa tánh, lập công bồi đức thì chơn linh mới có thể thăng tiến lên được. Trong Giới Tâm Kinh có bài thơ rằng:

*Dễ gì lộn kiếp đặng làm người,
May đặng làm người chớ dễ duôi.
Lành dữ hai đường vừa ý chọn,
Lành như tòng, dữ tựa hoa tươi.*

Hữu tử 有死: Có sự chết.

Theo quan niệm thông thường của thế nhân, Chết là hết. Nhưng đối với nhân sinh quan của Cao Đài hay Phật Giáo: Chết chỉ là một giai đoạn hoại diệt của thân xác hữu hình hay sự đoạn lìa nghiệp trái ở thế gian, để có một sự sống tâm linh miên viễn, bất tận nơi thế giới vô vi, thanh tịnh.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy có nói: “*Sự thác (chết) cũng có khi vui mà cũng có lúc buồn. Người thế nếu biết sống, nghĩa là biết dụng mình cho có ích vào xã hội, biết dưỡng tánh tu thân, thì sự thác chẳng qua là sự mong mỏi của kẻ hành trình đã xong trách nhiệm, trở về phục sự đặng lãnh phần thưởng xứng đáng mà thôi*”.

Tri khổ nghiệp chương luân chuyển hóa sanh

知苦業障輪轉化生

Tri khổ 知苦: Biết được sự khổ.

Đối với Giáo lý Cao Đài hay Phật pháp, cõi trần gian là một biển khổ mênh mông của chúng sanh. Trong bài Khai Kinh có câu:

Biển trần khổ với trời nước

Cái khổ ở cõi hồng trần, tục lụy nầy, theo Đức Phật là do bốn mối sinh ra khổ: Đó là Sinh, Lão, Bệnh, Tử. Biết được sự khổ đó, con người phải tìm cách đoạn lìa mối khổ. Đức Phật có nêu lên *Tứ Thánh Đế* 四聖諦 gồm *Khổ đế* là xét rõ cái khổ ở trần gian như Sinh, Lão, Bệnh, Tử; *Tập đế* là xét ra bởi đâu mà kết tập thành cái khổ; *Diệt đế* là sự xét rõ cách dứt hết sự khổ; *Đạo đế* là con đường phải noi theo để giải thoát khỏi luân hồi khổ não.

Theo Cao Đài, muốn được an vui, thoát khổ thì người tu tập phải lo tu tâm dưỡng tánh và tạo lập công quả: “*Vì Thấy lập Đạo kỳ nầy là mở một trường thi công quả. Các con phải đi tại cửa nầy mới đến đặng nơi Cực Lạc mà thôi*”.

Nghiệp chương 業障: Đời trước phạm những nghiệp ác cho nên đời nay thành ra tội chướng.

Nghiệp 業 là những hành động có tác ý của thân, khẩu, ý, tức là những việc làm cố ý hay chỉ tính toán trong tâm khởi lên những ước muốn, những dự vọng để thực hiện cho bằng được. Dù đó là những việc làm thiện hay bất thiện được lập đi lập lại tạo nên sức mạnh chi phối tự thân và hoàn cảnh.

Chính con người tạo ra nghiệp thiện hay nghiệp ác, thì chính con người sẽ được hưởng hay phải chịu hậu quả của nghiệp báo ấy. Theo Kinh Pháp Cú, Đức Phật ví nghiệp “*như sét do sắt sinh ra rồi trở lại ăn sắt, còn ác nghiệp do người ta gây ra rồi trở lại dắt người ta đi vào cõi ác*”.

Nghiệp chướng có hai loại: Phiền não chướng 煩惱障 và Sở tri chướng 所知障. Chấp trước là nguồn gốc phiền não chướng, vọng tưởng là nguồn gốc của sở tri chướng. Mục tiêu của sự tu hành là chuyển hóa toàn bộ vọng tưởng và chấp trước để khôi phục lại Thiên Tánh hay Phật tánh.

Luân 輪: Bánh xe xoay vần.

Luân chuyển 輪轉: Là xoay giáp vòng tròn này rồi trở lại vòng khác. Sự xoay chuyển của chúng sanh trong vòng sáu cõi (lục đạo) như sanh tử, tử sanh tiếp nối không ngừng. Chỉ khi nào đạt được giải thoát, chứng ngộ Niết bàn mới ra khỏi vòng luân hồi sinh tử.

Hóa sanh 化生: Biến hóa mà sanh ra.

Năng du Ta Bà thế giới độ tận Vạn linh đắc qui Phật vị

能遊娑婆世界度盡萬靈得歸佛位

Năng du 能遊: Là có thể đi đây đi đó, có thể dạo khắp mọi nơi.

Ta Bà Thế giới 娑婆世界: Còn gọi là Thế giới Sa Bà. Theo Phật, Ta Bà, Hán dịch Kham nhẫn. Đây chính là một cõi Tam thiên Đại thiên thế giới. Dịch là Kham nhẫn, hàm ý: Chúng sanh trong cõi Thế giới Ta Bà cam lòng chịu đựng sự ô trược và những nỗi khổ sở phiền não

do ngũ trước gây ra, dù có được nghe Giáo Pháp của các Đấng Thiên Liêng, vẫn ít kẻ chịu lo tu hành để thoát ly khổ cảnh, cam tâm vui đắm mãi trong cảnh trói buộc, nên gọi là Kham nhẫn.

Như vậy, Ta Bà Thế giới là một thế giới bao la, rộng lớn, chỉ có các Đấng Tiên, Phật mới có thể đi khắp cùng thế giới đó để cứu giúp chúng sanh thoát khổ.

Địa cầu nơi con người sống chỉ là một chỗ rất nhỏ bé trong thế giới Ta Bà. Đức Phật Thích Ca lãnh giáo hóa chúng sanh nơi cõi Ta Bà, nên Kinh thường gọi “*Sa Bà Thế giới bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật*”.

Trong vũ trụ có hằng hà sa số thế giới, Kinh Phật gọi Tam thiên Đại thiên Thế giới 三千大千世界 là nói gồm cả Đại Thiên Thế giới, Trung Thiên Thế giới và Tiểu Thiên Thế giới.

Một Tiểu Thiên Thế giới có nghìn Thế giới. Một Trung Thiên Thế giới có một nghìn Tiểu Thiên Thế giới, tức là một triệu Thế giới. Một Đại Thiên Thế giới có một nghìn Trung Thiên Thế giới, tức là một ngàn triệu Thế giới. Như thế, ta thấy rằng Ta Bà Thế giới là một Thế giới rộng lớn bao la như thế nào.

Độ 度: Vượt qua biển sanh tử, còn có nghĩa tế độ cứu giúp người khác (độ tha) hoặc độ chính mình (tự độ). Từ Ba la mật đa Hán dịch nghĩa là Đáo bỉ ngạn: Đến bên kia bờ, tức bờ giải thoát.

Như vậy độ là vượt qua con sông sanh tử luân hồi để đến bên bờ giải thoát.

Độ tận 度盡: Là tế độ hết tất cả chúng sanh không trừ một ai.

Căn cứ theo kinh Phật, hai thời kỳ nhứt và nhị kỳ Phổ độ chỉ độ được tám ức nguyên nhân, còn lại 92 ức đắm chìm trong mê muội (Cửu thập nhị tào chi mê muội). Do vậy, trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, chính mình Đức Chí Tôn dùng huyền diệu Thiêng Liêng giáng cơ khai nền Đại Đạo và để Đức Điều Trì Kim Mẫu giáo hóa con cái hầu Ngài có thể độ hết các bậc nguyên nhân cùng toàn cả sanh linh còn chìm nơi bể khổ trở về với cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Vạn linh 萬靈: Muôn sanh linh, tức là toàn thể sanh linh trong Càn khôn Vũ trụ này. Các sanh linh bao gồm bát hồn: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

Độ tận vạn linh 度盡萬靈: Cứu giúp hết muôn Chơn linh.

Đắc qui 得歸: Được trở về.

Phật vị 佛位: Ngôi vị Phật.

Theo thuyết Tam thân của Phật giáo, thì Phật có ba thân:

– Pháp thân 法身: Lý pháp tụ tập lại thành ra thân, tức là lấy pháp tính làm ra thân. Pháp tính không sắc chất, thuần nhiên, không sinh diệt, lúc nào cũng thường trụ.

– Báo thân 報身: Là phần tốt của phúc đức trí tuệ Phật tích tụ làm thân, mà được quả báo viên mãn. Báo thân lúc nào cũng nương vào pháp thân.

– Ứng Thân 應身: Là hóa hiện ra sắc thân để độ chúng sinh theo căn cơ. Còn gọi là Hóa thân 化身, biến hóa thân 變化身.

Tóm lại, Pháp thân chỉ cái thể sở chứng, Báo thân và Ứng thân chỉ cái dụng, nhờ thể ấy mà ra. Một Phật, nhờ minh giác linh diệu lưu chuyển thành các thân khác. Thuận lý thì chỉ có một Phật, do phúc đức trí tuệ Phật biến hóa ra nhiều phật.

Theo Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Chí Tôn hóa sanh chư Thần Thánh Tiên Phật, như vậy Đức Chí Tôn là vị Phật lớn nhất trong các vị Phật. Hay nói cách khác, Chí Tôn là Pháp thân, còn chư Phật, chư Tiên là Báo thân hay Ứng thân của Đức Chí Tôn. Vì thế, trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng cơ cho biết: “*Nhiên Đẳng Cổ Phật thị Ngã, Thích Ca Mâu Ni thị Ngã, Thái Thượng Nguyên Thi thị Ngã. Kim viết Cao Đài*” 燃燈古佛是我. 釋迦牟尼是我. 太上元始是我. 今曰高臺. Tóm lại, Đức Chí Tôn là Phật vị.

Đắc qui Phật vị 得歸佛位: Được trở về với ngôi vị Phật, tức là trở lại với Đức Chí Tôn hay gọi qui nguyên.

C- DỊCH NGHĨA

Tầng Hồn Nguyên Thiên ở trên hết có :

- *Brahma Phật.*
- *Civa Phật.*
- *Christna Phật.*
- *Thanh Tịnh Trí Phật.*
- *Diệu Minh Lý Phật*
- *Phục Tướng Thị Phật*
- *Diệt Thế Thắng Phật*

– *Phục Linh Tánh Phật*

Tất cả các vị Phật, có giác ngộ, có thương cảm, có sống, có chết, biết rõ sự khổ não do nghiệp chướng gây nên, luân hồi chuyển kiếp mà hóa sanh ra, các vị Phật có thể đi khắp cõi Ta Bà Thế giới độ hết các Chơn linh để được trở về với ngôi vị Phật.

3.- HỘI NGUƠN THIÊN

A- KINH

HỘI NGUƠN THIÊN hữu:

- Trụ Thiên Phật
- Đa ái Sanh Phật
- Giải Thoát Khổ Phật
- Diệu Chơn Hành Phật
- Thắng Giải Ác Phật

Nhứt thiết chư Phật tòng lịnh DI LẠC VƯƠNG PHẬT, năng chiếu diệu quang tiêu trừ nghiệt chướng.

Nhược hữu chúng sanh văn ngã ứng đương thoát nghiệt, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng tòng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn.

Nhược nhơn đương sanh, nhược nhơn vị sanh, nhược nhơn hữu kiếp, nhược nhơn vô kiếp, nhược nhơn hữu tội, nhược nhơn vô tội, nhược nhơn hữu niệm, nhược nhơn vô niệm, thính đắc ngã ngôn, phát tam thiện niệm, tất đắc A nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề tất đắc giải thoát.

Nhược hữu nhơn thọ trì khủng kinh ma chướng, nhứt tâm thiện niệm: Nam Mô Di Lạc Vương Bồ Tát, năng cứu khổ ách, năng cứu tam tai, năng cứu tật bệnh, năng độ dẫn chúng sanh thoát chư nghiệt chướng tất đắc giải thoát.

B- CHÚ THÍCH

HỘI NGƯỜN THIÊN hữu

會元天有

Hội Ngươn Thiên 會元天: Theo Di Lạc Chơn Kinh, tầng Hội Ngươn Thiên là tầng Trời do Đức Di Lạc Vương Phật cai quản. Tầng này nằm phía bên dưới Tầng Hỗn Ngươn Thiên.

Như vậy, Đức Di Lạc Vương cầm quyền Chưởng quản hai Tầng Trời: Hỗn Ngươn Thiên và Hội Ngươn Thiên.

Trụ Thiện Phật 住善佛

Trụ thiện 住善: Chủ trì làm việc thiện.

Làm thiện thì phải có những hành động, lời nói, ý nghĩ lành, hợp với Đạo lý, không xuất phát từ tham, sân, si, đem lại lợi ích, hạnh phúc cho mình và cho người khác. Có hai loại thiện:

Hữu lậu thiện 有漏善: Là việc làm thiện, tuy làm cho người thọ hưởng được những quả báo tốt lành, nhưng vẫn chưa giải thoát được ra khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Vô lậu thiện 無漏善: Làm việc thiện một cách rớt ráo, không ngã chấp, không mong cầu phước báu.

Vô lậu thiện là việc làm thiện của các Đấng Thiêng Liêng cho chúng sanh.

Đa Ái Sanh Phật 多愛生佛

Đa ái sanh 多愛生: Có nhiều lòng thương yêu sự sống.

Lòng yêu thương chúng sanh của Chí Tôn, chư Phật và chư Tiên giống như người mẹ thương con, với tình yêu thương tự nhiên, không đòi hỏi điều gì cả, tình thương này được gọi là lòng đại từ bi.

Chí Tôn và chư vị Phật có lòng thương yêu sự sống của chúng sanh, mong muốn gìn giữ mạng sống của chúng sanh, gọi là bảo sanh 保生, thấy chúng sinh mê muội, đắm chìm nơi khổ hải nên mới ra đời dìu dắt, cứu giúp chúng sinh thoát lìa khổ não và luân hồi sanh tử.

Giải Thoát Khổ Phật 解脫苦佛

Giải thoát khổ 解脫苦: Là giải thoát khổ đau, không còn vướng mắc trong vòng sanh tử luân hồi, tự do, tự tại. Tự mở trí và thoát ra khỏi những tâm bất thiện đã ràng buộc.

Theo Thánh giáo, thế gian là cảnh đọa, là nơi thọ muôn ngàn cay đắng, chịu biết bao thử thách nhọc nhằn, chứa nhiều xót xa đau khổ, nên các Đấng Thiêng Liêng tìm cách cứu thế độ đời, tùy theo trình độ, căn cơ của chúng sanh mà chỉ bày phương cách xử lý với cảnh khổ. Đức Hộ Pháp giải thích điều này như sau:

Hiển vì thương đời mà đạt cơ **tùng khổ**.

Thần vì thương đời mà lập cơ **thắng khổ**.

Thánh vì thương đời mà dạy cơ **thọ khổ**.

Tiên vì thương đời mà bày cơ **thoát khổ**.

Phật vì thương đời mà tìm cơ **giải khổ**.

Như vậy, giải thoát khổ là cứu cánh của chư Phật.

Diệu Chơn Hành Phật 妙真行佛

Diệu chơn hành 妙真行: Thi hành Chơn pháp huyền diệu.

Chơn pháp huyền diệu chỉ được thi hành trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vì chính Đức Chí Tôn dùng huyền diệu Thiêng liêng giảng cơ ban cho nền Chơn pháp này để chúng sanh trong thời hạ nguơn mặt pháp chung hưởng và sẽ được truyền mãi đến thất ức niên.

Thắng Giải Ác Phật 勝戒惡佛

Giải ác: Hay giới ác 戒惡 tức là phòng bị, răn đe những điều xấu xa hung dữ lấy mình

Thắng giải ác 勝戒惡: Người hành trì phải chiến thắng những giới ác, tức những điều gì dữ, xấu xa. Hay nói cách khác, phải chiến thắng những việc bất thiện, không hợp Đạo lý về thân, khẩu, ý, có hại cho mình và cho người khác.

Con người vì ác niệm mà gây nghiệp quả, rồi phải chịu vòng luân hồi sinh tử. Vì thế, người tu muốn thoát nghiệp phải thắng giới ác.

Giới là những điều răn cấm để giúp cho người tu ngăn ngừa điều quấy, ngưng điều ác, không làm các việc ác, mà làm các việc lành.

Người có trí giới thì không còn tạo nghiệp ác để sau phải chịu thọ nghiệp quả khổ đau. Như vậy, *giới là nền*

tầng của giác ngộ giải thoát.

Tùng lệnh Di Lạc Vương Phật

從令彌勒王佛

Tùng lệnh 從令: Tùng theo mệnh lệnh.

Di Lạc Vương Phật 彌勒王佛: Di Lạc Vương Bồ Tát hay Di Lạc Bồ Tát đều là Hồng danh của Đức Phật Di Lạc. Có điều gọi Di Lạc Vương Phật để chỉ Đức Ngài đang hành quyền cai quản chư Phật, còn gọi Di Lạc Bồ Tát hay Di Lạc Vương Bồ Tát để chỉ Đức Ngài đang thi hành nhiệm vụ giáo hóa và phổ độ chúng sanh.

Di Lạc Bồ Tát là do tiếng Phạn Maitreya Bodhisattva phiên dịch ra, có nghĩa là Từ Thị 慈氏 (Đấng Từ bi có lòng thương rộng lớn) và hiệu là A Dật Đa 阿逸多. Theo Lời Phật Thích Ca nói thì Đức Di Lạc Bồ Tát còn đang ở trên tầng trời Đâu Suất thuyết pháp, đợi đến ngày giáng sinh làm người ở trần gian để tu thành Phật, tức là một vị Phật tương lai, sau Đức Thích Ca Mâu Ni vậy.

Đức Di Lạc thường thị hiện ở cõi trần để hóa độ chúng sanh nhưng không ai hay biết, như trường hợp Bồ Đại Hòa Thượng. Đức Di Lạc được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thọ ký kế thừa Phật vị của Ngài, tức là một vị Bồ Tát sẽ thành Phật tại cõi nhân gian và sẽ kế thừa Đức Phật Thích Ca để giáo hóa chúng sanh. Di Lạc Bồ Tát là hiện thân cho đức tính hỷ xả: Bởi vì Ngài thấy được các pháp do nhân duyên sinh khởi, không thật, chỉ có giả danh, nên Ngài không có chấp trước các pháp. Tượng thờ Đức Di Lạc Bồ Tát, người ta tạc có sáu đứa bé đeo theo chọc phá, đó là tượng trưng cho sáu thức (Lục tặc) luôn luôn quấy rối, nhưng Ngài vẫn an vui tự tại, hoan hỷ như thường.

Đức Phật Di Lặc có nhiều lần hóa sanh xuống trần để cứu độ chúng sanh. Sau đây chỉ ghi lại thời kỳ Ngũ Đại, Đức Di Lặc giáng sinh là vị Bồ Đại Hòa Thượng 布袋和尚.

Bồ Đại là một vị Hòa thượng không tên tuổi, thường mang một cái túi vải (Bồ đại 布袋: túi bằng vải) lớn trên vai nên người đời gọi là Bồ Đại. Tương truyền Bồ Đại Hòa Thượng có thân hình mập mập, mặt tròn, bụng to, miệng luôn luôn cười vui, vai lúc nào cũng mang bị vải, tay cầm cây tích trượng. Có nhiều câu chuyện lạ lùng kể về Ngài.

Một hôm, gặp vị Thiền sư hỏi Ngài: Phật pháp là thế nào ? Bồ Đại đang mang bị vải bèn buông xuống đất, rồi đứng thẳng khoanh tay. Thiền Sư thấy vậy hỏi tiếp: Chỉ có như vậy, hay lại có việc hưởng thụ? Bồ Đại mang bị lên vai rồi đi. Qua cử chỉ trên, Ngài muốn cho biết: việc bỏ bị xuống đất là ý buông xả tất cả, dù là Phật pháp, nếu còn đeo đẳng, còn chấp chặt thì không thể nào thấu đạt Phật pháp. Buông xả rồi đứng yên là có ý chỉ tâm thanh tịnh. Sau đó quải bị lên vai rồi thông thả đi là có ý cho biết Ngài ung dung tự tại, nhưng dẫn thân vào đời để làm lợi lạc cho chúng sinh. Lúc sắp tịch Ngài có bài kệ như sau:

Di Lặc chân Di Lặc,

彌勒真彌勒

Phân thân thiên bách ức.

分身千百億

Thời thời thị thời nhân,

時時示時人

Thời nhân tự bất thức.

時人自不識

Di Lặc, thật Di Lặc,

Phân thân trăm ngàn ức.

Luôn luôn chỉ người đời,

Người đời tự chẳng biết.

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Phật Di Lặc tái sinh một lần nữa để sửa đổi mỗi Chơn truyền, đóng các tầng Địa Ngục, A Tỳ để mở cơ tận độ các Chơn linh:

Tái sanh sửa đổi Chơn truyền,

Khai cơ tận độ Cửu tuyến diệt vong.

Để mở Hội Long Hoa, là một trường thi Tiên Phật, do Đức Di Lặc làm chủ khảo, Đức Ngài giáng chơn linh xuống làm Di Đà Hộ Pháp để thâm tóm các Đạo hữu hình lại thành một mối, đối với tà tinh ma quỷ, Ngài dùng Giáng Ma Xử khư trừ, và đối với các Chơn linh tu hành tinh tấn, Ngài sẽ tùy công đức mà phong Tiên hay Phật vị.

Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,

Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trục tinh.

Thâu các Đạo hữu hình làm một,

Trường thi Tiên, Phật dượt kiếp khiên.

(KINH ĐẠI TƯỜNG)

Tại Tòa Thánh Tây Ninh, trên nóc của Phi Tượng Đài có tượng Đức Phật Di Lặc ngồi tòa sen đặt trên lưng một con cọp vàng. (Cọp tượng trưng năm Bính Dần là năm khai nền Đại Đạo).

Năng chiếu diệu quang tiêu trừ nghiệt chướng

能照妙光消除孽障

Năng chiếu 能照: Có thể chiếu rọi. Thường hay chiếu rọi.

Diệu quang 妙光: Ánh sáng huyền diệu, hào quang hay Phật quang.

Năng chiếu diệu quang 能照妙光: Có thể chiếu những tia sáng huyền diệu, hay chiếu hào quang.

Thế gian thường bảo mặt trời là lớn và sáng nhưt, nhưng mặt trời chỉ chiếu khắp bốn châu, vẫn bị mây giá, sương mù che khuất ánh sáng, tường nhà không xuyên thấu được. Như vậy, ánh sáng mặt trời có hạn lượng mà còn bị chướng ngại nữa. Nếu đem so với Phật quang hay hào quang, thì ánh sáng huyền diệu của chư Phật, quang minh rực rỡ có thể chiếu suốt mười phương, tam giới, chiếu tan hết thấy những điều phiền não, khổ sở, tối tăm của tất cả chúng sanh.

Tiêu trừ nghiệp chướng 消除孽障: Là diệt trừ hết những mầm ác, nghiệp xấu gây chướng ngại cho cuộc sống và việc tu hành của con người.

Nghiệp chướng làm mê mờ chân tánh, nếu không sám hối thì khó có thể tiêu trừ sạch hết được. Vì nếu chúng ta phạm vào tội nghiệp rất nặng, lẽ ra phải bị đọa vào Địa ngục A tỳ, nhưng nếu biết ăn năn, sửa lỗi, lo lập công bồi đức, thì vẫn có thể tiêu trừ được ác nghiệp và đắc quả.

Nhược hữu chúng sanh văn ngã ứng đương thoát nghiệp

若有眾生聞我應當脫孽

Nhược hữu 若有: Nếu như có.

Chúng sanh 眾生: Hay chúng sinh (satta), Hán dịch

âm là Tất đỏa, nghĩa là loài hữu tình, có sinh mạng, có sanh tử, tức là các loài như thảo mộc, thú cầm hay Nhơn loại.

Theo Phật, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tức là có sẵn mầm giác ngộ ở trong người và như vậy nên có thể thành Phật trong tương lai.

Theo Cao Đài, mỗi chúng sinh là một tiểu linh quang của Đấng Chí Tôn, nên đều có Thiên tánh, trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có câu: “*Thầy là các con, các con là Thầy*”.

Văn Ngã 聞我: Nghe lời Ta. Đức Phật hằng nhắc nhở chúng sanh là nên nghe lời chân thật của Ngài đã dạy.

Ứng đương 應當: Phải nên. Hai chữ này thể hiện tấm lòng tha thiết, khẩn khoản của Phật, đã bao lần đĩnh ninh dặn dò, khuyên lơn những mong người nghe kinh mau phát tâm cầu nguyện.

Thoát nghiệp 脫孽: Giải thoát khỏi mầm ác nghiệp.

Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng

念佛, 念法, 念僧

Niệm 念: Tưởng nghĩ đến, đọc trong tâm.

Phật 佛: tức là Bụt. Do chữ Buddha, Hán phiên âm là Phật 佛 để chỉ một cách tôn kính tất cả những bậc đã đạt đến sự giác ngộ hoàn toàn.

Pháp 法: Là một danh từ chỉ chung về Đạo, Quy luật, nguyên lý tự nhiên, Giáo lý của chư Phật, chư Bồ Tát.

Tăng 僧: Chỉ người xuất gia tu hành theo Phật pháp.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Chí Tôn nói: “*Thầy khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn Thế Giới nên mới gọi là **Pháp**, **Pháp** có mới sanh ra Càn Khôn Vũ Trụ rồi mới có*

người nên gọi là Tăng. Thấy là Phật, chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thấy”.

Sở dĩ chúng ta tụng kinh và niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là vì chúng ta muốn cho lương tri, lương năng được trong lành, sáng suốt. Bởi tâm chúng sanh luôn luôn lúc nào cũng bị vật dục che mờ cái thân minh ấy, làm cho không thể nhận thấy được chân thiện mỹ. Niệm Phật, Pháp, Tăng có công năng định tâm gìn ý và hướng tâm ý con người đến những điều tốt đẹp, thuần lương, nhờ vậy những tư tưởng xấu xa đen tối sẽ lần lần bị tiêu diệt. Niệm Phật, Pháp, Tăng còn có thể nhờ những quyền năng vô thượng, đức hạnh tròn lành của các Đấng cứu giúp cho ta thoát khỏi họa tai, hôn ám.

Tùng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ

從是法條三期普度

Tùng thị 從是: Tùng là tuân theo. Thị là phải, đúng. Tùng thị là tùng theo vì cho đó là đúng, là phải.

Pháp điều 法條: Những điều khoản của giáo pháp hay luật pháp.

Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ là hệ thống pháp luật của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gồm: Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, các Đạo Luật, và các Đạo Nghị Định.

Tam kỳ Phổ Độ 三期普度: Phổ độ chúng sanh trong thời kỳ thứ ba.

Từ thời Thượng Ngươn đến nay, Đức Chí Tôn đã cho mở ra ba thời kỳ phổ độ để cứu giúp chúng sanh: Đó là Nhứt Kỳ Phổ Độ, Nhị Kỳ Phổ Độ và Tam Kỳ Phổ Độ:

³*Nhứt Kỳ Phổ Độ*: Vào thời kỳ Thượng Ngươn.

Phật thì có Nhiên Đăng Cổ Phật mở Phật giáo ở Ấn Độ.

Tiên thì có Thái Thượng Đạo Tổ mở Tiên Giáo ở Trung Hoa.

Thánh thì có: Vua Phục Hy khởi đầu Nho Giáo ở Trung Hoa

Thánh Moise mở Do Thái Giáo ở Do Thái.

³*Nhị Kỳ Phổ Độ*: Vào thời kỳ Trung Ngươn.

Phật: Đức Thích Ca Mâu Ni chấn hưng lại Phật Giáo.

Tiên: Lão Tử chấn hưng Tiên Giáo, còn gọi Lão Giáo.

Thánh: Đức Khổng Tử mở Khổng giáo để chấn hưng Nho Giáo

Ngoài ra, Đức Chúa Jêsus Christ mở Thiên Chúa Giáo ở Do Thái.

³*Tam Kỳ Phổ Độ*: Vào thời kỳ Hạ Ngươn.

Đức Chí Tôn dùng huyền diệu Thiêng Liêng giáng cơ mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một Tôn Giáo phổ độ chúng sanh trong thời Hạ Ngươn mạt pháp này, với tôn chỉ là “*Qui nguyên Tam Giáo Phục nhứt Ngũ chi*”. Thay mặt cho Tam Giáo thì có Tam Trấn Oai Nghiêm.

Nhứt Trấn Oai Nghiêm Lý Đại Tiên Trưởng, tức Thái Bạch Kim Tinh thay mặt cho Tiên Giáo.

Nhị Trấn Oai Nghiêm Đức Quan Âm Bồ Tát thay mặt cho Phật Giáo.

Tam Trấn Oai Nghiêm Quan Thánh Đế Quân thay mặt cho Thánh Giáo.

Tất đắc giải thoát luân hồi

必得解脫輪迴

Tất đắc 必得: Ất được, tất phải được.

Giải 解: Là mở ra, cởi bỏ.

Thoát 脫: Ra trót lọt, không dính mắc gì hết.

Giải thoát 解脫: Cởi bỏ mọi trói buộc, như khổ đau, phiền não.

Luân hồi 輪迴: Luân là bánh xe xoay vần, Hồi là quay tròn vòng này trở lại đến vòng khác, cứ thế quay mãi.

Sự luân chuyển của chúng sanh trong sáu cõi (Lục đạo 六道), sanh tử, tử sanh tiếp nối nhau không ngừng như cái bánh xe quay không có khởi điểm. Chúng sanh vì vô minh gây ra nghiệp, rồi bị nghiệp lực cuốn hút vào vòng sống chết không bao giờ dừng nghỉ, chỉ khi nào thông đạt được Giáo pháp mới mong được giải thoát hay chứng quả mà thôi. Phật dạy: “*Đêm dài với kẻ mất ngủ, đường rất xa với kẻ lữ hành mỗi mệp. Cũng thế, vòng luân hồi sẽ tiếp nối vô tận với kẻ ngu si, không minh đạt chánh pháp*”(Kinh Pháp Cú).

Giải thoát luân hồi 解脫輪迴: Là cởi bỏ hết mọi sự khổ đau, phiền não đã trói buộc con người ở thế gian, hầu thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Đắc lộ Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn

得路多羅三藐三菩提是之證果極樂涅槃

Đắc lộ 得路: Đạt được một con đường đi, có nghĩa là đắc Đạo.

Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề 多羅三藐三菩提: Hay còn gọi là Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề do Phạn ngữ Samyak Sambodhi. Đa La dịch là Thượng, Tam Miệu dịch là Chánh Đẳng, Tam Bồ Đề dịch là Chánh Giác.

Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề: Hay A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề, đó là Quả vị tối cao của Đức Phật: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác hay sự giác ngộ chân chánh hoàn toàn viên mãn.

Vô Thượng là viên mãn cả ba điều giác ngộ (Tự giác, giác tha giác hạnh viên mãn), đầy đủ vạn đức, không còn có điều gì cao siêu hơn được. Xét về phương diện tự chứng, thì trí tuệ đã viên mãn vô thượng, về phương diện lợi tha thì công đức cũng viên mãn vô thượng.

Chánh Đẳng: Đẳng là bình đẳng. Khi đã được giác ngộ rồi, chẳng hề tiếc nuối mảy may, vận dụng trí tuệ chân chánh, bình đẳng tận lực làm lợi cho người khác.

Chánh Giác: Là sự giác ngộ đúng đắn, hoàn toàn.

Có thể phân tích sự giác ngộ này theo 3 mức độ:

1- *Chánh giác*

2- *Chánh đẳng chánh giác.*

3- *Vô thượng chánh đẳng chánh giác.*

A La Hán là bậc Chánh giác.

Mức độ giác ngộ cao hơn gọi là Chánh đẳng chánh giác, đó là chư Bồ Tát. Các vị Bồ Tát còn phải tu tập nhiều mới đạt được chân tâm viên mãn như chư Phật.

Phật là người có được chân tâm viên mãn, đã giác ngộ toàn triệt về nhân sinh và vũ trụ, đã đạt đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Thị chi 是之: Ấy là.

Chứng quả 證果: Người tu nhận thực được cái kết quả của việc tu hành. Đạt được quả vị.

Trong thời Hạ Ngươn Mặt Pháp này, nhiều người tu hành có quan niệm rằng: Muốn chứng được quả, chỉ cần luyện Đạo. Điều này chưa đủ, Thầy đã giải thích như sau: *“Người tu hành, nếu chưa trưởng trai, trì giới nổi dặng thì hãy lo lập đức, bồi công để làm nền móng vững chắc cho việc luyện Đạo tương lai, chớ nên dục vọng mong sớm luyện Đạo để làm Tiên Phật mà thiếu phần công quả âm chất”*.

Cực Lạc 極樂: Còn gọi là Tây Phương Cực Lạc, Cực Lạc Thế giới, Tây Phương Tịnh Độ hay An Lạc Quốc là một cõi Tịnh độ do Đức Phật A Di Đà 阿彌陀 giáo hóa. Theo Phật, Cực Lạc là một nơi hoàn toàn trong sạch, đẹp đẽ, an vui và hạnh phúc, không có phiền não, ô uế, thọ mạng dài lâu, trí tuệ cao diệu.

Trong Kinh A Di Đà có giải về Cực Lạc như sau: *“Bỉ độ hà cổ danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, dân thọ chư lạc, cổ danh Cực Lạc”*. Nghĩa là Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh trong cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên gọi là Cực Lạc.

Niết Bàn 涅槃: Phiên âm từ Phạn là Nirvana, có nghĩa chấm dứt, ra khỏi rừng phiền não. Niết Bàn là cảnh giới giải thoát, cứu cánh của bậc đã giác ngộ. Niết Bàn được diễn tả sự an lạc, thanh tịnh, bất tử, hạnh phúc...

Theo Phật, Niết Bàn không phải là một xứ sở, nơi chốn ở ngoài không gian hay thời gian, mà phải hiểu Niết Bàn như là mục đích tu hành để thoát ra khỏi vòng sinh tử, luân hồi, đoạn diệt ba căn tham, sân, si và không còn

chịu sự tác động của nghiệp.

Nhược nhưn đương sanh, nhược nhưn vị sanh

若人當生, 若人未生

Nhược nhưn đương sanh 若人當生: Nếu người đang được sanh ra hay đang sống.

Nhược nhưn vị sanh 若人未生: Nếu người chưa được sanh ra.

Nhược nhưn hữu kiếp, nhược nhưn vô kiếp

若人有劫, 若人無劫

Hữu kiếp 有劫: Có kiếp sống nơi cõi thế gian.

Kiếp còn có nghĩa là một đời người. Do lòng tin chết không phải là hết, nên người bình dân Việt Nam dù không Tôn giáo nhưng vẫn tin rằng sự đầu thai kiếp khác sẽ do hành vi tội phước của mình trong kiếp nầy gây tạo, vì thế ca dao có câu :

Ai ơi! Hãy ở cho lành,

Kiếp nầy không được để dành kiếp sau.

Theo nhà Phật, mỗi một kiếp gồm có bốn giai đoạn: Thành kiếp, Trụ kiếp, Hoại kiếp và Không kiếp.

Vô kiếp 無劫: Không có kiếp sống nơi thế gian.

Nhược nhưn hữu tội, nhược nhưn vô tội

若人有罪, 若人無罪

Hữu tội 有罪: Có tội.

Thế gian là nơi chứa nhiều tội lỗi, bởi con người bị vô minh che mờ chân tánh, nên thường tạo nhiều tội lỗi. Thánh giáo Thầy có dạy: “*Nơi trần khổ nầy, dầu cho*

bậc Chí Thánh cũng khó tránh sự lỗi lầm đặng, nhưng sự ăn năn tự hối là quý báu vô giá. Các Tiên, Phật xưa cũng nhiều bậc đứng đặng địa vị cao thượng, thiêng liêng là nhờ sự cải quá mà nên chánh quả”.

Con người tuy có tội lỗi, nhưng nếu biết sám hối ăn năn thì có thể tu tiến được. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy có nói “*Buổi lập Thánh Đạo, Thầy đến độ rồi kẻ có tội lỗi. Nếu đời không có tội lỗi, đâu nhọc đến công Thầy.*

Ấy vậy, các con răn độ kẻ tội lỗi là công lớn làm cho Thầy vui hơn hết”.

Vô tội 無罪: Không có tội.

Có nhiều người sống ở thế gian, trong hiện kiếp không có gây ra tội lỗi, nên họ nghĩ rằng mình hiền lành, vô tội thì khỏi cần phải tu, ví như câu “*sầu tu, cù tu, thần lần, rần mối khỏi tu*”, tức là con vật hung dữ phải lo tu để trở nên hiền, trái lại con vật hiền lành thì khỏi cần tu.

Thực ra, nghĩ như vậy là họ sai lầm, bởi vì trong hiện kiếp này họ thấy mình vô tội nhưng biết đâu tội tiền khiên của họ chưa trả hết. Lại nữa, con người đầu kiếp xuống thế gian là để chơn linh tu hành tấn hóa, nếu nói rằng mình trong kiếp sanh này vô tội mà không tu thì chẳng uổng phí cho một kiếp sinh làm sao!

Nhược như hữu niệm, nhược như vô niệm

若人有念, 若人無念

Hữu niệm 有念: Có tưởng nghĩ tới, nghĩa là có lòng tin tưởng Đức Chí Tôn và các Đấng Phật, Tiên, tức là luôn luôn tưởng nhớ đến đức hạnh tròn lành, quyền năng vô thượng và nguyện noi theo những thánh đức của

các Đấng ấy.

Vô niệm 無念: Không có lòng tưởng niệm.

Thính đắc Ngã ngôn phát tâm thiện niệm

聽得我言發心善念

Thính đắc Ngã ngôn 聽得我言: Nghe được lời nói của Ta, đây chỉ lời Phật nói.

Phát tâm thiện niệm 發心善念: Phát khởi tấm lòng nghĩ đến điều lành, tức biết lo tu hành, làm phước.

Thính đắc Ngã ngôn phát tâm thiện niệm 聽得我言發心善念: Ý Phật rất chân thành tha thiết dạy cho chúng ta rằng: Nếu nghe được lời nói chân thật của Ta (Đức Phật), thì hãy mau mau phát khởi lòng thiện niệm mà lo tu hành hầu được thoát khỏi luân hồi sinh tử. Kinh Phật đã từng dạy mạng sống con người chỉ ngắn ngủi trong hơi thở! Vì hơi thở ra mà không trở vào tức bước sang kiếp khác, vì vậy năm tháng ngày giờ, cho đến mỗi giây phút, đều có vô thường ở trong đó, chẳng ai quyết đoán mạng sống của mình dài được bao lâu. Phật dạy:

Chớ hẹn đến già rồi niệm Phật.

Đồng hoang mở trẻ thấy đồng người.

Tất đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề tất đắc giải thoát 必得阿耨多羅三藐三菩提, 必得解脫

A Nậu 阿耨: Phiên âm từ Phạn ngữ là Anout: Nghĩa là không, vô.

A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề 阿耨多羅三藐三菩提: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Giải thoát 解脫: Giải là cởi bỏ. Thoát ra trót lọt.

Giải thoát là không dính mắc, hệ lụy một điều gì hết.

Giải thoát là cởi bỏ thoát khỏi mọi trói buộc, mọi phiền não, mọi khổ đau và được an lạc tự tại. Giải thoát cũng có nghĩa là không còn vướng mắc trong vòng sanh tử luân hồi nữa.

Trong cuộc sống hằng ngày, ít có ai ý thức được rằng chính mình đang đang gây tạo khổ đau, phiền não. Ngược lại, ta cứ nghĩ rằng chúng từ bên ngoài đến trói buộc ta. Tu tập là để có thể ý thức được những khi khổ đau khởi lên để ta kịp thời buông bỏ.

Tất đắc giải thoát 必得解脫: Ất được giải thoát.

Nhược hữu như thọ trì khủng kinh ma chướng

若有人受持恐驚魔障

Thọ trì 受持: Nhận lãnh và giữ gìn. Người tu hành khi thọ trì giới thì phải nhận lãnh và giữ gìn giới luật theo pháp môn mình.

Khủng kinh 恐驚: Sự sợ hãi, kinh khủng.

Sự sợ hãi hay kinh hoàng là một loại phiền não lớn và đau khổ nhất của con người nơi thế gian này. Giáo pháp của Đạo nhằm đem đến niềm an vui, hạnh phúc cho chúng sanh. Do vậy, Vô úy thí, tức là làm một việc khiến cho chúng sanh hết sợ hãi, an tâm, đó là một loại bố thí có công đức vô lượng, trên cả Pháp thí và Tài thí.

Ma chướng 魔障: Sự chướng ngại do Ma tạo ra để cản trở việc tu hành. Theo Tôn giáo Ma có thể hiểu là tất cả những gì ngăn cản các thiện căn, cản trở chánh pháp, hoặc như các phiền não, hoài nghi, làm nhiễm loạn thân tâm, gây chướng ngại cho việc tu hành đều là ma chướng.

Ma chướng có thể chia làm hai loại:

Nội ma 内魔: Là những thói hư tật xấu hay tham sân si, dục vọng... ẩn chứa trong trong thân tâm chúng ta, luôn luôn chờ cơ hội tác động, xúi giục chúng ta làm điều ác.

Ngoại ma 外魔: Là những điều bất thiện, những tập nhiễm sâu xa của xã hội bên ngoài lôi cuốn chúng ta vào đường ác đức.

Chúng sanh đời mạt pháp, phước thì mỏng, chướng thì dày, huệ cạn, nghiệp sâu, nên tu hành thường vướng phải ma chướng, tín tâm yếu ớt nên bị hãm vào lưới ma, lại bị ác nghiệp lôi kéo, khó bề thoát khỏi đọa. Vì vậy, phải có đức tin kiên trì tưởng niệm Chí Tôn, tạo lập công quả, hành nhơn tác thiện để được các Đấng hộ trì viên ly ma chướng.

Nhứt tâm thiện niệm 一心善念

Nhứt tâm 一心: Một lòng, lòng luôn luôn.

Nhứt tâm thiện niệm 一心善念: Một lòng nghĩ đến điều lành, hay luôn luôn nghĩ đến điều lành. Bởi vì nghĩ đến điều lành là không nghĩ đến điều dữ, không gieo ác nghiệp. Phật có dạy: “*Không tạo ác nghiệp là hơn, vì làm ác nhứt định thọ khổ; làm các thiện nghiệp là hơn, vì làm lành nhứt định thọ vui*” (Kinh Pháp Cú).

Trong Minh Tâm Bửu Giám có câu: 一日不念善, 諸惡皆自起 “*Nhứt nhứt bất niệm thiện, chư ác giai tự khởi*”: Một ngày chẳng nghĩ đến điều lành, mọi điều ác sẽ tự dấy lên.

Chẳng cần phải tu nhiều kiếp mà vẫn được giải thoát: Hễ đầy đủ công đức và nhất tâm niệm Phật cho đến

mức nhất tâm bất loạn thì nhờ vào sức tiếp dẫn của các Đấng sẽ được vãng sanh về cõi Thiên Liêng Hằng Sống, không còn vướng mắc trong vòng sanh tử nữa.

Năng cứu khổ ách, năng cứu Tam tai, năng cứu tật bệnh

能救苦厄能救三災能救疾病

Năng cứu 能救: Có khả năng cứu giúp, có thể cứu giúp.

Khổ 苦: Tiếng Hán có nghĩa là đắng, khó chịu. Khổ còn có nghĩa là sự đau khổ về vật chất hay tâm thức của con người. Những điều dễ chịu, vui sướng trong thế gian này Phật cũng cho là khổ, bởi vì chúng sẽ bị hoại diệt, không thường tại.

Trong kinh Phật dạy: Cái khổ trong địa ngục bị thiêu đốt cũng chưa phải là khổ, cái khổ bị làm ngã quỉ đói khát cũng chưa phải là khổ, cái khổ làm súc sanh kéo cày bị đánh cũng chưa phải là khổ, mà cái khổ vô minh không biết đường đi mới là khổ. Vì thế, Tiên Phật thường dạy cho chúng sinh diệt trừ vô minh, trở nên tỉnh giác mà biết được đường tu hành để thoát vòng luân hồi sanh tử.

Con người có hai loại khổ đau: Vật chất và Tinh thần. Người khổ về vật chất, ta có thể cứu giúp một ít được, còn khổ đau về tinh thần, ta chỉ xoa dịu phần nào mà thôi. Chỉ có các Đấng Trời Phật và các Giáo pháp mới có thể cứu vớt hết chúng sinh về các loại khổ đau, nghiệp chướng và còn dẫn dắt ra khỏi vòng luân hồi khổ não.

Khổ ách 苦厄: Khổ sở và tai nạn.

Năng cứu khổ ách 能救苦厄: Có thể cứu giúp

những khổ sở và tai nạn.

Tam tai 三災: Ba thứ tai họa xảy đến: Hỏa tai 火災, Phong tai 風災 và Thủy tai 水災.

Hỏa tai 火災: Tai họa do lửa như cháy nhà cửa...

Phong tai 風災: Tai họa do gió gây ra như bão lụt, cuồng phong...

Thủy tai 水災: Tai họa do nước gây nên như hồng thủy, lụt ngập, sóng thần...

Thời Hạ Ngươn mặt pháp, tam tai thường xuyên xảy ra trên quả Địa cầu già nua cằn cỗi này. Về hỏa tai, do thiên nhiên thì có núi lửa, hạn hán, do con người thì cháy rừng. Về phong tai, bão lụt, gió xoáy... Về thủy tai thì có lụt lội, sóng thần, sạt lở đất...

Tật bệnh 疾病: Đau bệnh hay bệnh tật.

Bệnh là một trong tứ khổ. Bệnh chương là một trở ngại lớn cho người tu hành.

Lại nữa, bệnh tật trong thời Hạ ngươn cũng xảy ra một cách khốc liệt, có thể nói nó đem lại tai họa chung cho toàn nhân loại trên quả cầu của chúng ta như: Sida, Hô hấp cấp, Cúm A (H₅N₁)... Như vậy, trì tụng Kinh Di Lặc và Kinh Cửu Khổ là điều cần thiết cho chúng sanh trong thời kỳ này.

Năng độ dẫn chúng sanh thoát chư nghiệp chương
能度引眾生脫諸孽障

Độ dẫn chúng sanh 度引眾生: Cứu giúp và dẫn dắt tất cả chúng sanh.

Nghiệp chương 孽障: Hậu quả xấu của những hành

động sai quấy đưa lại, tức là những hành động bất thiện của ba nghiệp thân, khẩu, ý là chướng ngại trên con đường tu giải thoát của chúng ta.

Thoát chư nghiệp chướng 脫諸孽障: Thoát khỏi những chướng ngại của mầm ác gây ra.

C- DỊCH NGHĨA

Tăng Trời Hội Ngươn Thiên có:

- Trụ Thiện Phật.
- Đa Ái Sanh Phật.
- Giải thoát khổ Phật.
- Diệu Chơn Hành Phật.
- Thắng Giải Ác Phật.

Tất cả các vị Phật, từng theo lệnh của Đức Di Lặc Vương Phật, có thể chiếu ánh sáng huyền diệu để tiêu trừ các nghiệp chướng.

Nếu có chúng sanh nào nghe biết lời của Ta, thì nên tìm cách thoát khỏi nghiệp chướng, bằng cách niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, từng theo những điều khoản luật pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì ắt được giải thoát khỏi luân hồi, mà đạt được Đạo Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là chứng quả vị nơi cõi Cực Lạc Niết Bàn.

Nếu như người được sanh ra, nếu như người chưa được sanh ra, nếu như người có kiếp sống, nếu như người không kiếp sống, nếu như người có tội, nếu như người không tội, nếu như người có lòng tưởng niệm, nếu như người không có lòng tưởng niệm, nghe được lời Ta nói mà phát khởi tâm tưởng lành, sẽ đạt Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh

Giác, át được giải thoát.

Nếu có người nhận và gìn giữ Phật pháp mà kinh sợ những chương ngại của Ma vương, một lòng tưởng niệm: Nam Mô Di Lạc Vương Bồ Tát có thể cứu giúp những tai ách khổ sở, có thể cứu giúp được tam tai, có thể cứu giúp được bệnh tật, có thể cứu độ và dẫn dắt chúng sanh thoát hết các nghiệp chương, át được giải thoát.

4.- HƯ VÔ CAO THIÊN

A- KINH

HƯ VÔ CAO THIÊN hữu:

- Tiếp Dẫn Phật
- Phổ Tế Phật
- Tây Qui Phật
- Tuyển Kinh Phật
- Tế Pháp Phật
- Chiêu Duyên Phật
- Phong Vị Phật
- Hội Chơn Phật

Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật tòng lịnh NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT, dẫn độ Chơn Linh đặc Pháp, đặc Phật, đặc duyên, đặc vị, đặc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề chứng quả nhập Cực Lạc Quốc, hiệp chúng đẳng chư Phật tạo định Thiên Thi tận độ Chúng Sanh đặc qui Phật Vị.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu trì thính

ngã dục đắc Chơn Truyền niệm thử NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT thường du Ta Bà thế giới, giáo hóa Chơn Truyền phổ tế Chúng Sanh giải thoát lụy dục thất tình thoát đọa luân hồi tất đắc giải thoát.

B- CHÚ THÍCH

Hư Vô Cao Thiên hữu 虛無高天有

Hư Vô Cao Thiên 虛無高天: Tầng Hư Vô Thiên ở trên cao. Tầng Hư Vô Thiên do Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chưởng quản. Theo bí pháp của Đạo Cao Đài, sau chín tuần Cửu, đến Tiểu tường thì Chơn linh sẽ được tiếp dẫn vào Hư Vô Thiên để nghe lời Phật dạy. Mở đầu bài Kinh Tiểu tường có câu:

*Tịnh niệm phép Nhiên Đăng tương tín,
Hư Vô Thiên đến thỉnh Phật điều.*

Tiếp Dẫn Phật 接引佛

Tiếp Dẫn 接引: Tiếp rước, dẫn dắt những người tu đắc Đạo vào cõi Thiêng Liêng.

Tiếp Dẫn Phật còn được gọi là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, là vị Phật cảm phước Tiếp dẫn, để tiếp rước và dẫn dắt các Chơn linh đắc Đạo về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Trong Tây Du Ký có kể lại câu chuyện về Tiếp Dẫn Đạo Nhơn như sau: Bốn thầy trò Đường Tam Tạng, sau khi đi thỉnh kinh về, đến bến Lăng Vân, thì không thể qua bên kia bờ sông được, còn đang bối rối, thời may có Tiếp Dẫn Đạo Nhơn chèo chiếc thuyền không đáy tới rước để đưa qua sông. Tam Tạng sợ quá, không dám xuống thuyền, Tể Thiên Đại Thánh bèn xô Thầy té xuống nước.

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn đỡ Tam Tạng ngồi vào thuyền và chèo đưa qua bên kia sông. Khi đến giữa dòng sông, mọi người thấy có một xác người trôi lơ lờ, nhìn kỹ, đó là xác phàm của Tam Tạng. Thế là Tam Tạng đã bỏ xác phàm mà thành Phật.

Trong kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối có câu nói về Tiếp Dẫn Phật như sau:

*Tây phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,
Phước linh khai mở nẻo đường Lôi Âm.*

Phổ Tế Phật 普濟佛

Phổ tế 普濟: Cứu vớt chúng sanh rộng khắp mọi nơi.

Phổ Tế là tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vì vậy nên trước đây Hội Thánh có lập cơ quan Phổ Tế. Như chúng ta đã thấy thời Hạ ngươn mặt pháp, chúng sanh chẳng những khổ đau về đời sống ở thế gian, mà còn hứng chịu những thảm họa do thiên tai như: Sóng thần, động đất, lũ lụt và bệnh chướng nguy hiểm cho loài người. Do vậy, Đạo Cao Đài mới xuất thế để cứu vớt chúng sanh về phương diện vật chất lẫn tinh thần nhằm tận độ chúng sanh cho kịp ngày tận thế. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy có nói: “*Đạo phát trễ một ngày là một ngày hại hơn sanh*”.

Phổ Tế Phật là vị Phật cứu vớt tất cả chúng sanh khắp mọi nơi thoát khỏi luân hồi khổ não để trở về với cõi Tây Phương Cực Lạc.

Tây Qui Phật 西歸佛

Tây qui 西歸: Về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Về cõi Tây Phương Cực Lạc là về cõi giới của Đức Phật A Di Đà, đó là Cực Lạc Quốc.

Tây Phương Cực Lạc 西方極樂: Hay Tây Phương Tịnh Độ là một cõi tịnh độ ở Tây Phương do Phật A Di Đà giáo hóa. Cõi này còn được gọi là An Lạc Quốc, vì nơi đây hoàn toàn trong sạch, đẹp đẽ, an vui và hạnh phúc.

Tây Quy Phật là một vị Phật có nhiệm vụ dẫn dắt các chơn linh đặc đạo về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Tuyển Kinh Phật 選經佛

Tuyển kinh 選經: Chọn lựa Kinh sách, Giáo pháp.

Kinh điển Phật giáo bên xứ Ấn Độ rất nhiều, các nước theo Phật không thể thính được toàn bộ kinh, mà phải lựa chọn một ít kinh quan trọng, vì đường giao thông thời bấy giờ rất khó khăn. Tại Trung Quốc, tất cả kinh sách được thính về coi như là cốt tủy của Đạo Phật. Khi thính kinh về rồi, không phải được phiên dịch toàn bộ, mà phải chọn những bộ kinh cốt yếu nhất để dịch, vì công trình phiên dịch vào thời bấy giờ cũng rất khó khăn. Toàn bộ kinh điển Phật được phiên dịch sang Hán ngữ tại Trung Hoa, vào thời nhà Thanh, được gom lại thành Tam Tạng Kinh. Ngoài những tạng kinh bằng tiếng Hán, còn tạng kinh đồ sộ thứ nhì là tiếng Tây Tạng. Tóm lại, kinh điển của Phật giáo nếu gom trên toàn thế giới thì nhiều không thể đếm được.

Giáo pháp hay kinh điển nào cũng vậy, tuy nhiều vô số kể, nhưng chúng sanh phải lựa chọn tùy theo căn cơ của mình để nương vào đó mà tu tập thì mới phù hợp với sự tiến hóa của chơn linh mình.

Tế Pháp Phật 濟法佛

Tế pháp 濟法: Đem Chơn Pháp tế độ chúng sanh.

Tất cả các giáo pháp trong thời nhứt kỳ và nhị kỳ phổ độ không đủ để phổ độ các đấng Nguyên nhân và chúng sanh, nên Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng mới khai sáng nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là ý muốn đem Chơn pháp đến tế độ chúng sanh trong thời Hạ ngươn mặt pháp, hầu các bậc nguyên nhân và toàn thể chúng sanh được tận độ để trở về ngôi xưa vị cũ.

Chiếu Duyên Phật 照緣佛

Chiếu duyên 照緣: Soi xét nhân duyên của chúng sanh.

Nhân và Duyên là hai yếu tố hòa hợp tạo thành tất cả sự vật. Nhân là chính, sinh ra sự vật, duyên là phụ, trợ giúp cho sự vật được hình thành. Nhờ biết được lý nhân duyên, chúng ta có được một nhận thức đúng, và tự làm chủ vận mệnh của mình, bởi vì cuộc đời của ta tốt hay xấu, đau khổ hay hạnh phúc, hoàn toàn do những nhân duyên ta tạo lấy.

Phong Vị Phật 封位佛

Phong vị 封位: Định Ngôi vị cho các người đạt Đạo.

Theo Vũ trụ quan của Tôn Giáo Cao Đài, mỗi chơn hồn đều tiến hóa theo bát phẩm chơn hồn, tức là từ kim thạch tu tiến lên nhưn hồn. Rồi nhưn hồn còn phải tu nhiều kiếp nữa để đạt được các ngôi vị thiêng liêng như Thần, Thánh, Tiên và Phật vị. Nói cách khác, tùy theo công quả của kiếp sanh mà nhưn hồn được phong vị theo Thần, Thánh, Tiên hay Phật.

Hội Chơn Phật 會真佛

Hội chơn 會真: Gồm các pháp lại thành một nền Chơn pháp hay Chơn Đạo.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Chí Tôn có dạy: “*Thầy đến lập cho các con một nền Chơn Đạo, tức là mỗi sự chi đối trá là chẳng phải của Thầy, Thầy đến là chủ ý để dạy cả môn sanh đặng hòa bình, chớ chẳng phải đến đặng giục thêm nghịch lẫn nhau*”. Thầy còn dặn thêm: “*Từ đây phải tin tưởng một Thầy và nghe lời Thầy dẫn giữ gìn Đạo đức cho bền, còn ngoại trừ sự chi nghịch với Chơn Đạo thì là mưu chước của tà quái...*”

Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật

如是等恆河沙數諸佛

Như thị 如是: Như là, như thế.

Chữ “*như thị*” ngụ ý việc gì đúng đắn, đáng tin tưởng được. Việc gì đáng tin gọi là Như thị, việc chẳng đáng tin gọi là Bất như thị.

Hằng hà 恆河: Sông Hằng (sông Gange), một trong bốn con sông lớn nhất bên xứ Ấn Độ. Phát nguyên từ A Nậu Đạt (Vô Nhiệt Nảo) trong rặng Tuyết Sơn (Hymalaya), bề ngang rộng đến 40 dặm, cát nhỏ mịn như bột. Vì Đức Phật thường thuyết pháp những địa điểm gần bên sông Hằng nên Phật hay dùng hình ảnh này để người nghe dễ lãnh hội.

Sa số 沙數: Số hạt cát.

Hằng Hà Sa Số Chư Phật 恆河沙數諸佛: Chư Phật nhiều như số cát nơi sông Hằng. Ý chỉ nhiều không thể đếm được. Mỗi khi muốn nói đến con số rất nhiều,

không cách nào hình dung nổi, Phật thường dùng lượng cát trong sông Hằng để làm tỷ dụ.

Theo thuyết bên Phật Giáo, có rất nhiều vị Phật ở đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai. Kinh bên phái Đại Thừa cho biết trong một trụ kiếp có hằng nghìn vị Phật giáng thế để thuyết pháp mà cứu độ chúng sanh.

Tùng lệnh Nhiên Đăng Cổ Phật

從令燃燈古佛

Nhiên Đăng Cổ Phật 燃燈古佛: Một vị Phật của đời quá khứ, nên được gọi là Cổ Phật. Đức Nhiên Đăng Cổ Phật còn được gọi là Định Quang Phật 定光佛, vị Phật đã sống vô lượng kiếp trước thời đại chúng ta. Đó là vị Phật đầu tiên và quan trọng nhất trong các vị Phật có trước Đức Thích Ca Mâu Ni.

Nhiên Đăng Cổ Phật là vị Phật tượng trưng cho các vị Phật trong đời quá khứ. Bên Phật Giáo ở Trung Hoa, người ta thường thờ Đức Nhiên Đăng Cổ Phật chung với Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Vương Phật để gọi là thờ Tam Thế Chư Phật (Đời quá khứ, hiện tại và vị lai).

Theo Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn cho biết Nhiên Đăng Cổ Phật đã giáng trần mở Phật Đạo ở Ấn Độ vào thời mà bên Trung Hoa là đời vua Hiên Viên Huỳnh Đế.

Khi cúng tứ thời, tín đồ Cao Đài phải tụng Ngọc Hoàng kinh và tam giáo kinh. Bài Phật Giáo tâm kinh là tán tụng công đức Nhiên Đăng Cổ Phật là một Đấng Thiên Tôn dạy cho sáng tỏ Đạo Vô Vi (Nhiên Đăng Cổ Phật Vô Vi xiển giáo Thiên Tôn) và sau mỗi lạy đều niệm Hồng danh của Đức Ngài là: “*Nam Mô Nhiên Đăng Cổ*

Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Dẫn độ chơn linh đắc pháp, đắc Phật, đắc duyên, đắc vị

引度眞靈得法得佛得緣得位

Dẫn độ chơn linh 引度眞靈: Dẫn dắt và cứu giúp các chơn linh.

Đắc pháp 得法: Đắc được pháp, nghĩa là đạt được thể pháp và bí pháp của Đạo.

Đắc Phật 得佛: Đắc quả vị Phật.

Đắc duyên 得緣: Có được nhưn duyên với Phật.

Nhân duyên 因緣: Là hai yếu tố hòa hợp tạo thành tất các vật.

Nhân là yếu tố chính sinh ra sự vật; duyên hay trợ duyên là một yếu tố phụ giúp cho sự vật được hình thành. Trồng cây, giống là nhân; đất, nước, ánh sáng, làm đất, cốc...là duyên.

Vạn sự, vạn vật đều do nhân duyên sinh. Nhờ hiểu rõ lý nhân duyên, chúng ta mới biết số mạng do ta làm chủ, bởi vì tương lai cuộc đời chúng ta có tốt hay xấu, đau khổ hay hạnh phúc hoàn toàn bởi những nhân duyên mà chúng ta đã tạo lấy. Cũng thế, được duyên gặp Phật cũng là do ta bồi đắp từ kiếp trước.

Đắc vị 得位: Đạt được ngôi vị.

Đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề chứng quả nhập Cực Lạc Quốc

得阿耨多羅三藐三菩提證果入極樂國

Đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề 得阿耨

多羅三藐三菩提: Đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chứng quả 證果: Theo đạo Phật, người tu hành giác ngộ chứng được đạo.

Nhập 入: Đi vào.

Cực Lạc Quốc 極樂國: Chỉ cõi Tây Phương Cực Lạc hay Cực Lạc Thế Giới, là cõi tịnh độ ở phương tây do Phật A Di Đà giáo hóa. Cõi này là nơi hoàn toàn trong sạch, đẹp đẽ, an vui và hạnh phúc, không có những điều khổ não nên được gọi là cõi Cực Lạc.

Hiệp chúng đẳng chú Phật tạo định Thiên Thi tạn độ Chúng Sanh đắc qui Phật Vị

合眾等諸佛造定天書盡度眾生得歸佛位

Hiệp chúng đẳng chú Phật 合眾等諸佛: Là hợp với nhiều Đấng Phật hay cùng với các Đấng Phật.

Tạo định 造定: Sắp đặt.

Thi 書: Thơ hay thư là sách.

Thiên thi 天書: Hay thiên thư là quyển sách của Trời. Trong đó ghi chép về luật pháp, nguyên lý vận hành vũ trụ do Thiêng Liêng định sẵn.

Việc khai nền Đại Đạo ở cõi nước Việt Nam ta cũng do Thiên thư tiên định. Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: “Đại Đạo Tam Kỳ hồng khai tại cõi Nam, đã chiếu theo **Thiên thư**, Hội Tam Giáo, mà vớt chúng sanh thoát vòng ly khổ, thiệt thiệt, hư hư, một mảy chi, cũng chẳng qua là máy thiên cơ mà thôi”. Trong Thánh Thi Hiệp Tuyển có bài viết:

Ký thành một cuốn gọi Thiên Thư,

*Khai Đạo muôn năm trước định giờ.
May bước phải gìn cho mạnh trí,
Năm đuôi phườn phụng đến dương bờ.*

Tận độ chúng sanh 盡度眾生: Cứu giúp hết tất cả chúng sanh, không chừa một ai.

Đắc qui Phật vị 得歸佛位: Được đắc quả ngôi vị Phật.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân

若有善男子善女人

Thiện Nam tử 善男子: Người Nam làm việc lành, làm việc thiện. Đây chỉ người tín đồ nam của đạo Cao Đài.

Thiện Nữ nhân 善女人: Người Nữ làm việc lành, làm việc thiện. Đây chỉ nữ tín đồ.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân 善男子善女人: Có hàm ý chỉ hết cả nam, người nữ có lòng tin thâm thiết. Nói cả nam lẫn nữ là có ý cho biết: Ai cũng có thể tu đắc đạo được.

Theo giáo lý của nhà Phật, muốn được gọi là “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, người tu hành cần phải tu tập đủ ba loại tịnh nghiệp (Tịnh nghiệp tam phước).

1- Phước trời người: Có bốn điều

- Hiếu dưỡng cha mẹ.
- Kính trọng bậc sư trưởng.
- Tâm từ bi, không sát hại mọi loài chúng sinh.
- Tu tập mười thiện nghiệp.

2- Phước Nhị thừa: Có ba điều:

- Quy y tam bảo.
- Nghiêm trì các tịnh giới.
- Không phạm các oai nghi.

3- Phước Đại thừa: Gồm có bốn điều:

- Phát tâm Bồ Đề
- Tin sâu nhân quả
- Thọ trì kinh Đại thừa.
- Khuyến khích mọi người tu tập giác ngộ.

Nhờ hành trì 11 điều trong ba loại Tịnh nghiệp, từ hiếu dưỡng cha mẹ đến khuyến khích mọi người tu tập giác ngộ, thì kẻ hành giả đã trở thành “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*” rồi.

Tu trì thính ngã dục đắc Chơn Truyền

修持聽我欲得真傳

Tu trì 修持: Tu có nghĩa là sửa đổi, tức là sửa đổi những điều xấu xa thành những điều tốt đẹp, tánh hung ác trở nên thiện lành. *Tu trì* là giữ gìn trong việc tu hành. Ví dụ như Trì giới tức là giữ gìn giới luật trong việc tu tập.

Dục đắc 欲得: Mong muốn được, muốn được.

Chơn Truyền 真傳: Hay Chân Truyền, những Giáo pháp chân thật được truyền lại cho người đời sau tu tập.

Theo Thánh giáo Đức Chí Tôn, Giáo Pháp của các Đấng trong nhất và nhị kỳ Phổ Độ lúc đầu là đúng chân truyền, nhưng dần dần bị cải sửa, nên xa lìa chánh giáo, do đó mới bị thất kỳ truyền. Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, chính mình Đức Chí Tôn đem nền Chơn giáo truyền lại cho toàn cả chúng sanh trong thời Hạ ngươn mặt pháp

này bằng huyền diệu cơ bút, nên được gọi là mối Chơn truyền, do đó có thể truyền lại đến thất ức niên.

Niệm thử Nhiên Đăng Cổ Phật

念此燃燈古佛

Niệm thử 念此: Niệm như vậy, niệm như thế.

Nhiên Đăng Cổ Phật 燃燈古佛: Xem chú thích trên.

Thường du Ta Bà Thế giới giáo hóa Chơn truyền

常遊娑婆世界教化真傳

Thường du 常遊: Thường thường dạo khắp.

Giáo hóa 教化: Dạy dỗ.

Phổ tế chúng sanh giải thoát lục dục thất tình

普濟眾生解脫六欲七情

Phổ tế 普濟: Cứu giúp hay tế độ chúng sanh trong khắp mọi nơi.

Phổ tế là phổ hóa chúng sanh. Cơ quan phổ tế là lo phần Đạo của Đạo, hay nói một cách khác, là cơ quan đem Đạo vào Đời, dẫn dắt chúng sanh nương về với Đạo, hầu được tiến hóa đến trọn lành.

Vì thế, trước đây Tòa Nội Chánh của Đạo Cao Đài có cơ quan Phổ tế là một trong bốn cơ quan: Phổ tế, Hành chánh, Phước thiện và Tòa đạo (Minh tra).

Lục dục 六欲: Sáu điều ham muốn của con người hằng quấy nhiễu những người tu tập:

Sắc dục 色欲: Lòng ham muốn sắc đẹp

Thính dục 聲欲: lòng mê âm thanh dịu êm.

Hương dục 香欲: lòng thích mùi thơm.

Vị dục 味欲: lòng ham ăn món ngon.

Xúc dục 觸欲: Thân ham muốn sung sướng.

Ý dục 意欲:: Ý ham được thỏa mãn.

Thất tình 七情: Bảy thứ tình cảm thường hay khuấy rối tâm con người. Đó là : Hỷ 喜 (mừng), Nộ 怒 (giận), Ái 愛 (yêu), Ô 惡 (ghét), Ai 哀 (buồn), Lạc 樂 (vui) và Dục 欲 (muốn).

Thoát đọa luân hồi tất đắc giải thoát

脫墮輪迴必得解脫

Đọa 墮: Rơi xuống, rớt xuống.

Thoát đọa luân hồi 脫墮輪迴: Thoát khỏi sự đọa đày của vòng luân hồi sanh tử, tức là đắc Đạo.

Tất đắc 必得: Ất được.

C- DỊCH NGHĨA

Trên Tầng cao Hu Vô Thiên có :

- *Tiếp dẫn Phật.*
- *Phổ Tế Phật*
- *Tây Qui Phật*
- *Tuyển Kinh Phật*
- *Tế Pháp Phật*
- *Chiếu Duyên Phật*
- *Phong Vị Phật*

– Hội Chơn Phật

Như vô số các vị Phật, từng theo lệnh của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, điu dắt và phổ độ các Chơn linh để đạt được Pháp, đạt quả Phật, tạo được duyên, tạo được ngôi vị, đạt được Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứng được quả vị để nhập vào Cực Lạc Quốc, hiệp với chư vị Phật định ra Thiên thơ cứu giúp toàn sanh chúng được trở về ngôi vị Phật.

Nếu như có người Thiện Nam, người Thiện Nữ, gìn giữ sự tu tập, nghe lời Ta muốn được chơn truyền thì hãy niệm Nhiên Đăng cổ Phật, thường dạo khắp Ta Bà Thế Giới, giáo hóa Chơn truyền, tế độ chúng sanh khắp nơi, giải thoát khỏi Lục Dục, Thất Tình để ra khỏi vòng sanh tử luân hồi, ắt được giải thoát.

5.- TẠO HÓA THIÊN

A- KINH

TẠO HÓA HUYỀN THIÊN hữu:

- Quảng Sanh Phật
- Dưỡng Dục Phật
- Chưởng Hậu Phật
- Thủ Luân Phật
- Cửu Vị Nữ Phật

Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, từng lệnh KIM BÀN PHẬT MẪU năng tạo, năng hóa Vạn Linh, năng du Ta Bà Thế giới dưỡng dục quần sanh qui nguyên Phật vị.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân thính ngã

đục tu phát nguyện Nam Mô KIM BÀN PHẬT MẪU
dưỡng đục quần linh, nhược hữu sanh, nhược vị sanh,
nhược hữu kiếp, nhược vô kiếp, nhược hữu tội, nhược vô
tội, nhược hữu niệm, nhược vô niệm, hườn hư thi hình
đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề Xá Lợi Tử qui
nguyên Phật vị tất đắc giải thoát.

B- CHÚ THÍCH

Tạo Hóa Huyền Thiên hữu

造化玄天有

Tạo Hóa Huyền Thiên 造化玄天: Tầng Trời Tạo
Hóa Thiên huyền diệu, đây là Tầng Trời do Đức Diêu
Trì Kim Mẫu chưởng quản. Trong bài Phật Mẫu Chơn
Kinh có câu:

Tạo Hóa Thiên huyền vi Thiên Hậu,

造化天玄微天后,

Chưởng Kim Bàn Phật Mẫu Diêu Trì.

掌金盤佛母遙池。

Tạo Hóa Thiên là chỗ ngự của Đức Phật Mẫu và là
nơi cấu tạo, hóa sanh muôn loài vạn vật. Căn cứ theo bài
kinh Đệ Cửu Cửu thì Tầng Tạo Hóa Thiên rất huyền diệu,
luôn luôn lúc nào cũng biến hóa không bao giờ ngừng nghỉ,
từ tạo thiên lập địa đến nay và mãi mãi không cùng về sau:

Vùng thoai khí bát hồn vận chuyển,

Tạo Hóa Thiên sanh biến vô cùng.

Quảng Sanh Phật 廣生佛

Quảng sanh 廣生: Sự sống rộng lớn của toàn thể

chúng sanh.

Trong tất cả các nghiệp ác, giết hại chúng sinh có hậu quả nghiêm trọng nhất. Vì sao vậy? Vì mọi chúng sanh đều có bản tánh tham tiếc mạng sống của mình, ai cũng tham sống sợ chết. Thánh giáo Chí Tôn dạy về sự bảo sanh như sau: “*Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu nguyên sanh hay hóa sanh cũng vậy, đến thế này lâu mau đều định trước. Nếu ai giết mạng sống, đều chịu quả báo không sai, biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy. Cái mạng sống là Thấy, mà giết Thấy thì không phải dễ. Các con gắng dạy nhưn sanh điều ấy*”.

Lại nữa, Chí Tôn và chư Phật, Tiên, Thánh là Đấng hào sanh, tức là rất yêu thương mạng sống của mọi loài sanh linh:

*Lòng Trời Đất thương đều muôn vật,
Đức háo sinh Tiên Phật một màu.*

(KINH SÁM HỐI)

Vì thế, người tu hành phải trường trai giới sát để thể hiện lòng Từ bi của Trời Phật và mở lòng quảng đại yêu thương mạng sống hết thảy các sinh linh.

Quảng Sanh Phật là vị Phật đại từ bi thương yêu cả chúng sanh đồng với Chí Tôn, Phật Mẫu.

Dưỡng Dục Phật 養育佛

Dưỡng dục 養育: Nuôi dưỡng và dạy dỗ.

Phật Mẫu chẳng những là Đấng tạo hóa ra vạn linh, sanh chúng, mà lại còn là Đấng có công dưỡng dục và giáo hóa quần linh. Trong bài kinh Tán tụng công đức Điều

Trì kim Mẫu có câu:

*Âm dương biến tạo Chơn thân,
Lo cho nhơn vật về phần hữu vi,
Mớm cơm, vú sữa cũng tay,
Dưỡng sanh đùm bọc với tài Chí Công.*

Dưỡng Dục Phật cũng là một vị Phật chăm sóc và dưỡng nuôi vạn linh sanh chúng như Đức Phật Mẫu là Đấng mẹ hiền của vạn linh vậy.

Chưởng Hậu Phật 掌厚佛

Hậu 厚: Dày, sâu dày, ân hậu, trái với bạc.

Chưởng hậu 掌厚: Năm giữ, coi sóc và thi hành ân hậu đối với chúng sanh.

Thủ Luân Phật 守倫佛

Thủ luân 守倫: Giữ gìn luân thường đạo lý.

Luân Thường là những phép tắc, đạo đức trong cư xử ở đời được qui định không thay đổi mà mọi người có bốn phận phải gìn giữ và tuân theo.

Luân Thường gồm: Ngũ luân và ngũ thường.

Ngũ luân 五倫: Là năm phép cư xử theo đạo lý là vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bè bạn (Quân thân 君臣, Phụ tử 父子, Phu thê 夫妻, Huynh đệ 兄弟, Bằng hữu 朋友).

Ngũ thường 五常: Là năm đức tính căn bản phải gìn giữ luôn luôn, đó là: Nhân 仁, Nghĩa 義, Lễ 禮, Trí 智, Tín 信.

Dữ 與: Với, cùng với.

Cửu Vị Nữ Phật 九位女佛

Cửu Vị Nữ Phật 九位女佛: Tức là Cửu Vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung, có công dìu dắt các vị Thiên Sứ mở nền Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và có công tiếp độ các Chơn linh trong thời Hạ Ngươn về các cõi Cửu Thiên Khai Hóa, nên được phong làm Phật vị.

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, ngoài nhiệm vụ giáo hóa chúng sanh, Cửu Vị Nữ Phật còn có nhiệm vụ siêu độ các Chơn linh vượt qua Cửu Trùng Thiên để vào Hồn Ngươn Thiên, qua bí pháp tụng Cửu, Tiểu, Đại Tướng. Ngoài ra vì muốn độ tận các Nữ hồn, nên Thất Nương tình nguyện xuống cõi Âm Quang để cứu giúp, giáo hóa các nữ hồn ở nơi ấy được siêu thăng thoát hóa.

Tùng lịnh Kim Bàn Phật Mẫu

從令金盤佛母

Kim Bàn Phật Mẫu 金盤佛母: Tức là Diêu Trì Kim Mẫu, chưởng quản Kim Bàn nơi Diêu Trì Cung, là nơi chứa các nguyên chất để tạo ra Chơn Thần cho các bậc Nguyên Nhân, nên còn được gọi là Kim Bàn Phật Mẫu.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu nguồn gốc là do hóa thân đầu tiên của Đức Chí Tôn để làm chủ khí Âm Quang.

Đối với vũ trụ quan của Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế có giải thích như sau: “*Khi Hư Vô sanh có một mình Thấy*”. Khí Hư Vô còn gọi là Tiên Thiên Chánh Khí hay Hạ Nhiên Chi Khí, là khí có trước khi có Trời Đất, tức là khi Trời Đất chưa có phân định, còn trong thời kỳ Hồng Mông, mờ mờ mịt mịt, lạng lế vô vi.

Khí Hư Vô nảy vô cùng nhẹ nhàng, tinh khiết bằng bạc khắp vũ trụ càn khôn, kết tụ muôn đời nhiều kiếp, đến thời kỳ có một tiếng nổ lớn liền biến sanh ra một ngôi gọi là Thái Cực, một khối Đại Linh Quang toàn tri toàn năng, vô cùng vô tận, sáng lòa rực rỡ, chiếu tỏa khắp Càn Khôn Vũ Trụ. Đó là Thái Cực là ngôi ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Đức Chí Tôn mới phân định Thái cực ra Lưỡng nghi là khí Dương quang và Âm quang. Đức Chí Tôn nắm quyền chưởng quản khí Dương quang, còn khí Âm quang thuộc quyền chưởng quản của Diêu Trì Kim Mẫu hay Kim Bàn Phật Mẫu.

Khí Dương Quang của ngôi Thái Cực mới phối hợp với khí Âm Quang để tạo hóa ra vạn vật và Càn Khôn Vũ Trụ. Vạn Loại Chúng sinh do Đức Mẹ hóa sanh gồm bát hồn: Kim Thạch hồn, Thảo Mộc hồn, Thú Cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

Càn Khôn sản xuất hữu hình,

Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh.

(PHẬT MẪU CHƠN KINH)

Năng tạo năng hóa vạn linh năng du Ta Bà Thế giới

能造能化萬靈能遊娑婆世界

Năng tạo năng hóa vạn linh 能造能化萬靈:

Có thể biến tạo và sinh hóa ra vạn linh.

Theo Thánh giáo, Đức Chí Tôn ngự ngôi Thái cực rồi phân Lưỡng nghi là Dương quang và Âm quang. Dương quang do Chí Tôn cai quản, còn Đức Phật Mẫu nắm phần Âm quang để phối hợp với Dương quang ấy mà tạo hóa

ra vạn chơn linh trong Càn khôn Vũ trụ.

Dưỡng dục quần sanh qui nguyên Phật vị

養育群生歸源佛位

Dưỡng dục 養育: Nuôi dưỡng và dạy dỗ.

Quần Sanh 群生: Đồng nghĩa với chúng sanh, là chỉ tất cả các loài sanh vật như thảo mộc, thú cầm, nhơn loại.

Qui nguyên 歸元: Trở về nguồn cội.

Chúng sanh là một tiểu linh Quang của Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Theo luật tiến hoá, các chơn hồn phải đầu kiếp xuống phàm trần là vật chất, rồi từ tinh hoa của vật chất, mới tiến lên đến kim thạch, thảo mộc, thú cầm, nhơn loại, cho đến Thân, Thánh, Tiên, Phật. Sau đó, nếu vẫn tiếp tục tu hành, chơn linh sẽ qui nguyên về với nguồn cội là khối Đại Linh Quang của Đức Chí Tôn.

Thính ngã dục tu phát nguyện

聽我欲修發願

Thính ngã 聽我: Nghe lời Ta dạy. Lời của Đức Phật.

Dục tu 欲修: Muốn tu hành.

Phát nguyện 發願: Phát tâm lập nguyện.

Hườn hư thi hình đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề

還虛屍形得阿耨多羅三藐三菩提

Huàn 還: Hay hoàn là trở lại, trở về.

Hư 虛: Hư không, hư vô.

Thi hình 屍形: Thi hài hình thể.

Huàn hư thi hình 還虛屍形: Thi hài hình thể, khi chết trở về nơi hư không, bởi vì do tứ đại giả hiệp.

Theo triết lý Phật giáo, hữu hình hữu hoại, lại nữa thi thể hình hài là một khối vật chất hữu hình do tứ đại hiệp lại mà thành, nên rồi sẽ trở về hư không. Hai câu liên trên thuyên Bát Nhã viết:

Vạn sự viết vô: Nhục thể thổ sanh hoàn tại thổ,

萬事曰無: 肉體土生還在土

Thiên niên tự hữu: Linh hồn thiên tứ phản hồi thiên.

千年自有: 靈魂天賜反回天

Nghĩa là:

Muôn việc đều không, xác thịt do đất tạo ra thì hoàn lại đất,

Ngàn năm tự có, linh hồn do Trời ban cho, quay trở về trời.

Xá lợi tử qui nguyên Phật vị tất đắc giải thoát

舍利子歸源佛位必得解脫

Xá lợi 舍利: (Sarira) hình hài, thân xác của các bậc Thánh Đắc Đạo hay Đức Phật Thích Ca, sau khi hỏa táng, xương cốt còn lại là những tinh thể rắn chắc và tròn hạt như những viên bi sáng, lóng lánh như ngọc, nên người ta gọi những tinh thể đó là Xá Lợi. Xá Lợi được thờ nơi Bửu Tháp.

Hạt Xá Lợi được gọi là Xá Lợi Tử 舍利子.

Xá lợi tử còn là một từ ngữ đặc biệt dùng để chỉ cái chơn thân huyền diệu của những người luyện Đạo khi Tinh Khí Thần đã hiệp nhất đắc đạo thành Tiên, Phật. Chơn thân này bên tu Tiên gọi là Thánh thai hay Kim đờn, bên Phật thì gọi là Mu ni Bửu châu, Xá lợi tử.

Qui nguyên Phật vị 歸元佛位: Trở về với ngôi vị Phật.

C- DỊCH NGHĨA

Tạo Hóa Thiên là một Tầng Trời huyền diệu, có:

- *Quảng Sanh Phật.*
- *Dưỡng Dục Phật.*
- *Chưởng Hậu Phật.*
- *Thủ Luân Phật.*
- *Cùng với Cửu Vị Nữ Phật*

Như vô số các vị Phật, từng theo mệnh lệnh của Kim Bàn Phật Mẫu, có thể tạo hóa ra vạn linh, có thể đạo khắp Ta Bà Thế Giới, để nuôi dưỡng chúng sanh, trở về với ngôi vị Phật xưa.

Nếu như có người Thiện Nam, người Thiện Nữ, nghe lời Ta nói, muốn tu hành thì hãy phát ra lời cầu nguyện: Nam Mô Kim Bàn Phật Mẫu, nuôi dưỡng và dạy dỗ quần linh, nếu như được sanh ra, nếu như chưa sanh ra, nếu như có kiếp sống, nếu như chẳng có kiếp sống, nếu như có tội, nếu như không có tội, nếu như có lòng tưởng niệm, nếu như không có lòng tưởng niệm, thì thể hình hài sẽ trở về cõi hư vô, đạt được Phẩm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và

chơn thân sẽ trở về với ngôi vị Phật xưa, ắt được giải thoát.

6.- PHI TƯỚNG DIỆU THIÊN

A- KINH

PHI TƯỚNG DIỆU THIÊN hữu:

- Đa Pháp Phật
- Tịnh Thiện Giáo Phật
- Kiến Thắng Vị Phật
- Hiển Hóa Sanh Phật
- Trục Tà Tinh Phật
- Luyện Đắc Pháp Phật
- Hộ Trì niệm Phật
- Khai Huyền Cơ Phật
- Hoán Trước Tánh Phật
- Đa Phúc Đức Phật

Như thị đẳng hàng hà sa số chư Phật, tòng lệnh TỪ HÀNG BỒ TÁT, năng du Tà Bà Thế giới thi pháp hộ trì Vạn Linh Sanh Chúng.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân tín ngã ứng đương phát nguyện Nam Mô TỪ HÀNG BỒ TÁT, năng cứu tật bệnh, năng cứu tam tai, năng độ tận Chúng Sanh thoát ư tứ khổ, năng trừ tà ma, năng trừ nghiệt chướng, tất đắc giải thoát.

B- CHÚ THÍCH

Phi Tướng Diệu Thiên hữu

非想妙天有

Phi Tưởng Diệu Thiên 非想妙天: Là một Tầng Trời trong Cửu Trùng Thiên rất huyền diệu do Đức Từ Hàng Bồ Tát chứng quả, nên còn được gọi là *Phi Tưởng Diệu Thiên*. Trong bài kinh Đệ Bát Cửu có câu:

*Hơi Tiên tửu nức nồng thơm ngọt,
Phi Tưởng Thiên để gót tới nơi.*

Đa Pháp Phật 多法佛

Đa Pháp 多法: Nhiều Giáo pháp.

Theo Phật, Pháp được chia thành nhiều loại:

- Tâm pháp: Các hiện tượng, diễn biến của tâm lý;
- Sắc pháp: Các hiện tượng sự vật trong thế giới vật lý.
- Pháp hữu vi bị sinh diệt, Pháp Vô vi thì bất sinh bất diệt.
- Thiện pháp và Bất thiện pháp.
- Pháp tối thượng: không thể thuyết, mà mỗi người tự mình chứng ngộ cho chính mình.

Đa Pháp Phật là vị Phật khéo dùng các pháp để tùy cơ giáo hóa chúng sanh, đối cơ thi pháp 對基施法, khiến mọi chúng sanh đều có thể hiểu được pháp.

Tịnh Thiện Giáo Phật 淨善教佛

Tịnh thiện giáo 淨善教: Dạy lìa xa các cấu nhiễm, diệt trừ ác niệm, để đạt được thiện tâm và thanh tịnh.

Tịnh thiện tức là tâm thiện phải thanh tịnh. Ví dụ như người tu có thiện tâm, nhưng lòng thiện đó vẫn bị lệ thuộc vào thân khẩu ý: Hành thiện để khoe khoang,

làm lành để lấy tiếng. Đó là bất tịnh thiện.

Kiến Thăng Vị Phật 建升位佛

Kiến Thăng vị 建升位: Tạo lập, sắp xếp việc thăng ngôi vị.

Sự thăng tiến của mỗi chơn linh từ bậc nhơn phẩm trở lên rất khó khăn, vì ở hàng nhơn phẩm, con người còn phải chuyển kiếp nhiều lần mới có thể đạt đến Thần, Thánh, Tiên, Phật vị. Mỗi một bậc tu của con người, có đoạt được hay không, nhanh hay chậm, đều tùy thuộc vào công quả và Đạo đức của mình nơi mặt thế nầy. Nhưng nếu có tu hành thì ngôi vị sẽ được thăng lên tùy theo hạnh đức và công nghiệp của mình đã tạo lập.

Hiển Hóa Sanh Phật 顯化生佛

Hiển Hóa sanh 顯化生: Làm hiện rõ về việc biến hóa và sinh sản.

Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu là Đấng Hóa sinh ra Càn khôn Vũ Trụ và vạn linh. Vì vậy, *Hiển Hóa Sanh Phật* là vị Phật dạy dỗ chúng sanh tu hành biết giác ngộ và làm sáng tỏ công đức hóa sinh vô lượng của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và chư vị Phật.

Trục Tà Tinh Phật 逐邪精佛

Trục tà tinh 逐邪精: Rượt đuổi yêu ma tà quái.

Thầy có nói: Đạo khai thì Tà khởi. Lại nữa, vì luật công bằng thiêng liêng, người tu hành phải chịu cho tà tinh quỉ mị khảo thí. Nhưng nếu người tu tinh tấn, chuyên cần thì được các Đấng hộ trì, tà mị cũng khó bề khảo dượt được.

Ngược lại, người tu nếu tâm bất chính thì **Quý vương** sẽ thừa dịp lôi kéo ra khỏi đường chơn chánh. Thầy có nói: *“**Quý vương** lại thừa dịp hành tàng bất chánh của nhiều đứa trong Đạo mà giết giành, chia xẻ các con với Thầy. Nó lại tùy theo hạnh đức của mỗi đứa mà dắt lẫn ra khỏi chánh giáo”*.

Thầy căn dặn môn sinh rõ rằng: **“Đứa nào chánh thì được nghe lời Thầy dạy dỗ, đứa nào tà phải bị lời *quỉ mị* dẫn đường”**.

Trục Tà Tinh Phật là vị Phật có nhiệm vụ trừ tà khử my, tiêu ma diệt quỷ cho người tu theo chánh pháp.

Luyện Đắc Pháp Phật 煉得法佛

Luyện đắc pháp 煉得法: Rèn luyện để đắc được tâm pháp tu luyện.

Đắc được Pháp, tức là biết rõ về thể pháp và bí pháp của Đạo. Người đắc pháp tức là người đã đắc đạo rồi vậy.

Hộ Trì Niệm Phật 護持念佛

Hộ trì niệm 護持念: Bảo vệ và gìn giữ việc tưởng niệm.

Người tu hành, tâm hằng ngày thường tưởng nghĩ đến Chí Tôn và chư Phật, hằng lo công đức, tạo nhiều phước báo, cảm ứng Phật, nên được hộ trì cho việc tưởng niệm.

Khai Huyền Cơ Phật 開玄機佛

Khai huyền cơ 開玄機: Khai mở cơ Trời huyền diệu.

Huyền cơ hay là thiên cơ huyền diệu là do cơ Tạo hóa sắp đặt, không một ai có thể thấu hiểu được máy Trời đặng. Thiên cơ bất khả lậu, hàng Phật Thánh Tiên

đã từng cho biết như vậy. Chỉ có các Đấng Phật, Tiên đắc lệnh Chí Tôn hay các Thiên sứ, thừa lệnh Thiêng Liêng mới thấu hiểu và khai mở được huyền cơ mà thôi. Khai Huyền Cơ Phật là vị Phật đắc lệnh Chí Tôn có nhiệm vụ khai mở Thiên cơ huyền diệu.

Hoán Trước Tánh Phật 換濁性佛

Hoán trước tánh 換濁性: Thay đổi tánh ô trước xấu xa.

Thượng Đế là khối Đại Linh Quang, chiết chơn linh xuống thể gian, gọi là Tiểu Linh Quang phối hợp với phàm thể để tạo thành một con người. Vì vậy, mỗi con người đều có cái Thiên tánh vốn lành, nhưng khi nhập thể rồi, nặng mang phàm thể, xu hướng theo vật chất, càng bị thất tình, lục dục sai khiến, con người càng trở nên mất tánh trọn lành, rồi tạo ra nhiều nghiệp quả. Do nghiệp chướng trả vay, con người phải bị lôi vào vòng sanh tử luân hồi triền miên, mà đắm chìm vào tục lụy, làm cho Chơn tánh biến thành trước tánh (tánh ô trước).

*Dòng khổ hải hằng thường chìm đắm,
Mùi đau thương đã thấm Chơn linh.*

(KINH GIẢI OAN)

Muốn thoát được luân hồi sanh tử, phải kiến tánh, tức là đổi trước tánh hoàn lại Thiên tánh hay Phật tánh.

Đa Phúc Đức Phật 多福德佛

Đa phúc đức 多福德: Nhiều phước đức.

Phúc đức hay phước đức, đồng nghĩa với công đức, là những việc làm thiện, lành để giúp đỡ người khác, đem lại sự an lạc, hạnh phúc cho mình và cho người ở hiện tại

hay tương lai.

Người biết làm phước là người có tâm hướng thiện. Làm lành thì được phước báo hay quả phước.

Có hai thứ làm phước:

– *Phước hữu lậu*: Là làm lành được phước quả là an vui một cách tương đối vì còn trong vòng sanh tử luân hồi.

– *Phước vô lậu*: Được phước quả là an vui tuyệt đối, thoát ly sanh tử. Đây là phước đức của chư Phật.

Tu phước là làm những việc phước đức như bố thí, công quả, lễ bái, tụng kinh... Còn tu huệ là thường học hỏi giáo pháp, tụng kinh trì giới...

Người Đệ Tử của Đức Chí Tôn phải vừa tu phước và tu huệ, gọi là phước huệ song tu.

Tùng lịnh Từ Hàng Bồ Tát

從令慈航菩薩

Từ 慈: Từ bi.

Hàng 航: Chiếc thuyền.

Từ Hàng 慈航: Là chiếc thuyền từ bi.

Từ Hàng Bồ Tát là một vị Phật, nhưng vì lòng thương xót chúng sanh, nên Ngài vẫn giữ nhiệm vụ cứu khổ, tế độ sinh linh đang bị đọa trần. Vì thế, Danh hiệu Ngài được ví như chiếc thuyền từ bi cứu vớt người đưa qua biển khổ. Mặc dầu là Phật vị, nhưng Ngài vẫn xưng danh hiệu Bồ Tát, hay Đạo Nhơn như Từ Hàng Bồ Tát hay Từ Hàng Đạo Nhơn. Và nhiều lần Ngài chiết Chơn linh giáng phàm để cứu độ quần linh.

Trong thời nhĩ kỳ Phổ Độ, Từ Hàng Bồ Tát có giáng

linh xuống làm hai vị nữ nhân là Thị Kính và Diệu Thiện, sau đó tu hành đắc quả thành Quan Âm Bồ Tát, hay Phật Bà Quan Âm. Trong Thánh giáo ngày 22-7-1926, Chí Tôn có cho biết: “*Người gọi Quan Âm là Nữ Phật Tông, mà Quan Âm vốn là Từ Hàng Đạo Nhơn biến thân. Từ Hàng lại sanh ra lúc Phong Thần đời nhà Thương*”.

Theo lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, “*Chủ Bạch Vân Động là Bạch Vân Hòa Thượng, Đại Chơn linh Từ Hàng Đạo Nhơn giáng thế, hậu duệ của Quan Âm Bồ Tát, đã thác sinh hai lần ở Pháp, lần đầu thác sinh là La Rochefoucauld, lần thứ hai là Richelieu, và ở Việt Nam là Nguyễn Bình Khiêm tức Trạng Trình*”.

Đến thời Tam Kỳ Phổ Độ, Từ Hàng Đạo Nhơn cũng chiết Chơn Linh giáng phàm để làm Thiên sứ khai nền Đại Đạo: Đó là Phối Sư Thái Thơ Thanh (Nguyễn Ngọc Thơ). Chính Đức Chí Tôn giáng cơ cho Ngài Thơ biết: “*...Ngày nay Thấy tỏ thiệt cho con hiểu, con là một chơn linh cùng Quan Âm Bồ Tát*”.

Năng du Ta Bà Thế Giới thi pháp hộ trì vạn linh sanh chúng

能遊娑婆世界施法護持萬靈生眾

Thi pháp 施法: Thi pháp là đem các Giáo pháp ra thi hành.

Hộ Trì 護持: Che chở, gìn giữ.

Vạn linh 萬靈: Là toàn thể các sanh linh, gồm đủ bát hân: kim thạch hân, thảo mộc hân, thú cầm hân, nhơn hân, Thần hân, Thánh hân, Tiên hân, Phật hân.

Năng độ tận chúng sanh thoát ư tử khổ

能度盡眾生脫於四苦

Năng độ tận chúng sanh 能度盡眾生: Có thể độ hết tất cả chúng sanh.

Tứ khổ 四苦: Là bốn thứ đau khổ của con người, sống ở trần gian ai cũng phải mang lấy nó: Đó là Sanh, già, bệnh, chết. Dầu cho con người thế gian có tài ba, dũng mãnh đến đâu hay giàu sang thế mấy cũng không *thắng được, không chinh phục được sanh, già, bệnh, chết mà tất cả đều bị chúng nghiền nát, chỉ có người tu hành là muốn thoát khỏi bốn cái khổ đó, không để chúng lôi kéo vào vòng đau khổ triền miên. Tứ khổ, bên Phật giáo còn gọi là Tứ Sơn (Bốn núi). Trần Nhân Tông nói về bốn núi đó như sau:*

*Lang thang làm khách phong trần mãi,
Ngày cách quê hương muôn dặm trình.*

(THÍCH THANH TỪ DỊCH)

Năng trừ tà ma năng trừ nghiệp chướng, tất đắc giải thoát

能除邪魔能除孽障必得解脫

Tà ma 邪魔: Yêu ma, tà quái.

Luật công bằng thiêng liêng buộc người tu hành phải chịu cơ thử thách của lũ Tà ma, quỷ quái, vì vậy chúng thường bày ra giả cuộc để rù quên, dỗ dành người tu hành, nhưng người tu đã được hộ thân bằng bộ thiết giáp là Đạo đức của con người. Thánh giáo có dạy rằng: *“Ấy vậy, Đạo đức các con là phương pháp khử trừ quỷ mị lại cũng là phương diu dắt các con trở lại cùng Thầy. Các con không đạo, thì là tôi tớ quỷ mị. Thầy đã nói đạo đức cũng là một cái thang vô ngần, bắc cho các con leo đến phẩm vị*

tối cao, tối trọng là ngang bực phẩm cùng Thầy, hay là Thầy còn hạ mình cho các con cao hơn nữa”.

Nghiệt chương 孽障: Chương ngại cản trở người tu hành do các mầm ác đã gây ra.

Tất đắc 必得: Ất được.

Giải thoát 解脱: Cởi ra trót lọt, không dính mắc mọi sự trói buộc của đau khổ, phiền não và được an lạc tự tại. Ở đây có ý chỉ không còn vướng mắc trong vòng sanh tử luân hồi, tự do tự tại.

C- DỊCH NGHĨA

Phi Tưởng Thiên, một Tầng Trời huyền diệu có:

- Đa Pháp Phật
- Tịnh Thiện Giáo Phật
- Kiến Thăng Vị Phật
- Hiện Hóa Sanh Phật
- Trục Tà Tinh Phật
- Luyện Đắc Pháp Phật
- Hộ Trì niệm Phật
- Khai Huyền Cơ Phật
- Hoán Trước Tánh Phật
- Đa Phúc Đức Phật

Như vô số các vị Phật, từng theo lệnh của Từ Hàng Bồ Tát, có thể dạo các cõi thế giới Ta Bà, mà đem thi hành các Pháp huyền diệu để gìn giữ và che chở cho muôn loài và chúng sinh.

Nếu có người Thiện Nam, người Thiện Nữ, tin theo Ta thì phải có lòng phát nguyện: Nam Mô Từ Hàng Bồ Tát, có thể cứu được bệnh tật, có thể cứu được ba tai họa, có thể độ hết chúng sinh hầu thoát khỏi bốn cái khổ, có thể tiêu trừ tà ma, có thể diệt được nghiệp chướng, ắt được giải thoát.

7.- HẠO NHIÊN PHÁP THIÊN

A- KINH

HẠO NHIÊN PHÁP THIÊN hữu:

- Diệt Tướng Phật
- Đệ Pháp Phật
- Diệt Oan Phật
- Sát Quái Phật
- Định Quả Phật
- Thành Tâm Phật
- Diệt Khổ Phật
- Kiên Trì Phật
- Cứu Khổ Phật
- Xá Tội Phật
- Giải Thể Phật

Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật từng lịnh CHUẨN ĐỀ BỒ TÁT, PHỔ HIỂN BỒ TÁT thường du Ta Bà Thế giới độ tận Vạn Linh.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân tín ngã ưng đương phát nguyện Nam Mô CHUẨN ĐỀ BỒ TÁT, PHỔ HIỂN BỒ TÁT, năng trừ ma chướng quỷ tai, năng

cửu khổ ách nghiệt chướng, năng độ Chúng Sanh qui ư Cực Lạc, tất đắc giải thoát.

B- CHÚ THÍCH

Hạo Nhiên Pháp Thiên hữu

浩然法天有

Hạo Nhiên khí 浩然氣: Hay Hạo Nhiên chi khí còn gọi là Nguyên Khí hay Hồn Nguơn khí, là cái khí chất to lớn sáng sủa trong bầu trời.

Hạo Nhiên Thiên 浩然天: Là một tầng Trời trong Cửu Trùng thiên do Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát chưởng quản. Trong bài kinh Đệ Thất Cửu có câu:

Nhẹ phơi phơi dôi dào không khí,

Hạo Nhiên Thiên đã chỉ môn quan.

Hạo Nhiên Pháp Thiên 浩然法天: Tầng Trời Hạo Nhiên Thiên trên ấy có Cung Chưởng Pháp là một cơ quan chưởng quản về pháp luật, điều hoà an ninh trật tự trong Càn Khôn Vũ Trụ như lời Kinh Đệ Thất Cửu (Cung Chưởng Pháp xây quyền Tạo Hóa), cho nên tầng Trời ấy còn được gọi là *Hạo Nhiên Pháp Thiên*.

Diệt Tướng Phật 滅相佛

Diệt Tướng 滅相: Tiêu trừ, diệt bỏ hình tướng.

Tướng là hình tướng, hình ảnh, trạng thái của các pháp, tướng mạo của sự vật 凡所有相, 皆是虛妄若見諸相非相, 則必見如來 Phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng, tắc tất kiến Như lai: Phạm những điều có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng trong phi tướng, tức thấy Như lai.

Đã là tướng thì bao giờ cũng là tướng của sự đối đãi: Có đối đãi với không, sinh đối đãi với diệt...mà đã là đối đãi thì hạn hẹp, giả dối vô thường. Pháp Như lai chân như của vạn pháp thì không thể là tướng ở trong tướng đối đãi, nên phải diệt bỏ tướng.

(THÍCH THIÊN SIÊU)

Đệ Pháp Phật 遞法佛

Đệ Pháp 遞法: Theo thứ tự hay lần lượt truyền Giáo pháp.

Diệt Oan Phật 滅冤佛

Diệt oan 滅冤: Trừ bỏ oan trái.

Trong kiếp sanh, con người tạo không biết bao nhiêu là hành vi hung ác, gây thành mối dây oan trái, rồi luân hồi sinh tử cứ dập dồn mà chìm đắm nơi dòng khổ hải. Dây oan nghiệt ấy vì thế cứ buộc ràng và thắt tình lục dục càng ngày càng nhiễm vào chơn thân, trở nên nhơ nhớp khiến không thể thoát khỏi vòng sanh tử được:

*Dây oan xe chặt buộc mình,
Nhớ nhớ lục dục thắt tình nhiễm thân.*

(KINH GIẢI OAN)

Vậy con người muốn diệt mối oan khiên trói buộc, thì phải nương vào cửa Đạo. Kinh Giải Oan có câu:

*May đặng gặp Hồng Ân chan rưới,
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.
Đóng địa ngục, mở từ Thiên,
Khai đường Cực Lạc dẫn miền Tây Phương.*

Sát Quái Phật 殺怪佛

Sát quái 殺怪: Sát trừ tà quái.

Vì cơ thử thách, tà quái được Chí Tôn ban cho cái quyền hành lớn lao để lôi kéo các môn đồ của Thầy như lời Thánh giáo đã dạy: “*Cái quyền hành lớn lao do Thầy ban cho nó nên đừng quyền cảm dỗ các con xúi bẩy các con, giành giết các con làm tay chơn bộ hạ trong vòng tôi tớ nó*”. Nhưng Thầy đã hộ trì cho chúng ta, là cho chúng ta mặc bộ thiết giáp, ấy là Đạo đức của chúng ta vậy.

Định Quả Phật 定果佛

Định quả 定果: Sắp đặt quả vị, ngôi vị.

Hễ tu hành tức là gieo nhân lành thì sẽ được phước báo, thiện quả. Do vậy, chuyên tâm tu niệm thì quả vị đã định sẵn tùy theo công đức của người tu.

Định Quả Phật là vị Phật tùy theo sự hành trì đạo pháp của chơn linh mà định ngôi phẩm hay quả vị cho chơn linh ấy.

Thành Tâm Phật 誠心佛

Thành tâm 誠心: Lòng thành thật.

Tâm của con người có nhiều thứ khác nhau, nhưng ta chỉ cần phân biệt hai loại tâm: Tâm thật và tâm giả.

Tâm thật: Chơn tâm Phật tánh của chúng ta.

Tâm giả: Tâm chúng ta sống hằng ngày

Sống trên thế gian, trong vô số kiếp chúng ta không dùng tâm thật ra để sống, mà chỉ dùng tâm giả để sống. Vì vậy chúng ta mới bị luân hồi sinh tử.

Như vậy, khi tụng niệm, chúng ta phải thật “*thành tâm*”, tức là tìm lại cái chơn tâm Phật tánh của chúng ta vậy.

Sách Trung Dung rất coi trọng “*lòng thành*” hơn các đức tính khác, và cho rằng “*chí thành*” có thể giúp vào việc hóa dục của Trời đất nên có thể sánh cùng Trời đất: Người có thành tâm mới có thể phát huy đến cùng cực cái bản tính của mình; mà hễ phát huy đến cùng cực cái bản tính của mình thì có thể phát huy đến cùng cực cái bản tính của người; có thể khiến người phát huy đến cùng cực cái bản tính của người thì có thể khiến vật thực hành đến cùng cực bản tính của vật, có thể khiến vật thực hành đến cùng cực bản tính của vật, thì có thể giúp vào việc hóa dục của Trời đất; có thể giúp vào việc hóa dục của Trời đất thì có thể sánh cùng Trời đất: “Duy Thiên địa chí thành vi năng tận kỳ tính; năng tận kỳ tính tắc năng tận nhân chi tính; năng tận nhân chi tính tắc năng tận vật chi tính; năng tận vật chi tính tắc khả dĩ tán Thiên địa chi hóa dục, khả dĩ tán Thiên địa chi hóa dục tắc khả dĩ dĩ Thiên địa tham hỹ 唯天地, 至誠為能盡其性; 能盡其性, 則能盡人之性; 能盡人之性, 則能盡物之性; 能盡物之性, 則可以贊天地之化育; 可以贊天地之化育, 則可以與天地參矣”.

Diệt Khổ Phật 滅苦佛

Diệt khổ 滅苦: Trừ bỏ sự khổ đau.

Khổ đau là một thực trạng mà con người cảm nhận từ lúc lọt lòng mẹ cho đến khi nhắm mắt xuôi tay.

Cuộc đời là biển khổ, nên từ nghìn xưa các bậc độ đời cứu thế đã tùy căn cơ của chúng sinh mà dạy cách ứng xử với cảnh khổ khác nhau, mục đích là giúp cho con người biết lợi dụng nó để làm nấc thang thăng tiến. Theo Đức Hộ Pháp, các Tôn giáo từ xưa đã theo sự tiến hóa của

chúng sanh mà dạy cách xử trí với cảnh khổ:

Phật vì thương đời mà tìm cơ diệt khổ.

Tiên vì thương đời mà bày cơ thoát khổ.

Thánh vì thương đời mà dạy cơ thọ khổ.

Thần vì thương đời mà lập cơ thắng khổ.

Hiên vì thương đời mà đạt cơ tòng khổ.

Kiên Trì Phật 堅持佛

Kiên trì 堅持: Kiên tâm trì chí, tức là lòng vững chắc và bền ý chí.

Bất cứ làm việc gì, cũng cần phải có lòng kiên trì để đạt được thành quả. Tu hành cũng vậy, lòng kiên trì nhẫn nhục là yếu tố hàng đầu để đi đến giác ngộ. Nếu không có lòng kiên trì thì người tu sẽ đầu hàng trước cơ thử thách hay ma chướng.

Đức Chí Tôn có dạy: “*Từ xưa kiếp con người giữa thế, chẳng qua là khách đi đường; phận sự muốn cho hoàn toàn, cần phải có bền chí và khổ tâm; có bền chí thì mới đạt đặng phẩm vị thanh cao; có khổ tâm mới rõ tuồng đời ấm lạnh*”.

Cứu Khổ Phật 救苦佛

Cứu khổ 救苦: Cứu giúp người bị khổ.

Thế gian là biển khổ, nhưng cũng là một trường tiến hóa, nên con người phải mượn cảnh khổ để làm nấc thang tiến bước. Đứng trước một cảnh khổ, người có ý chí mạnh mẽ, kiên cường thì sẽ lợi dụng nó mà vươn lên, còn người nhu nhược yếu hèn, sẽ bị chìm sâu trong khổ cảnh. Vì thế, danh ngôn phương Tây có câu: “*Cảnh khổ là một nấc thang cho bậc anh tài, một kho tàng cho người*”.

khôn khéo, và một vực thẳm cho kẻ yếu đuối”.

Do vậy, Giáo pháp các Tôn giáo hay chư Phật, Thánh, Tiên đến cứu vớt chúng sanh, không phải bằng cách nắm tay dẫn dắt hay dùng huyền diệu Thiêng Liêng để cứu khổ, mà chính do bản thân ta, theo sự chỉ dẫn của các Pháp, các Đấng để chúng ta tự lập hầu thoát lẩn ra cảnh khổ đó. Trong Kinh Pháp Cú, Phật cũng có nói: *“Các người hãy nỗ lực lên! Như Lai chỉ dạy cho con đường giác ngộ, chứ không giác ngộ thế cho ai được. Sự trôi buộc của ma vương sẽ tùy sức thiện định của các người mà được cởi mở”.* Điều này Đức Chí Tôn cũng có dạy rằng: *“Nếu các con không tự lập ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên cho đặng. Ấy vậy vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đở”.*

Như vậy, cứu khổ không chỉ cầu ở tha lực mà trước hết ta phải tự cứu lấy cái khổ nơi chính bản thân mình.

Xá Tội Phật 赦罪佛

Xá tội 赦罪: Tha tội.

Thế gian là nơi chứa nhiều tội lỗi. Bởi vô minh, con người mới tạo ra tội ác, tội ác tạo thành nghiệp quả, nghiệp quả đó lại tạo nên những chướng ngại, gọi là nghiệp chướng. Nghiệp chướng mới che mờ chân tâm, bản tánh của chúng ta.

Do vậy, người tu hành, trước hết phải biết sám hối ăn năn tội lỗi, lo lập công bồi đức để được xá tội hiện tại và tội tiền khiên hầu có thể trở về ngôi xưa vị cũ.

Giải Thể Phật 解體佛

Giải thể 解體: Giải bỏ hình thể.

Hình thể ở thế gian là tạm bợ, hữu hình tức hữu hoại, chỉ có vô vi là vĩnh cửu, trường tồn. Người tu chẳng nên chú trọng nhiều đến hữu hình, vì nó sẽ mất, mà nên lo phần vô vi hay phần tâm pháp. Ví như thân xác chúng ta, chỉ cần lo một phần nhỏ để có đủ sự sống, còn dành thời gian tạo lập công đức để cho chơn linh sau này được nhẹ nhàng thoát hóa. Bởi vì người tu dù có đắc quả, hình hài thể xác cũng phải bỏ lại cõi trần này (Giải thể), chỉ có Chơn linh là vĩnh hằng trường cửu về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống mà thôi.

Chuẩn Đề Bồ Tát 準提菩薩

Trong Phật giáo Bắc Tông, Chuẩn Đề (Chundi) là một hóa thân của Ngài Quán thế Âm Bồ Tát. Ở các chùa Việt Nam tượng Chuẩn Đề đều có ba mắt mười tám tay: Hai tay chấp nơi ngực, hai tay để nơi bụng, còn mười bốn tay kia, mỗi bên bảy cánh đều có cầm bửu bối. Ngài ngự trên tòa sen.

Theo lời thuyết giảng của Đức Thích Ca Mâu Ni, Chuẩn Đề Bồ Tát có tám lòng từ bi vô hạn, thương sanh chúng như một người mẹ hiền thương yêu các con, nên người thế gian Tán Tụng Ngài là Chuẩn Đề Phật Mẫu hay Thất Cu Chi Phật Mẫu.

Căn cứ Di Lạc Chơn Kinh và kinh Đệ Thất Cửu, thì Đức Chuẩn Đề Bồ Tát chưởng quản tầng Hạo Nhiên Thiên và ngự nơi Cung Chưởng Pháp:

*Cung Chưởng Pháp xây quyền Tạo hóa,
Kiến Chuẩn Đề thạch xá giải thi.*

Phổ Hiền Bồ Tát 普賢菩薩

Dịch theo tiếng Phạn Tam Man Đa Bạt Đà La Bồ Tát 三縵多跋陀羅菩薩 (Samantabha dra Bodhi sattva). Là một vị Bồ Tát lớn trong Phật Giáo Đại Thừa, tượng trưng cho Đức hạnh. Phổ Hiền có nghĩa là sự hiển đức phổ cập khắp nơi. Danh hiệu Ngài có nghĩa là “Đại Hạnh”, nghĩa là đức hạnh khắp tất cả pháp giới. Phổ Hiền là vị Bồ Tát chủ về Chân lý, về thiền định và hành vi của chư Phật. Trong các chùa, tượng của Ngài thường đặt bên phải tượng Phật Thích Ca, tay cầm ngọc như ý, cỡi trên voi trắng sáu ngà (tượng trưng cho lục độ hoặc vượt qua sự dính mắc của sáu giác quan).

Thích Ca Tam Tôn là chỉ ba tượng thờ gồm ở giữa là tượng Đức Phật Thích Ca, bên phải là tượng Đức Phổ Hiền, tượng trưng cho chân lý, bên trái là tượng Đức Văn Thù Bồ Tát cỡi sư tử xanh, tượng trưng cho trí tuệ.

Bồ Tát Phổ Hiền có 10 điều nguyện lớn (Phổ Hiền Thập Nguyện):

- 1.- Lễ kính chư Phật 禮敬諸佛
- 2.- Xưng tán Như Lai 稱讚如來: Khen ngợi Đức Như Lai.
- 3.- Quảng tu cúng dường 廣修供養: rộng mở sự cúng dường.
- 4.- Sám hối nghiệp chướng 懺悔業障: Sám hối các điều nghiệp chướng.
- 5.- Tùy hỷ công đức 隨喜功德: Vui mừng mà thuận theo công đức của chư Phật và chư Bồ Tát.
- 6.- Thỉnh chuyển pháp luân 請轉法輪: Xin quay xe pháp để cho chúng sinh hiểu biết.

7.- thỉnh Phật trụ thế 請佛住世: Xin Phật ở lại Thế gian.

8.- Thường tùy Phật học 常隨佛學: Xin thường theo Phật để học Đạo.

9.- Hằng thuận chúng sanh 恆順眾生: thường làm chúng sinh yên vui sung sướng.

10.- Giai hồi hướng 皆回向: Đem công đức hồi hướng về chúng sinh.

Mười điều hạnh nguyện ấy rộng như biển cả nên còn được gọi là Phổ Hiền nguyện hải 普賢願海.

Tín Ngã ứng đương phát nguyện 信我應當發願

Tín Ngã 信我: Hãy nghe lời Ta.

Tín Ngã ứng đương phát nguyện 信我應當發願: Là hãy nghe lời của Ta mà nên mau phát tâm cầu nguyện. Đây là lời Phật nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong bài Kinh là hãy tin lời Phật dạy mà thành tâm phát nguyện.

Năng trừ ma chướng quỷ tai 能除魔障鬼災

Ma chướng quỷ tai 魔障鬼災: Chướng ngại của ma, tai ách của quỷ nhằm để ngăn chặn hay thử thách hành trình của người tu tập.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy có cho biết: “*Những sự phạm tục đều là mưu kế của Tà Mị Yêu Quái cốt để ngăn trở bước đường Thánh Đạo của các con. Những mưu quỷ quyết ấy do lệnh Thầy dùng để thử các con*”. Như vậy, những chướng ngại hay tai ách của quỷ ma là để ngăn bước đường người tu hành, cũng là cơ thử thách. Vì thế, chúng ta phải có trí huệ và nghị lực để tự mình vượt qua

mọi chướng ngại, mọi tai ách. Ngoài ra, nhờ vào việc tu trì, nhờ vào nguyện lực mà chúng ta có thể cầu các Đấng hộ trì trừ ma diệt quỷ để được đi trọn con đường Thánh Đạo.

Năng cứu khổ ách nghiệt chướng

能救苦厄孽障

Khổ ách 苦厄: *Khổ*: Lo lắng, cực nhọc. *Ách*: Khốn cùng quẫn bách. **Khổ ách**: Lúc khổ sở khốn cùng.

Nghiệt chướng 孽障: Chướng ngại cản trở người tu tập do mầm ác gây ra.

Năng độ Chúng Sinh qui u Cực Lạc

能度眾生歸於極樂

Qui u Cực Lạc 歸於極樂: Trở lại với cõi Cực Lạc Thế Giới của Đức A Di Đà Phật.

Tất đắc giải thoát.

必得解脫

Tất đắc 必得: Ất được.

Giải thoát 解脫: Những người tay chân bị trói buộc, chẳng được tự do là chẳng được giải thoát. Một khi mở trói được tự do như xưa, gọi là người giải thoát. Bị khổ ách ràng buộc, ngăn đón giống như quấn trói. Một khi tu hành nhờ tự lực và tha lực, mọi phiền não nghiệt chướng tự tiêu diệt, tức là được giải thoát.

Chú thích: Theo thiện ý, lời chú của Hội Thánh cho biết tụng đến đây phải niệm danh chư Phật, hễ niệm danh mỗi vị xong rồi lạy một lạy, tức là buộc những người quì tụng phải niệm danh mỗi vị Phật xong, đánh chuông mời

lay một lay. Như thế, đàn cúng mới trang nghiêm, đồng bộ, nhờ mọi người cùng lay một lượt sau tiếng chuông đã gõ. Đó là giữ đàn cúng không bị loạn khi lay, tức là chẳng thất lễ vậy.

C- DỊCH NGHĨA

Tăng Hạo Nhiên Thiên có:

- Diệt Tướng Phật
- Đệ Pháp Phật
- Diệt Oan Phật
- Sát Quái Phật
- Định Quả Phật
- Thành Tâm Phật
- Diệt Khổ Phật
- Kiên Trì Phật
- Cứu Khổ Phật
- Xá Tội Phật
- Giải Thế Phật

Như vô số các vị Phật, từng theo mệnh lệnh của Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát, thường đi dạo khắp các cõi Ta Bà Thế giới độ hết vạn linh.

Nếu như có người Nam làm lành, nếu như có người Nữ làm lành, tin theo lời Ta, thì nên phát khởi lời nguyện: Nam Mô Chuẩn Đề Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, có thể trừ các chướng ngại do ma giục, các tai nạn do quỷ gây ra, có thể cứu những sự khổ sở và nghiệt chướng, có thể độ dẫn chúng

sinh về nơi Cực Lạc,ắt được giải thoát.

CHƯƠNG THỨ NHÌ

救苦經

KINH CỨU KHỔ

I-KINH VĂN

II-VIỆT RA CHỮ HÁN

III-CHỮ GIẢI

I- KINH VĂN

KINH CỨU KHỔ

Nam mô Đại Từ, đại Bi Quảng Đại Linh Quan Thế Âm Bồ Tát. (đọc 3 lần)

Nam mô cứu khổ, cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát, bá thiên vạn ức Phật, hằng hà sa số Phật, vô lượng công đức Phật. Phật cáo A Nan ngôn, thử kinh Đại Thánh, năng cứu ngục tù, năng cứu trọng bệnh, năng cứu tam tai bá nạn khổ.

Nhược hữu nhơn tụng đắc nhất thiên biến, nhưt thân ly khổ nạn, tụng đắc nhưt vạn biến, hiệp gia ly khổ nạn.

Nam mô Phật lực oai, Nam mô Phật lực hộ, sử nhơn vô ác tâm linh nhơn thân đắc độ, hồi quang Bồ Tát, hồi thiện Bồ Tát, A Nậu Đại Thiên Vương chánh điện Bồ Tát, ma kheo ma kheo thanh tịnh tỳ kheo, quan sự đắc tán, tụng sự đắc hựu, chư Đại Bồ Tát, ngũ bá A La Hán, cứu hộ đệ tử.....nhưt thân ly khổ nạn, tự ngôn Quan Thế Âm. Anh lạc bất tu giải, cần độc thiên vạn biến tai nạn tự nhiên đắc giải thoát, tín thọ phụng hành tức thuyết,

Chơn ngôn viết: Kim Ba Kim Ba Đế, Cầu Ha Cầu Ha Đế, Đa La Ni Đế, Ni Ha La Đế, Tì Lê Ni Đế, Ma Ha Đà Đế, Chơn Lăng Càn Đế, Ta Bà Ha.

II- VIẾT RA CHỮ HÁN

救苦經

南無大慈大悲廣大靈光世音菩薩

南無救苦,救難觀世音菩薩,百千萬億佛,恆河沙數佛,無量功德佛,佛告阿難言,此經大聖,能救獄囚,能救重病,能救三災百難苦.

若有人誦得一千遍,一身離苦難,誦得一萬遍,合家離苦難.

南無佛力威,南無佛力護,使人無惡心,令人身得度,迴光菩薩,迴善菩薩,阿耨大天王正殿菩薩,摩丘摩丘清淨毘丘,官事得散,訟事得休,諸大菩薩,五百阿羅漢救護弟子.....一身離苦難,自言觀世音,瓔珞不修解,勤讀千萬遍災難自然得解脫,信受奉行即說,真言曰:

金婆金婆帝,求訶求訶帝,多羅尼帝,尼訶羅帝,毘黎尼帝,摩訶伽帝,真陵乾帝,娑婆訶.

III- CHÚ GIẢI

Vào thời Hạ nguơn này, đời càng đi sâu vào mạt pháp, nơn loại càng sống trong dầu sôi lửa bỏng: Chiến tranh khốc liệt ở nhiều nước trên thế giới; thiên tai tàn phá như bão lụt, sổng thần, hạn hán...; bệnh chướng hoành hành nhiều thứ dịch bệnh phát sinh...làm cho con người phải chịu nhiều điêu linh, khổ sở.

Như chúng ta biết, sở dĩ đời nhiều khổ đau là do tâm niệm và hành vi hung dữ của con người. Muốn làm dịu bớt thảm trạng này, mỗi con người phải tự tỉnh ăn năn và cầu xin Đức Quan Thế Âm giảm trừ nghiệp chướng, tiêu tai miễn họa. Vì vậy, bài Kinh Cứu Khổ rất cần thiết cho người biết tu để tụng niệm trong hiện cảnh ngày nay.

Kinh Cứu khổ 救苦經: Kinh cứu khổ là một bài kinh tụng cầu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ, cứu nạn cho chúng sinh khi gặp tai ương hay bệnh tật. Bởi vì Đức Quan Thế Âm là vị Bồ Tát có hạnh nguyện “*Tâm thính cứu khổ 尋聲救苦*”, tức là nơi nào chúng sanh có sự khổ đau, tai ách mà có lòng thành cầu xin cứu giúp, thì Đức Ngài liền ban ơn cho tiêu tai miễn họa. Theo Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, phẩm Phổ Môn, hễ ai thờ Ngài ắt được phước đức, ai cầu nguyện và niệm danh hiệu Ngài thì được Ngài chở che cứu giúp qua khỏi nạn tai.

Đạo Cao Đài thường tụng bài kinh Cứu khổ để cầu siêu cho Cửu Huyền Thất Tổ, thượng Tượng, cầu an (An vị Thánh Tượng), hay cầu giải bệnh cho người bệnh tật.

A- CHÚ THÍCH

Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Quan Thế Âm Bồ Tát

南無大慈大悲廣大靈光世音菩薩

Nam Mô 南無: Kính lễ, đánh lễ (cúi đầu làm lễ).

Chữ Nam Mô có sáu ý nghĩa:

- *Quy y*: Trở về nương tựa Phật, Bồ Tát.
- *Quy mạng*: Quy gởi thân mạng của mình.

- *Cung kính*: Hết lòng chí thành cung kính.
- *Cứu ngã*: Mong được cứu độ.
- *Đánh lễ*: Lòng thành kính lễ.
- *Độ ngã*: Ngưỡng mong tu tập được qua bờ giác ngộ.

Tín đồ Cao Đài, người tu theo Phật thường đặt từ Nam Mô trước danh hiệu của Đức Chí Tôn hay chư Phật với ý nghĩa là nguyện đem lòng thành kính hướng về Chí Tôn, chư Phật để nương tựa, cầu mong được cứu độ, và được giải thoát.

Đại Từ Đại Bi 大慈大悲: Có lòng Từ bi to lớn.

Từ bi là lòng thương yêu, lo lắng mong giúp đỡ cho chúng sanh được an lành và cứu vớt chúng sanh ra khỏi tai ương, khổ não. Lòng Từ bi phải là một chân tâm, xuất phát từ lòng trắc ẩn thành thật, không vụ lợi, không phân biệt thân sơ hay sang hèn. Từ bi là một thứ tình thương đem đến niềm an vui cho kẻ khác. Người có Từ tâm, thì lúc nào cũng muốn tạo và dâng hiến sự an lành, hạnh phúc cho kẻ khác, còn người có lòng bi thì bao giờ cũng mong xoa dịu hay làm vơi bớt những nỗi đau của kẻ khác.

Ban cho điều sung sướng, cứu giúp sự khổ não, mà làm sao tự ta không thấy mình là kẻ ban ơn, người là kẻ thọ ơn, như thế mới thật là lòng từ bi.

Đại Từ Đại Bi là lòng Từ bi tối thượng, chỉ đạt được khi đã đạt được Trí huệ tối thượng, tức là tâm Từ bi tuyệt đối, vô điều kiện, chỉ có được nhờ sự giác ngộ rốt ráo về chân lý. Đó là lòng Từ Bi của Đức Thượng Đế và chư Phật, chư Tiên.

Quảng đại 廣大: Rộng lớn, tức là chỉ lòng thương

yêu vô biên, rộng lớn.

Linh 靈: Thiêng liêng.

Quan Thế Âm Bồ Tát 觀世音菩薩

Quan Thế Âm hay Quán Thế Âm Bồ Tát là một vị Bồ Tát có lòng Đại Từ Đại Bi và thường hay cứu khổ cứu nạn, cho nên chúng sanh đâu đâu cũng thờ và tụng niệm đến danh hiệu của Ngài. Ba chữ Quán Thế Âm nói lên được lòng thương vô lượng vô biên của Ngài, lúc nào Ngài cũng lắng nghe âm thanh ở thế gian, nơi nào, lúc nào có tiếng kêu đau, kêu khổ của chúng sanh thì Ngài đều đến cứu giúp, hóa độ.

Trong kinh Pháp Hoa có câu: 苦惱眾生一心稱名, 菩薩即時觀其音聲, 皆得解脫, 以是名觀世音. (*Khổ não chúng sinh, nhất tâm xưng danh, Bồ Tát tức thì quan kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát. Dĩ thị danh Quan Thế Âm*).

Nghĩa là chúng sanh bị khổ não mà nhứt tâm niệm đến tên Bồ Tát, tức thì Ngài xem âm thanh của chúng sanh mà độ cho được giải thoát. Vì thế, nên gọi Ngài là Quan Thế Âm.

Người Đời thường gọi tắt là Quan Âm. Ngài còn có hiệu là Quán Tự Tại Bồ Tát, có nghĩa là quán chiếu thâm sâu, giác ngộ tự tại mà cứu độ chúng sinh.

Đức Quán thế Âm có phép thần thông quảng đại, thường hay biến hiện nhiều sắc tướng để cứu giúp chúng sanh, nên người đời thường thờ Ngài bằng nhiều tượng khác nhau.

– Thiên thủ thiên nhãn Quan Thế Âm Bồ Tát 千

手千眼觀世音菩薩 tượng có nghìn tay nghìn mắt.

– Chuẩn Đề Quan Âm 準提觀音: Tượng có ba mắt và mười tám tay.

– Nam Hải Viên Thông Giáo Chủ Đại Từ Đại Bi, Tâm Thanh Cứu Khổ, Linh Cảm Quan Âm Bồ Tát 南海圓通教主, 大慈大悲, 尋聲救苦, 靈感觀世音菩薩: Danh hiệu này có nghĩa là Đức Quan Thế Âm làm Giáo Chủ Đạo Viên Thông ở miền Nam Hải, thường tìm tiếng kêu mà cứu khổ, rất cảm ứng và rất Thiêng liêng.

– Quan Âm Nữ Phật 觀音女佛: Tượng là một người phụ nữ, cho nên còn gọi là Phật Bà Quan Âm, do hai sự tích: Quan Âm Diệu Thiện và Quan Âm Thị Kính.

Trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quan Thế Âm là một tướng nữ, tượng trưng cho tình thương của một bà mẹ hiền, đứng trên hoa sen, tay cầm cành dương liễu để tiếp dẫn chúng sanh và bình nước cam lồ để rưới tắt các phiền não. Trụ Xứ của Ngài là Nam Hải, nên còn được gọi Nam Hải Quan Âm hay Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai. Ngài được Đức Chí Tôn phong làm Nhị Trấn Oai Nghiêm Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai để đại diện cho Phật trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Bát Nương có giảng cơ cho biết về Đức Quan Âm như sau: *“Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về cơ giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hàng hà sa số Phật trông nom về cơ Phổ Độ mà Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải, ở An Nhân Động, còn Cung Diệu Trì thì ở tại Tạo Hóa Thiên”*. Sau đây là bài Thánh thi của Đức Quan Âm Như Lai:

Khán đắc phù sinh nhứt thế không,

看得浮生一世空

Điền viên sản nghiệp diệc giai không.

田園產業亦皆空

Thê nhi phụ tử chung ly biệt,

妻兒父子終離別

Phú quý công danh tổng thị không.

富貴功名總是空

Cổ ngữ vạn ban đô thị giả,

古語萬般都是假

Kim ngôn bách kế nhứt trường không.

今言百計一場空

Tiền tài thâu thập đa tân khổ,

錢財收拾多辛苦

Lộ thượng hoàng tuyền lưỡng thủ không.

路上黃泉兩手空

(QUAN ÂM NHƯ LAI)

DỊCH NGHĨA

Được thấy phù sinh vốn cõi không,

Ruộng vườn sự nghiệp cũng đều không.

Vợ con cha mẹ rồi ly biệt,

Danh lợi sang giàu rốt cũng không.

Lời cổ: muôn điều toàn giả tạm,

Câu nay: trăm kể một trường không.

*Tiền tài gom góp nhiều lao khổ,
Nẻo đến Suối Vàng, tay sạch không.*

(THIÊN VÂN DỊCH).

***Nam mô Đại Từ, Đại Bi Quảng Đại Linh Quan
Thế Âm Bồ Tát*** 南無大慈大悲廣大靈光世音菩
薩: Vị Bồ Tát Quán Thế Âm Thiêng Liêng có lòng Đại
Từ Đại Bi rộng lớn.

Nam Mô cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát.
南無救苦救難觀世音菩薩

Cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát 救苦,
救難觀世音菩薩: Đức Quán Thế Âm là một vị cổ
Phật trong đời quá khứ, cách nay vô lượng kiếp Ngài đã
thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì hạnh
nguyện đại bi muốn cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh và
làm chúng sanh được an lạc, nên Ngài hiện thân làm Bồ
Tát qua lời giới thiệu của Đức Thích Ca Mâu Ni được ghi
chép trong nhiều kinh Phật.

Phẩm Phổ Môn trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói
về hạnh nguyện cứu độ chúng sanh như sau: “...*Phật bảo
Vô Tận Ý: Nay Thiện Nam Tử! Nếu có vô lượng trăm ngàn
ức chúng sanh bị bao khổ não, được nghe danh hiệu Bồ Tát
Quán Thế Âm, mà nhứt tâm xưng danh hiệu của Bồ Tát.
Bồ Tát Quán Thế Âm tức thời quán sát những âm thanh
đó thì những chúng sanh kia đều được giải thoát khổ não.
Người thường trì tụng danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm,
nếu gặp nạn lửa lớn, lửa chẳng đốt cháy được, vì do oai thần
lực của Bồ Tát. Nếu bị nước lớn cuốn trôi, xưng danh hiệu
Bồ Tát, liền được đến bờ cạn...*”. Tóm lại, hễ ai thờ Ngài,
có lòng cầu nguyện và niệm tưởng thì được Ngài phù hộ

và cứu giúp qua khỏi nạn tai.

Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni cũng có chép rằng: “*Đại oai thần lực của Bồ Tát Quán Thế Âm không thể nào suy xét bàn luận được. Bồ Tát Quán Thế Âm phát lời thệ nguyện rằng: Nếu tôi về đương lai có thể làm nổi những việc lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh thì ngay bây giờ đây thân tôi hãy phát sanh đủ ngàn tay ngàn mắt. Quả như vậy, Ngài phát lời nguyện vừa xong bèn hiện đủ ngàn tay, ngàn mắt*”. Thật là Đấng Đại từ bi cứu khổ cứu nạn!

Bá thiên vạn ức Phật

百千萬億佛

Bá thiên 百千: Trăm và ngàn.

Vạn ức 萬億: Muôn và trăm ngàn.

Bá thiên vạn ức 百千萬億: Chỉ một con số nhiều.

Hằng hà sa số Phật

恆河沙數佛

Hằng hà sa 恆河沙: Cát sông Hằng, tức là cát của con sông Gange ở Ấn Độ.

Hằng hà sa số 恆河沙數: Số nhiều như cát sông Hằng. Đây là từ dùng để ví dụ một số lượng rất nhiều, không thể đếm được.

Vô lượng công đức Phật

Công đức 功德: Công đức là những công việc làm lành, có công năng tạo phước và đem lại phước đức cho mình, cho người khác. Những công việc như in kinh, bố thí, lễ bái, tụng kinh, ủng hộ những người tu hành chân

chính là những việc làm tạo ra công đức, đây là một điều quan trọng của người tu hành. Nếu không có phương tiện tài chánh thì ta có thể dùng thời giờ của mình đến Thánh thất làm công quả hoặc giúp đỡ cho mọi người để tạo dựng thêm công đức.

Trong Kinh Phật có nói: Công đức phải là nơi tự tánh thấy, không phải do bố thí cúng dường mà cầu có được. Ấy là phước đức cùng với công đức khác nhau.

Vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn lập **Đạo kỳ này là mở một trường thi công quả**. Thầy dạy: “*Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế để làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc Đạo, phải có công quả*”.

Vô lượng công đức Phật 無量功德佛: Hạnh nguyện Đức Phật Quan Thế Âm thật là vô biên, nên công đức của Ngài thật là vô lượng, không thể nào nghĩ bàn được.

Phật cáo A Nan ngôn 佛告阿難言

Cáo 告: Kể trên bảo người dưới là cáo, kể dưới thưa cùng người trên là bạch, nhằm biểu thị sự tôn kính.

Phật cáo A Nan ngôn 佛告阿難言: Phật bảo cho Ông A Nan biết rằng.

A Nan 阿難: Còn gọi là A Nan Đà 阿難陀 (Ananda), dịch nghĩa Khánh Hỷ, là một trong mười đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca. Ngài sinh ở Ca Tì La Vệ, em họ sinh cùng ngày nhưng nhỏ tuổi hơn Đức Phật. Năm 20 tuổi, Ngài xuất gia theo Phật, và luôn ở cạnh Đức Phật để làm thị giả, nên Ngài được nghe thuyết giảng nhiều kinh và có trí nhớ rất giỏi, vì vậy, trong các đệ tử, Ngài là

bạc đa văn (nghe nhiều) nhất. Chính tôn giả Ca Diếp đã nói về Ngài như sau: “*Nước trong biển cả Phật pháp rót hết vào trong tâm A Nan*”.

Tên Ngài đôi khi còn được dịch là Vô Nhiễm, vì những khi theo hầu Phật vào Thiên cung, Long cung... thuyết pháp, tâm Ngài không hề nhiễm trước nơi sắc cảnh. Nữ giới được Đức Phật chấp nhận cho xuất gia lần ni cũng nhờ Ngài đặc biệt thỉnh cầu. Trong các ni viện Trung Hoa, thường thờ Ngài A Nan tại Tổ đường để tưởng niệm ân đức là vì lẽ đó.

Khi Đức Phật nhập Niết Bàn, và Ngài chứng được quả A La Hán, Đại Ca Diếp Tôn Giả mới đề cử Ngài đứng ra kết tập Bộ Kinh Tạng.

Sau Ngài được Đại Ca Diếp truyền y bát cho làm tổ thứ nhì bên phái Thiền Tông.

Phật cáo A Nan ngôn 佛告阿難言: Phật bảo cho Ông A Nan biết rằng.

Thử kinh Đại Thánh 此經大聖

Thử kinh 此經: Là kinh này, tức là bài kinh Cứu khổ. Bài kinh này đặc biệt cầu nguyện Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh.

Bài kinh này, trong Đạo Cao Đài thường dùng để tụng khi cầu an, cầu bệnh, hay cầu siêu Cửu Huyền Thất Tổ (Cáo Từ Tổ). Như trên ta đã biết chỉ cần nghe âm thanh kêu cầu cứu khổ của chúng sanh là Đức Quan Thế Âm Bồ Tát sẽ thị hiện cứu giúp. Do đó, theo lời Kinh dạy: Nếu tụng bài kinh này được một ngàn lượt thì một thân lìa khỏi khổ nạn; một muôn lượt thì cả nhà lìa khỏi khổ nạn. Tóm lại, khi tụng cầu bài kinh Cứu Khổ với

lòng thành làm cảm ứng Bồ Tát thì Ngài sẽ phò trợ tiêu tai thoát nạn, giải trừ bệnh chướng, siêu sanh Tịnh độ...

Đại Thánh 大聖: Là vị Thánh lớn. Ở đây ý chỉ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Thủ kinh Đại Thánh có nghĩa là quyển kinh này của vị Đại Thánh Quan Âm Bồ Tát.

Năng cứu ngục tù

能救獄囚

Năng cứu 能救: Có thể cứu giúp.

Ngục tù 獄囚: *Ngục* là nhà giam. *Tù* là giam giữ. *Ngục tù* là bị bắt giữ lại nơi nhà giam.

Năng cứu ngục tù 能救獄囚: Có thể cứu khỏi cảnh bị giam giữ nơi nhà ngục.

Thế gian đã là một biển khổ, mà con người bị cảnh tù ngục nơi cõi ấy, thì ta tưởng tượng sự khổ đau không biết là ngần nào! Con người bị tù ngục, tức là phải chịu cảnh lao lung, quanh năm suốt tháng mất tự do, bốn bức tường bao kín, không thấy được mặt trời, mặt trăng, hưởng chi lại bị đày đọa thân xác, thiếu phương tiện, thiếu cơm ăn áo mặc. Người ta thường nói: “*Nhứt nhứt tại tù, thiên thu tại ngoại* 一日在囚, 千秋在外” có nghĩa là một ngày ở tù, bằng ngàn thu ở ngoài.

Người bị hàm oan, hay người bị tù tội do lầm lỡ gây ra tội lỗi và biết ăn năn hối cải, khi tụng đọc bài kinh này, Bồ Tát Quan thế Âm cũng có thể giải trừ tù ngục cho người có lòng thành sám hối ăn năn. Điều này Bồ Tát cũng đã nói trong Phổ Môn như sau: “...*nếu người có tội hay vô tội, bị cầm tù xiềng xích, mà xưng danh hiệu Bồ Tát*

Quán Thế Âm, thì xiềng xích liền bị đứt đoạn, khiến được giải thoát...”. Có bài kệ rằng:

*Hoặc tù cấm xiềng xích,
Tay chân bị gông cùm.
Do sức niệm Quán Âm,
Tháo rã đặng giải thoát.*

Năng cứu trọng bệnh 能救重病

Trọng bệnh 重病: Bị bệnh nặng.

Năng cứu trọng bệnh 能救重病: Có thể cứu được bệnh nặng.

Con người thường dùng tâm giả để mà sinh hoạt sống còn, từ lúc sanh đến lúc chết, chưa từng có một niệm giác để được thấy lại tự tâm hay bản lai diện mục. Vì chưa giác ngộ nên không biết gốc rễ bệnh tật. Do nước lửa xung đột, bốn đại công phá, đó là thân bệnh, bệnh có thể dùng thuốc trị, nếu chẳng hết thì có thể dùng tứ vô lượng tâm để điều trị, hoặc cầu các Đấng giải bệnh oan khiên. Còn nếu do vọng tưởng, phiền não nhiễm tâm, đó là tâm bệnh, bệnh này thì không có thuốc để trị.

Chí Tôn và chư Phật là Đấng lương y ở thế gian, có thể điều trị tâm bệnh của chúng sanh. Các Ngài sẽ dùng Chánh giác để phá vọng tưởng vô tánh, đó là lương dược để hoàn sinh rất huyền diệu.

Hay nói cách khác, nếu biết phá trừ tâm vọng tưởng hay tâm phiền não, không để chúng trôi buộc xoay chuyển thì tự khắc diệt trừ được tâm bệnh.

Kinh Cứu Khổ là một bài Kinh dùng để chư tín đồ

có lòng thành tụng niệm cầu xin Đức Quan Thế Âm Bồ Tát giải trừ các loại thân và tâm bị bệnh.

Năng cứu tam tai bá nạn khổ

能救三災百難苦

Tam tai 三災: Ba thứ tai họa xảy đến: Hỏa tai 火災, Phong tai 風災 và Thủy tai 水災.

Hỏa tai 火災: Tai họa do lửa như cháy nhà cửa...

Phong tai 風災: Tai họa do gió gây ra như bão lụt, cuồng phong...

Thủy tai 水災: Tai họa do nước gây nên như hồng thủy, lụt ngập, sóng thần...

Bá nạn khổ 百難苦: Hằng trăm thứ tai nạn khổ sở.

Thế gian là biển khổ, một phần cũng do con người từ vô thủy đến nay, bị hạt giống ái căn, vọng tưởng ô nhiễm thâm sâu, nên che mờ tự tánh vi diệu, khiến cuộc sống dựa trên tâm vọng tưởng, và thế giới hư huyền, nên cứ mãi trôi theo vòng sinh tử luân hồi. Vì vậy, trăm ngàn thứ tai ương, khổ sở do nghiệp trước tạo ra, mãi triển miên trôi buộc kiếp hiện tại, không bao giờ giải ra được. Nếu con người biết ăn năn hối lỗi, thành tâm tụng niệm bài kinh Cứu khổ này, tức thì Đức Quan Thế Âm liền hóa giải trăm ngàn nạn khổ cho chúng sanh.

Nhược hữu nhưn tụng đắc nhất thiên biến, nhất thân ly khổ nạn

若有人誦得一千遍，一身離苦難

Nhược hữu nhưn 若有人: Nếu như có người.

Tụng đắc 誦得: Tụng kinh được.

Nhứt thiên biến 一千遍: Là một ngàn lượt, tức là tụng một ngàn lần bài Kinh Cứu Khổ ấy.

Nhứt thân ly khổ nạn 一身離苦難: Một thân mình lìa khỏi khổ nạn.

Nhứt thiên biến nhứt thân ly khổ nạn 一千遍一身離苦難: Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có hứa với chúng sanh, nếu thành tâm mà tụng được một ngàn biến (tức 1000 lượt) kinh Cứu Khổ thì một thân người sẽ được lìa khỏi khổ sở tai nạn.

Tụng đắc nhứt vạn biến, hiệp gia ly khổ nạn

誦得一萬遍, 合家離苦難

Nhứt vạn biến 一萬遍: Một muôn biến hay mười ngàn biến, tức là tụng được mười ngàn lượt bài Kinh Cứu Khổ.

Hiệp gia ly khổ nạn 合家離苦難: Cả nhà lìa khỏi khổ sở hoạn nạn.

Nhứt vạn biến hiệp gia ly khổ nạn 一萬遍合家離苦難: Nếu nhứt tâm bất loạn mà người công phu tụng được mười ngàn biến kinh cứu khổ thì Bồ Tát Quan Thế Âm sẽ cứu giúp cho cả nhà lìa khỏi khổ nạn.

Nam Mô Phật lực oai, Nam Mô Phật lực hộ

南無佛力威, 南無佛力護

Oai lực 威力: Hoặc uy lực là oai phong, tức là uy quyền sức mạnh.

Phật lực oai 佛力威: Hay là oai lực của Đức Phật, có nghĩa là sức mạnh uy quyền của đức Phật.

Đối với chúng sanh đang bị khổ não, Đức Phật

thường hiện tướng hiền lành, từ bi ra để cứu giúp cho chúng sanh đang bị khổ nạn. Đối với ma vương, tà quái, Đức Phật phải hiện tướng uy nghi, bởi vì sức hay tướng uy nghi của Đức Phật có thể khiến cho ma vương, tà quái kinh sợ mà hàng phục chúng. Chính vì thế, tượng Đức Quan Thế Âm thường hiện tướng oai nghi “*Thiên thủ thiên nhân*”, tức nghìn tay nghìn mắt, hay khi Ngài cai quản các âm hồn thì Ngài hiện ra tướng có lưỡi dài, mặt xanh như tàu chuối, vì thế Ngài được gọi là Tiêu Diện Đại Sĩ 蕉面大士 (Tiêu diện: Mặt xanh như tàu lá chuối).

Hộ lực 護力: Là sức che chở, sức bảo vệ, sức giữ gìn.

Phật lực hộ 佛力護: Nghĩa là sức bảo vệ giữ gìn của Đức Phật.

Thánh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát gồm đủ hết cả công đức và lòng đại từ bi, chẳng cần biết hạng chúng sanh nào đang bị đau khổ, nạn tai mà có lòng xứng niệm, thì sẽ được hộ lực của Đức Ngài. Chỉ có điều do công lực của tâm trì niệm sai khác, nên tự nhiên cảm thọ hộ lực của Phật sâu cạn cũng sai khác. Như vậy, người có lòng thành tụng niệm, nhất tâm bất loạn, thì sẽ đạt được cảm ứng từ hộ lực của Đức Phật.

Sử nhưn vô ác tâm, linh nhưn thân đắc độ

使人無惡心, 令人身得度

Sử nhưn 使人: Sai khiến người, làm cho người.

Vô ác tâm 無惡心: Không có lòng hung ác.

Linh nhưn 令人: Khiến cho người.

Đắc độ 得度: Được cứu giúp, được tế độ.

Đức Phật Quan Âm là Đấng Đại Từ bi, khi nghe

chúng sanh kêu cầu liền ra tay cứu khổ cứu nạn. Muốn được Đức Phật độ trì thì người niệm Phật phải có lòng thành, lòng có thành thì Phật mới cảm mà cứu giúp cho.

Hồi quang Bồ Tát, Hồi thiện Bồ Tát

回光菩薩, 回善菩薩

Hồi quang 回光: Là ánh sáng quay về trở lại, ánh sáng phản chiếu.

Hồi Quang Bồ Tát 回光菩薩: Vị Bồ Tát đem Linh Quang là nguồn ánh sáng huyền diệu của trí tuệ bát nhã trở lại cho chúng sanh để được xa lìa cuộc đời khổ đau, đen tối.

Phật quang hay ánh sáng của Phật có thể chiếu một cách triệt để, xuyên thấu mọi nơi, tốt cùng chốn sâu kín để trừ tà ma, trị bệnh tật hay cứu khổ nạn.

Hồi thiện 回善: Là trở về điều lành, quay về điều lành.

Hồi Thiện Bồ Tát 回善菩薩: Vị Bồ Tát Đại Từ bi giáo hóa chúng sanh giác ngộ để quay về với điều thiện lành.

Theo Mạnh Tử, “*Nhân chi sơ tánh bản thiện* 人之初性本善”. Có nghĩa là con người khi xưa bản tính vốn lành, nhưng vì tập nhiễm thói xấu trong xã hội nên trở thành người hung ác. Phật giáo thì cho rằng chúng sanh đều có Phật tính: “*Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tính* 一切眾生皆有佛性”. Riêng Cao Đài thì quan niệm rằng mỗi con người đều có Thiên tánh của Thượng Đế ban cho.

Vì thế, cứu cánh của Bồ Tát Quan Thế Âm là mong muốn giáo hóa chúng sanh hầu đem con người trở lại tính

thiện của ban đầu: Đó là Phật tánh hay Thiên tánh. Vì thế, danh hiệu Ngài cũng xưng tụng là *Hối Thiện Bồ Tát*.

A Nậu Đại Thiên Vương chánh điện Bồ Tát

阿耨大天王正殿菩薩

A Nậu 阿耨: A Nậu do phiên âm từ chữ Phạn ngữ là Anout, có nghĩa là vô thượng.

Thiên Vương 天王: Các vị Thần ở bốn phương có nhiệm vụ bảo vệ Phật pháp.

Đại Thiên Vương 大天王: Các vị Đại Thiên Vương.

Trong Kinh nói Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là vị Đại thần thông nên thường hiện nhiều tướng để cứu độ chúng sanh, có khi hiện ra làm Phạm Thiên Vương, hoặc làm Đế Thích, có khi Ngài hiện ra làm một vị Thiên Vương hoặc làm một vị Thiên Tướng. Nên còn gọi là Vô Thượng Đại Thiên Vương.

Chánh Điện 正殿: Còn gọi là Bửu Điện là nơi Đền chánh thờ Chí Tôn hoặc thờ Phật.

Nơi Chánh điện thờ Đức Chí Tôn được gọi là: *“Linh Tiêu Bửu Điện”*. Chánh điện thờ Phật thường được gọi là: *“Đại Hùng Bửu Điện”*.

A Nậu Đại Thiên Vương chánh điện Bồ Tát 阿耨大天王正殿菩薩: Là vị Vô Thượng Đại Thiên Vương hộ trì nơi Chánh Điện.

Ma kheo ma kheo thanh tịnh tỳ kheo

摩丘摩丘清淨毘丘

Ma kheo 摩丘: Hay Ma khư do chữ Ma ha Tỳ kheo (tỳ khư) tức là một vị Tỳ kheo lớn, một vị Đại Tỳ Kheo.

Tỳ kheo là những người xuất gia đã thọ Đại giới hay Giới Cụ túc, giữ 250 điều giới luật.

Tỳ kheo gồm ba nghĩa:

Khất Sĩ: Là người trên xin giáo pháp của Phật để dưỡng huệ thân, dưới xin thức ăn của đàn việt để dưỡng nhục thân.

Phá ác: Diệt trừ các phiền não tham sân si, đoạn trừ nghiệp ác.

Bổ ma: Nhờ công đức thọ giới luật, do chuyên tâm tu hành mà khiến cho các loài ma đều phải khiếp sợ.

Người Nữ tu theo hạnh Tỳ kheo được gọi là Tỳ kheo ni.

Ma kheo tức Ma Ha Tỳ kheo là vị Tỳ kheo lớn, vị Đại Tỳ kheo nhằm tỏ lòng tán tụng hạnh đức lớn lao, siêu việt của Đấng Tỳ kheo.

Thanh tịnh tỳ kheo 清淨毘丘: Là vị Tỳ kheo thanh tịnh.

Quan sự đắc tán, tụng sự đắc hưu

官事得散 訟事得休

Quan sự 官事: Công việc thuộc về quan.

Quan Sự đắc tán 官事得散: Là chỉ những điều rắc rối cần đến quan, những công việc dính dấp với quan, phải đến cửa quan đều được tiêu tán, chấm dứt.

Tụng sự 訟事: Việc thưa kiện, việc tố tụng.

Tụng sự đắc hưu 訟事得休: Việc kiện tụng đều được dẹp bỏ hết.

Quan sự và tụng sự là những việc dính líu với quan quyền và việc kiện tụng, tức hai việc rất phiền não của chúng sanh. Người có Đạo đức hay trí thức thì phải biết tự xử lý công việc của mình không để phạm luật, không để cho kẻ khác hay quan lại phân xử, bởi Nho gia thường nói: “*Người trí thì tự xử lấy mình, kẻ ngu mới nhờ quan phân xử*” (*Trí giả tự xử, ngu giả quan phân* 智者自處, 愚者官分).

Nếu lỡ như mang lấy quả nghiệp này thì phải thành tâm trì tụng bài Kinh Cửu Khổ để Đức Quan Thế Âm hộ trì cho việc quan được tiêu tan, điều kiện tụng được chấm dứt. Lời Kệ trong Phổ Môn Giảng Lục có viết như sau:

*Kiện tụng qua chỗ quan,
Trong quân trận sợ sệt.
Do sức niệm Quán Âm,
Cừ oán đều tiêu tan.*

Chư Đại Bồ Tát, Ngũ bá A La Hán cứu hộ

諸大菩薩, 五百阿羅漢救護

Chư Đại Bồ Tát 諸大菩薩: Các vị Đại Bồ Tát.

Ngũ bá A La Hán 五百阿羅漢: Ngũ bá A La Hán hay ngũ bá A La Hán là năm trăm vị A La Hán.

A La Hán dịch từ phạn ngữ Arāhat, là bậc Thánh đã đoạn trừ được tâm tham ái, chấp thủ và vô minh. A La Hán là một quả cao nhất trong bốn quả Thánh của Phật giáo Nam Tông, gồm có ba nghĩa:

* Ứng cúng: Bậc xứng đáng được cúng dường. A La Hán là bậc Phạm hạnh đã lập, siêu xuất tam giới, đáng thọ lãnh sự cúng dường, tôn kính của Trời người, nên

gọi là ứng cúng.

* Sát tặc: Sát là giết chết, đoạn diệt. Tặc là trộm cướp. Dùng trộm cướp ví kiến hoặc hay tư hoặc thường cướp đoạt Pháp tài công đức của chúng sanh, khiến họ vĩnh viễn trầm luân trong sanh tử luân hồi. Bậc A La Hán đã đoạn sạch phiền não Kiến Hoặc, Tư Hoặc nên gọi là Sát tặc.

* Vô sinh: Bậc không còn sanh tử luân hồi nữa.

Ở đây, Ngũ bá A La Hán là chỉ năm trăm vị Thánh Tăng đã đắc được A La Hán, sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, họp nhau lần đầu tiên gần Thành Vương Xá để kết tập kinh điển do lời Đức Phật thuyết pháp thành Tam Tạng kinh.

Cứu hộ 救護: Cứu giúp và bảo vệ.

Sau chữ cứu hộ bài Kinh này chừa một khoảng trống để ta điền thêm vào:

– Nếu tụng Kinh Cứu Khổ trong đàn Thượng Tượng, An vị, cầu an...thì điền: *Chúng sanh thoát ly khổ nạn.*

– Nếu tụng Kinh Cứu Khổ để cầu giải bệnh thì điền: *Đệ tử...(Họ tên và tuổi người bệnh)...nhứt thân ly khổ nạn.*

– Nếu đọc Cứu Khổ trong nghi cáo Từ tổ thì điền: *Chơn linh Cửu Huyền Thất Tổ siêu thăng Tịnh độ.*

Tự ngôn Quan Thế Âm

自言觀世音

Tự ngôn Quan Thế Âm 自言觀世音: Là từ lời nói của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, nói một cách rõ hơn, đó là lời hứa của Ngài với chúng sanh.

Quan Thế Âm Bồ Tát là một bậc Đại Bồ Tát có lòng đại từ đại bi, có thần thông quảng đại, chỉ vì trông thấy chúng sanh đau đớn khổ sở ở chốn trần gian, nên Ngài có phát lời thệ nguyện là cứu cho hết mọi loài, rồi mới thành Phật. Ngài nói: *“Hễ ở đâu có con ruồi con muỗi phải đau khổ là có Ta ở đó”*. Trong bài kinh này, chính lời nói của Bồ Tát đã ký hứa cho những ai có lòng thành trì niệm danh hiệu Ngài thì Ngài sẽ cứu hộ cho. Vì thế, khi gặp nạn tai, tật bệnh hay khổ cảnh, chúng sanh thường cầu đảo Ngài.

Hình tượng và công đức của Phật Quan Thế Âm đã ăn sâu vào tâm khảm mọi chúng sanh, dù có Tôn giáo hay không. Ta thường thấy, trên các xe khách hay tàu thuyền đều có vọng bàn thờ Ngài để cầu: *“Thượng lộ bình an”*. Như vậy, do căn cơ của chúng sanh chẳng đồng, nên Quan Thế Âm phải thị hiện trong khắp cả pháp giới, Kinh có câu:

Xứ xứ trì trung hữu minh nguyệt,

處處池中有明月

Gia gia môn nội hữu Quán Âm.

家家門內有觀音

Nghĩa là:

Ao nào cũng có ánh trăng,

Nhà nào cũng có Quán Âm hiện hình.

Anh lạc bất tu giải

瓔珞不須解

Anh lạc 瓔珞: Xâu chuỗi ngọc, lấy ngọc châu xâu từng chuỗi đeo vào cổ cho đẹp gọi là Anh lạc.

Tục người phụ nữ sang trọng Ấn Độ thường trang sức bằng râu chuỗi ngọc Anh lạc. Ở đây chỉ râu chuỗi thần thông của Đức Quan Thế Âm. Trong Kinh “*Quán Vô Lượng Thọ*”, nơi phân quán thân tướng Đức Quan Thế Âm, Phật có nói về râu chuỗi Anh lạc như sau: “*Cánh tay của Bồ Tát như sắc hoa sen hồng, có tám mươi ức tia sáng nhiệm mầu dường như râu Anh lạc, trong ấy hiện ra tất cả việc trang nghiêm...*”

Anh lạc bất tu giải 瓔珞不須解: Không cần phải lấy râu chuỗi Anh lạc để giải (khổ sở, bệnh tật, tai nạn...).

Cần đọc thiên vạn biến tai nạn tự nhiên đặc giải thoát

勤讀千萬遍災難自然得解脫

Cần đọc 勤讀: Là siêng năng tụng đọc, tuy nhiên cũng cần phải chí thành tụng đọc để đạt đến nhứt tâm bất loạn.

Tụng kinh Cứu Khổ là đọc kinh với giọng trầm bổng, nhịp nhàng, để âm thanh vi diệu lắng sâu vào lòng mà xoa dịu đi mọi phiền não, khổ đau, tham muốn. Ngoài ra, tụng kinh còn nhận được hộ lực nhiệm mầu của Đức Quan Thế Âm khiến cho người tụng dứt trừ ma chướng, tiêu tai giải nạn.

Thiên vạn biến 千萬遍: Ngàn muôn biến, tức là cần tụng đọc ngàn muôn lượt lần.

Cần đọc thiên vạn biến 勤讀千萬遍: Nên siêng năng tụng niệm ngàn muôn lượt kinh.

Anh lạc bất tu giải. Cần đọc thiên vạn biến tai nạn tự nhiên đặc giải thoát: Đức Quan Thế Âm Bồ Tát

không cần phải lấy râu chuổi Anh lạc để giải khổ nạn hay bệnh tật... mà chỉ cần siêng năng tụng niệm ngàn muôn biến kinh, ắt được giải thoát.

Tín thọ phụng hành tức thuyết chơn ngôn viết

信受奉行即說真言曰

Tín 信: Hay tín tâm, tức là lòng tin tưởng, đức tin.

Bất cứ một Tôn giáo nào cũng lấy lòng tin tưởng làm gốc. Lòng tin rất cần thiết cho người theo Đạo và giữ Đạo. Có được lòng tin con người mới vững vàng tu học, không có lòng tin sớm muộn gì cũng ngã.

Song lòng tin phải có trí phán xét, chỉ nên hướng về nẻo chánh, điều lành. Chớ không nên bạ đâu tin đó, tin một cách cực đoan, không phân biệt chánh tà thì rất hại cho đức tin ta lắm vậy.

Có lòng tin vào Trời, Phật và các Đấng Thiêng Liêng, tin tưởng có linh hồn bất tiêu bất diệt thì chúng ta mới sùng bái, học theo đức háo sinh của các Đấng, không dám tạo ác nghiệp mà phải gieo nghiệp lành để được thoát ra luân hồi sinh tử.

Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Tín là căn nguyên của Đạo, là mẹ của mọi công đức, nuôi lớn hết thảy thiện pháp, đoạn trừ lưới nghi, đưa vượt qua dòng nước ái dục, khai thị con đường tối thượng dẫn đến Niết Bàn”*.

Thọ 受: Hay Thọ, chỉ việc tiếp nhận thể giới hữu hình để đưa nó vào ý thức, là tin tưởng, vui thích nhận lãnh.

Tín thọ 信受: Tin tưởng và nhận giữ. Tín thọ ở đây có nghĩa không những tin tưởng, ghi nhớ kỹ vào tận đáy

lòng, lại còn đúng như giáo pháp mà hành trì.

Phụng hành 奉行: Vâng theo rồi thi hành.

Tin thọ phụng hành 信受奉行: Tin tưởng và nhận lãnh lời các Đấng dạy bảo rồi vâng lệnh thi hành đúng như Chơn pháp.

Tức thuyết 即說: Tức thì giảng hay nói ra, liền nói ra. Trong bài kinh này do chính Đức Quan Âm Như Lai giảng ra.

Chơn ngôn 真言: Chơn ngôn hay Chân ngôn do từ chữ Phạn Dharani, Hán dịch là Đà La Ni, có nghĩa là tổng trì tức là sự nắm giữ các pháp. Chân ngôn hay Chú là những lời bí mật của Chư Phật không nói rõ ra bằng lời. Những câu Thần Chú, Mật Chú khi trì tụng có sức mạnh huyền bí có thể diệt trừ khổ ách, tiêu tai giải nạn một cách kỳ diệu, không thể nào nghĩ bàn được.

Thường những câu Chân ngôn, Chú hay Thần Chú đều bằng chữ Phạn, nên trong các bài kinh có Mật Chú đều được phiên ra âm Hán, chỉ đọc âm chữ không hiểu nghĩa. Ví dụ như bài kinh “*Vãng Sanh Thần Chú*”.

Theo Phật giáo Việt Nam, các Đạo sư thấy không cần thiết phải giải thích ý nghĩa của những câu Thần chú hay mật chú, vì nghĩ rằng thần chú không phải là để tìm hiểu, mà là để trụ tâm trì tụng hầu có sự cảm ứng với chư Phật và Bồ Tát.

Viết 曰: Rằng, là.

Ta Bà Ha: Do từ Phạn ngữ Svaha. Đây là câu nguyện mật ngữ ở cuối những câu Thần chú có nghĩa là: Thành tựu, kết tường, tiêu tai, tăng phước, xin được như nguyện.

B- DỊCH NGHĨA

Nam mô Đức Bồ Tát Thiêng Liêng Đại từ bi, quảng đại Quan Thế Âm.

Nam mô cầu Đấng cứu khổ, cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát, trăm ngàn muôn ức Phật, hàng hà sa số Phật, các vị Phật có công đức không thể đo lường được.

Đức Phật bảo Ông A Nan rằng: Kinh này là của vị Đại Thánh là Đức Quan Thế Âm, có thể cứu được người ra khỏi ngục tù, có thể cứu người hết bệnh nặng, có thể cứu được người bị ba tai họa và trăm điều hoạn nạn khổ sở.

Nếu có người nào tụng được một ngàn lượt kinh thì chính thân mình sẽ lìa được nạn tai khổ ách, tụng được một muôn lượt kinh thì cả nhà sẽ lìa khỏi khổ nạn.

Nam Mô nguyện cầu oai lực của Đức Phật, Nam Mô nguyện cầu sức che chở của Đức Phật, làm cho lòng của con người hết hung ác, khiến cho thân con người được cứu độ.

Hồi Quang Bồ Tát, Hồi Thiện Bồ Tát, A Nậu Đại Thiên Vương Chánh Điện Bồ Tát, các vị Đại Tỳ Kheo, Thanh tịnh Tỳ Kheo, cứu giúp cho việc dính dấp đến quan được tiêu tán, việc kiện thưa được bãi bỏ.

Chư vị Đại Bồ Tát, cùng với năm trăm vị A La Hán cứu hộ, chở che cho lìa xa những khổ nạn. Đây là lời của chính Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Không phải cần lấy xâu chuỗi Anh lạc để giải khổ ách, chỉ cần siêng năng tụng đọc ngàn muôn lượt kinh, thì tai nạn tự nhiên được giải thoát.

Phải tin theo, nhận lấy và thi hành, bèn đọc câu Chơn ngôn rằng: “Kim Ba Kim Ba Đế, Cầu Ha Cầu Ha Đế,

*Đa La Ni Đế, Ni Ha La Đế, Tì Lê Ni Đế, Ma Ha Đà
Đế, Chơn Lăng Càn Đế, Ta Bà Ha”.*

PHỤ LỤC

A- SỐ THƯỢNG TƯỢNG

I- Nguyên văn

II- Viết ra chữ Hán

III- Chú thích

IV- Dịch nghĩa

B- SỐ CẦU GIẢI BỊNH

I- Nguyên văn

II- Viết ra chữ Hán

III- Chú thích

IV- Dịch nghĩa

A- SỐ THƯỢNG TƯỢNG

I- NGUYÊN VĂN BÀI SỐ

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(.....niên)

Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất

Thời duy,

Thiên vậnniên,ngoạt,nhật,
thời, hiện tại Việt Nam quốc,tỉnh,huyện,
.....xã, cư trụ ...*Gia đường*... chi trung.

Kim hữu đệ tử thọ Thiên ân
, công đồng chư Chức sắc, hiệp dữ Chức việc, Đạo hữu
nam nữ đẳng, quì tại ...*Thiên Bàn*... thành tâm trình tấu:

HUỲNH KIM KHUYẾT NỘI

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ TAM TRẦN OAI NGHIÊM

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai.

Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn.

Thái Công Tướng Phụ Quảng Pháp Thiên Tôn.

Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.

Thập phương chư Phật, Vạn chướng chư Tiên, Liên đài chi hạ.

Kim vì kiết nhứt lương thân, thành lập Thiên Bàn thính an Thánh Tượng chi lễ.

Chư Chức sắc, Chức việc, Đạo hữu nam nữ nghiêm thiết đàn tràng hương, đăng, hoa, trà, quả, thanh chước chi nghi thành tâm phụng hiến.

Khẩn thỉnh Đức Chí Tôn, chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần chứng minh tọa hạ.

Phục vọng Vô Trung Từ Phụ phát hạ hồng ân chuyển

họa vi phước, tập kiết nghinh tường, bảo hộ gia đường
.....diên niên hạnh phước.

Ngưỡng vọng Đức Đại Từ Phụ vận chuyển thế cuộc
tảo đăc hòa bình, trật tự an ninh, quốc thái dân an, phong
điều vô thuận.

Ngưỡng lại Thiên ân từ bi gia huệ phước.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái, căn số thượng
tấu

Dĩ văn.

II- VIẾT RA HÁN TỰ

大道三期普度

(.....年)

三教歸源五支復一

時維

天運.....年,.....月,.....日,.....時. 現在越南國,
.....省,.....縣,.....社, 居住...(家堂)...之中.

今有弟子.....共同諸職敕, 合與職事, 道
友男女等跪在...(天盤). 誠心呈奏:

黃金闕內

玄穹高上帝玉皇大天尊

瑤池金母無極天尊

三宗真教

西方教主釋迦牟尼世尊

太上道祖三清應化天尊

孔聖仙師興儒盛世天尊

三期普度三鎮威嚴
常居南海觀音如來
李大仙長兼教宗大道三期普度
協天大帝關聖帝君
嘉蘇教主救世天尊
太公相父管法天尊
三洲八部護法天尊
十方諸佛萬掌諸仙蓮臺之下
今為吉日良辰成立天盤請安聖像之禮。
諸職敕, 職事, 道友男女嚴設壇場香, 燈,
花, 茶, 果清酌之儀誠心獻禮。
懇請至尊, 諸佛, 諸仙, 諸聖, 諸神證明座下。
伏望無中慈父發下洪恩, 轉禍為福, 襲吉
迎祥, 保護家堂 延年幸福。
仰望大慈父運轉世局早得和平, 秩序安
寧, 國泰民安, 風調雨順。
仰賴天恩慈悲加惠福。
諸弟子同誠心叩拜, 謹疏上奏
以文。

III- CHÚ THÍCH

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ 大道三期普度

Là nền Đại Đạo được khai mở ở nước Việt Nam (cõi Á Đông), vào thời kỳ Hạ ngươn mặt pháp để phổ độ chúng sanh lần thứ ba, tức Đạo Cao Đài. Hội Thánh dịch câu này ra tiếng Pháp như sau: “*Troisième Amnistie*

de Dieu en Orient”.

Bát thập nhất niên 八十一年

Năm thứ tám mươi mốt.

Thường mục này để trống, tùy năm Đạo mà điền vào. Năm Đạo được tính theo Âm lịch, lấy năm Bính Dần (1926) là năm thứ nhất để tính tới.

Tam Giáo qui nguyên 三教歸源

Tam Giáo qui nguyên: Ba tôn giáo chánh: Phật giáo, Tiên giáo và Nho giáo đã trải qua nhiều thời kỳ, nên càng ngày càng xa rời chánh pháp. Nay, đến thời hạ ngươn mặt pháp, Đức Chí Tôn dùng huyền diệu cơ bút lập thành một nền Đại Đạo cốt qui nguyên Tam giáo, tức là chấn chỉnh tôn chỉ lại cho phù hợp với thời nghi của nếp sống văn minh tiến bộ, hầu độ hết tất cả chúng sanh theo đường Đạo đức.

Ngũ Chi phục nhất 五支復一

Ngũ Chi phục nhất: Gom Ngũ Chi Đại Đạo làm một, tức là đem Nhon đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo hiệp lại làm một gọi là Đại Đạo.

Điều này Đức Hộ Pháp có giảng như sau: “*Thấy hiệp Ngũ Chi đặng làm một trường học năm lớp cho mình tu luyện, chẳng khác một trường học phàm kia vậy, lần lần bước đến đặng đoạt thủ địa vị của mình. Hễ ngồi đặng phẩm nào thì địa vị mình nơi ấy chẳng ai còn tranh giành ngược ngạo không nhìn nhận cho đặng”.*

Vậy Ngũ Chi chính là hợp nhất năm cách thức hành đạo của Ngũ Chi Đại Đạo mà Đức Hộ Pháp đã tóm lược như sau:

- *Hiền* vì thương đời mà đạt cơ *tùng khổ* (Nhơn đạo)
- *Thần* vì thương đời mà lập cơ *thắng khổ* (Thần đạo)
- *Thánh* vì thương đời mà dạy cơ *thọ khổ* (Thánh đạo)
- *Tiên* vì thương đời mà bày cơ thoát khổ (Tiên đạo)
- *Phật* vì thương đời mà tìm cơ giải khổ (Phật đạo)

Thời duy 時維: Hiện thời vì, ngày hôm nay vì...

Thiên vận 天運: Vận khí của Trời, mệnh Trời.

.....*niên* 年.....*ngoạt* 月.....*nhật* 日.....*thời* 時:
năm,thángngàygiờ.

Chúng ta dùng hệ thống âm lịch để diễn. Tỷ như:
Bính tuất niên, chánh ngoạt, sơ nhứt nhựt, ngọ thời.

*Hiện tại Việt Nam quốc,tỉnh,huyện,
xã, cư trụ...Gia đường... chi trung.*

現在越南國,....省,....縣,....社, 居住...家堂...之中

Hiện ở tại nước Việt Nam,tỉnh,huyện,
.....xã, ở tại *Gia đường*.

*Kim hữu đệ tử:....., cộng đồng chư Chức sắc, hiệp
dữ Chức việc, Đạo hữu nam nữ dâng quì tại ...Thiên
Bàn...thành tâm trình tấu:*

今有弟子.....同諸職敕, 合與職事, 道友
男女等跪在(天盤)誠心呈奏

Nay có đệ tử....., cùng chung các Chức sắc, hiệp
với Chức việc^[4], Đạo hữu nam nữ các cấp, quì trước Thiên
Bàn, thành tâm tấu trình.

[4] Chức việc là một từ Nôm, Hiền Tài Mã Nguyên Lương dịch sang Hán Việt là Chức Sự 職事.

Nếu là chức sắc Cai Quản Thánh Thất, thì điển như sau: Thọ Thiên ân Lễ sanh Ngọc X Thanh, cai quản Thánh Thất Họ đạo...Nếu là Chức Việc thì điển như sau: Thọ Hồng ân Chánh Trị Sự Nguyên văn Y, Phó Cai quản (Hay quyền Cai Quản) Thánh Thất Họ đạo...

Huỳnh Kim Khuyết Nội 黃金闕內

Huỳnh Kim Khuyết nội: Bên trong Huỳnh Kim Khuyết, tức là bên trong cổng Huỳnh Kim Khuyết.

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn 玄穹高上帝玉皇大天尊

Đây là một hồng danh của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế (Gồm 12 chữ).

Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn

瑤池金母無極天尊

Một hồng danh của Đức Phật Mẫu.

Tam Tông chơn giáo 三宗真教

Ba đẳng Giáo chủ Tam giáo Nho Đạo Thích.

Tây Phương Giáo chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

西方教主釋迦牟尼世尊

Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn Giáo chủ cõi Tây phương. Hồng danh của Đức Phật Thích Ca.

Thích Ca Mâu Ni là một vị thái tử ở nước Ca ty la (Kapilavastu) Trung Ấn Độ, phụ hoàng tên là Tịnh Phạn, mẫu hoàng tên là Ma Da. Ngài tên là Tất Đạt Đa (Siddhartha). Còn chữ Thích Ca (Sakya) là tên một chủng tộc, dịch là Năng nhơn. Mâu Ni là tiếng khen ngợi dịch

là Tịch Mặc.

Lúc nhỏ Ngài có trí sáng suốt và có tài năng phi thường. Lớn lên Ngài thấy chúng sanh khổ não, thế gian vô thường, nên Ngài quyết chí tu hành, tìm đường giải thoát cho chính bản thân mình (tự độ), và cho hầu hết chúng sanh (tha độ) lên bờ giác ngộ.

Ngài thành Đạo dưới gốc cây bồ đề và trải 45 năm truyền pháp độ sanh, Ngài nhập Niết bàn lúc 80 tuổi.

Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn

太上道祖三清應化天尊

Đây là hồng danh của Đức Thái Thượng Đạo Quân, còn gọi là Thái Thượng Đạo Tổ, Thái Thượng Lão Quân, là Giáo chủ Tiên giáo. Đức Thái Thượng Lão Quân là do khí Tiên Thiên hóa sanh ra.

Thái Thượng Đạo Tổ có một kiếp giáng trần nhằm ngày rằm tháng hai vào năm 604 trước Công nguyên. (Đời nhà Thương bên Trung Hoa), được gọi là Lão Tử.

Theo sử ký Tư Mã Thiên, Lão Tử là người nước Sở 楚, huyện khổ 苦, làng Lệ 厲, xóm Khúc nhân 曲仁, ở tỉnh Hồ Nam bây giờ.

Ngài họ Lý 李, tên là Nhĩ 耳, tự là Bá Dương 伯陽, thụy là Đàm 聃. Ngài làm quan giữ Tàng thất (Kho sách) ở Kinh đô Lạc Dương của nhà Châu.

Về gia thế thì sử sách không có nói đến, nhưng theo truyền thuyết thì nói rằng mẹ của Lão Tử mang thai Ngài có đến 80 năm mới sinh Ngài do hồng bên trái dưới cội cây lý. khi Ngài được sinh ra thì râu tóc dài và bạc trắng,

mới gọi Ngài là Lão Tử. Lão Tử chỉ cây lý mà bảo rằng đó là họ của Ngài.

Khi đến Kinh Đô nhà Châu, gặp Lão Tử hỏi lễ, lúc về Khổng Tử bảo với các đệ tử rằng: *Chim ta biết nó bay như thế nào, cá ta biết nó lội làm sao, thú ta biết nó chạy cách nào. Thú chạy, thì ta có thể lưới bắt nó, cá lội, thì ta có dây câu vớ nó, chim bay, thì ta có bẫy gài nó. Chỉ như con rồng, thì ta không biết nó theo mây theo gió mà bay lượn như thế nào. Nay ta thấy Lão Tử như con rồng! (Ngô kim kiến Lão Tử kỳ do long da! 吾今見老子其猶龍耶!).*

Ở tại Lạc Dương phía đông nhà Châu một thời gian lâu, sau thấy nhà Châu suy, nên Lão Tử cỡi trâu đi về hướng tây, khi đi đến cửa ải Hàm Cốc, quan lệnh là Doãn Hỷ 尹喜. Biết Lão Tử là một Thánh nhân nên quan Doãn tôn Ngài là Thầy để xin theo học Đạo.

Lão Tử ở lại Hàm Cốc dạy Đạo cho Doãn Hỷ và soạn ra bộ sách nói về Đạo Đức, sách phân làm hai thiên, gồm có trên 5000 chữ. Sau này được gọi là “Đạo Đức Kinh”.

Rồi từ đó, Lão Tử cỡi trâu đi về hướng tây mất dạng, người ta không biết Ngài đi về đâu.

Đức Lão Tử được vua Đường Cao Tông nhìn là thủy tổ, nên truy phong cho Ngài “Huyền Nguyên Hoàng Đế”.

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn

孔聖仙師興儒盛世天尊

Thánh danh của Đức Không Tử.

Khổng Tử, người làng Xương Bình, huyện Khúc Phụ, nay thuộc phủ Duyện Châu, tỉnh Sơn Đông bên

Tàu. Thân phụ Ngài là Thúc Lương Ngột làm quan võ, mẹ Ngài là Bà Nhan Thị. Ngài sinh vào mùa đông tháng mười năm Canh Tuất là năm thứ 21 đời vua Linh Vương nhà Châu, tức là năm 551 trước Tây Lịch. Vì có cầu tự trên núi Ni Khâu, cho nên sinh ra Ngài mới đặt tên là Khâu 丘, tên tự là Trọng Ni 仲尼.

Khi Đức Khổng Tử lên ba tuổi, thân phụ Ngài mất, nhờ mẹ nuôi nấng và dạy dỗ nên người. Lớn lên Ngài là người học Nho, nên rất trọng về lễ nghi và những phép tắc của các Đế Vương đời trước.

Ngài có ra làm quan cho nước Lỗ, nhưng thấy vua mê nữ sắc bỏ phế việc triều chính, Ngài bèn từ quan mà đi chu du liệt quốc chư hầu, mong tìm vị minh quân để phò tá, nhân đó viết dương Thánh Đạo.

Cuối cùng, Ngài thất vọng phải trở về nước Lỗ mở trường dạy học và san định lục kinh. Lúc Ngài viết quyển kinh Xuân Thu vừa xong, có tin người thợ săn bắt được một con kỳ lân què chơn trái, Ngài thắc mắc “*Kỳ lân ra làm gì thế?*”. Ít hôm sau nghe tin kỳ lân bị giết chết, Ngài bưng mặt khóc mà than rằng: Đạo Ta cùng vậy (Ngô Đạo cùng hỹ 吾道窮矣). Ngài mất vào đời vua Ai Công nước Lỗ, tháng 4, ngày Kỷ Sửu thọ được 73 tuổi.

Tam Kỳ Phổ Độ Tam Trấn Oai Nghiêm

三期普度三鎮威嚴

Ba vị Tam Trấn thay mặt cho ba vị Giáo Chủ Phật, Tiên, Nho, cầm quyền Tam Giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đó là : Nhứt Trấn Oai Nghiêm Lý Đại Tiên Trưởng, Nhị Trấn Oai Nghiêm Quan Âm Như Lai, Tam Trấn Oai nghiêm Quan Thánh Đế Quân.

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai

常居南海觀音如來

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai: Là Thánh hiệu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. (Xem tiểu sử Quan Âm Bồ Tát nơi bài Kinh Cứu Khổ).

Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

李大仙長兼教宗大道三期普度

Là một vị Tiên Trưởng thọ lệnh Đức Chí Tôn làm Nhứt Trấn Oai Nghiêm, cầm quyền Tiên Giáo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, kiêm Giáo Tông Đạo Cao Đài.

Long vị thờ tại Đền Thánh viết: *Thái Bạch Kim Tinh* 太白金星.

Ngài giáng linh nơi nước Trung Hoa là Lý Thái Bạch vào năm 702 đời vua Trần Huyền Tông nhà Đường. Mẹ Ngài nằm mộng thấy sao Trường canh hay sao Thái Bạch Kim Tinh sa xuống mình Bà, nên đặt tên là Lý Thái Bạch, gọi tắt là Lý Bạch.

Hồi được bảy tuổi, Lý Bạch chưa biết nói, nhưng khi bà mẹ bỗng lên lầu, bỗng nhiên Ngài ngâm được bốn câu thơ mà ý thực quái dị:

Nguy lâu cao bách xích

危樓高百尺

Thủ khả trích tinh thần.

手可摘星辰

Bất cảm cao thanh ngữ,

不敢高聲語

Khủng kinh thiên thượng nhân.

恐驚天上人

Nghĩa là:

Vòi vọi lâu trăm thước,

Vói tay hái được sao.

Chỉ e nói lớn tiếng,

Kinh động Tiên trên cao.

Lớn lên, Lý Bạch tướng mạo khôi ngô, cốt cách thanh kỳ, thông minh đĩnh ngộ. Lúc thiếu thời Ngài có tài văn chương, nổi tiếng là một thi gia, được người đương thời tặng danh hiệu là “*Ông Tiên bị đày*” (Thiên thượng trích Tiên nhân 天上謫仙人).

Lý Bạch có tên hiệu là Thanh Liên Cư Sĩ 青蓮居士. Bản tính của Ngài không ham danh lợi, thích đi chơi khắp các danh thắng ở bờ sông Trường giang, giao du với những ẩn sĩ mà đời gọi là Trúc Khê lục dật.

Ngài được phong đến chức Hàn lâm học sĩ, nhưng vì không ham danh lợi, quyền tước, nên Ngài không chăm lo việc nước, mà chỉ uống rượu ngâm thi mà thôi.

Vua Đường Huyền Tôn rất trọng Ngài, nhưng Ngài không như bọn phàm phu khác, chịu đem cái tài hoa của mình nịnh nọt bọn vương hầu, lại xin trở về hưởng nhàn. Có lần say rượu Ngài ngâm nga chí của mình, coi đời như giấc mộng, bon chen làm chi cho cực lòng.

處世若大夢

Xử thế nhược đại mộng

胡為勞其生

Hồ vi lao kỳ sinh ?

所以終日醉

Sở dĩ chung nhật túy,

頹然臥前楹

Đồi nhiên ngoạ tiền doanh.

覺來眄庭前

Giác lai miện đình tiền,

一鳥花間鳴

Nhất điểu hoa gian minh.

借問此何日

Tá vấn thử hà nhật ?

春風語流鶯

Xuân phong ngữ lưu oanh.

感之欲嘆息

Cảm chi dục thán tức,

對之還自傾

Đối chi hoàn tự khuynh.

浩歌待明月

Hạo ca đãi minh nguyệt,

曲盡已忘情

Khúc tận dĩ vong tình.

(LÝ BẠCH - XUÂN NHẬT TÚY KHỜ NGÓN CHÍ)

Nghĩa là:

Ở đời tựa giấc chiêm bao,

*Làm chi mà phải lao đao nhọc mình,
Suốt ngày mượn chén khuấy tình,
Say rồi nghiêng ngửa bên màn hàng ba.
Tình ra trông mé trước nhà,
Một con chim hót trong hoa ngọt ngào.
Hỏi xem ngày ấy ngày nào,
Chim oanh riu rít đón chào gió đông.
Thờ than cảm xúc nổi lòng,
Chuốc thêm ít chén say cùng cảnh vui.
Hát ngao chờ bóng trăng soi,
Ca vừa dứt khúc, đã ngùi mới tình.*

(TRẦN TRỌNG KIM DỊCH)

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân

協天大帝關聖帝君

Là Tam Trấn Oai Nghiêm, đại diện Đức Khổng Thánh cảm quyền Nho Giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thế danh của Đức Hiệp Thiên Đại Đế là Quan Võ, sau đổi là Văn Trường, tục danh là Quan Công. Ngài sanh nhằm triều vua Hoài Đế, đời Đông Hán, quê quán tại Bồ Châu, tỉnh Sơn Đông Trung Quốc.

Sanh ra trong thời kỳ Hán thất suy vi, bên trong bọn hoạn quan chuyên quyền, bên ngoài giặc Huỳnh cân dấy lên tứ phía, Ngài tuy ham học, thích đọc kinh Xuân Thu, nhưng trước cảnh loạn lạc, Ngài đành châu du để tìm hào kiệt mưu cầu đại nghiệp.

Ngài kết nghĩa đào viên với hai người là Lưu Bị, tự

Huyền Đức là anh cả, thuộc dòng dõi nhà Hán, và một người nữa là Trương Phi, tự Dục Đức, là em út.

Có lần Ngài bị Tào Tháo dụ phong cho chức Hán Thọ Đình Hầu, nhưng sau Ngài trả ấn. Quan Công cùng Trương Phi phò Lưu Bị lập nên nhà Thục, một nước trong tam quốc: Thục, Ngụy, Ngô.

Ngài lâm mưu của Lữ Mông mà bị bắt, rồi Ngô Quyền đem xử trảm, thọ 58 tuổi.

Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn

嘉蘇教主救世天尊

Là vị Giáo Chủ của Thiên Chúa Giáo, còn được gọi là Công Giáo, hay Gia Tô Giáo.

Gia Tô được người Tàu dịch từ Jésus, đầy đủ hơn là Jésus Christ, là Đấng Chúa Cứu Thế ở Do Thái.

Người Tàu dịch âm đúng viết là 耶蘇: Da Tô. Đây là cách viết ở Long vị được thờ tại Đền Thánh: **Da Tô Giáo Chủ** 耶蘇教主^[5].

Ngài sanh vào đêm 25 tháng 12 tại thành Bethléem. Mẹ của Ngài là Maria, một nữ tu tại đền thờ Jérusalem. Cha Ngài là Joseph. Hai ông bà rất mộ đạo, tuy bà đang có thai, gần ngày sanh, nhưng hai người vẫn cố gắng tới Đền thờ để châu lễ. Vì vậy, đúng 12 giờ đêm Noel bà chuyển bụng sanh ra Chúa Jésus nơi máng cỏ trong chuồng chiên.

Năm 30 tuổi, Ngài được Thánh Jean Baptiste làm lễ giải oan tại bờ sông Jourdain. Từ đó, Ngài khởi sự giảng Thánh Kinh ngay trong xứ Galilée và Jérusalem, lập nên

[5] Thường các bản sơ lưu hành bằng chữ Quốc ngữ đều viết: Gia Tô Giáo Chủ.

đạo Thánh ở Do Thái, rồi truyền bá mạnh mẽ sang Châu Âu. Uy quyền bọn vua quan phong kiến bị lung lay, nên chúng tìm cách giết Ngài.

Bọn chúng mua chuộc một tông đồ của Ngài là Yuda, phản lại Ngài vu cáo cho Ngài mưu việc phản loạn, rồi bắt Ngài lên án tử hình và đóng đinh trên thập tự giá.

Cái chết của Đức Chúa Jêsus thật là cao cả, Ngài chuộc tội cho loài người bên xứ Châu Âu, trở thành một vị Chúa Cứu Thế cho nhơn loại.

Thái Công Tướng Phụ Quản Pháp Thiên Tôn

太公相父管法天尊

Đây là Thánh danh của Đức Khương Thượng Tử Nha.

Long vị thờ tại Đền Thánh viết: **Khương Thượng Tử Nha** 姜尚子牙.

Đức Thái Công Tướng Phụ là người họ Khương 姜, tên Thượng 尚, tên chữ là Tử Nha 子牙, được vua nhà Châu là Võ Vương tôn lên làm Thượng Phụ hay Tướng Phụ, hàm ân là Thái Công.

Lúc thiếu thời Ngài rất mộ đạo Tiên, nên tâm sư học đạo và thọ giáo Đức Ngươn Thi Thiên Tôn tại núi Côn Lôn. Ngài quyết chí tu hành, không màng đến việc thế tục nữa, theo thầy lo tu hơn 40 năm trên núi.

Vào thời ấy, Trụ Vương vì đắm say nữ sắc của Đắc Kỷ, không lo việc triều chính, công thần nhiều vị khuyên can đều bị giết hại, nhân dân đồ thán, giặc cướp nổi lên bốn phía, vận nước suy vi.

Ngươn Thi Thiên Tôn khuyên Khương Tử Nha

hạ trần để phò Châu, phật Trụ. Khí số nhà Thương sắp mãn, vận nước Tây Châu hưng thịnh, nên Cơ Phát lên nối nghiệp cha, xưng hiệu Võ Vương, rồi cử binh phật Trụ. Trên mười năm mới bình định xong tứ phương, vua lên ngôi thiên tử, phong Khương Tử Nha đứng đầu các bậc khai quốc công thần, và cho làm vua nước Tề, đời đời con cháu được phụ truyền tử kế mà hưởng lộc tại nước Tề.

Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn

三洲八部護法天尊

Tam Châu: Ba châu trong Tứ Đại Bộ Châu, thuộc cõi trung giới, đó là Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu. Các chơn linh ở trên ba châu này có trình độ tiến hóa cao. Còn Địa cầu của nhơn loại chúng ta thuộc về Nam Thiệm Bộ Châu. Ba Đại Bộ Châu này thuộc quyền giáo hóa của Hộ Pháp Thiên Tôn.

Riêng Bắc Cu Lư Châu, không thuộc quyền Hộ Pháp mà do Kim Quang Sứ chưởng quản (tức quí vị).

Bát bộ: Tám bộ, mỗi bộ cai quản một phẩm chơn hỗn, bát bộ cai quản bát phẩm chơn hỗn: Kim thạch hỗn, Thảo mộc hỗn, Thú cầm hỗn, Nhơn hỗn, Thần hỗn, Thánh hỗn, Tiên hỗn và Phật hỗn.

Tám bộ ấy thuộc quyền hạn của Hộ Pháp đến mở cơ quan tận độ chúng sanh nơi cõi trần. Vì thế, Đức Hộ Pháp được xưng là Tam Châu bát bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.

Thập Phương Chư Phật vạn chưởng chư Tiên, liên đài chi hạ

十方諸佛, 萬掌諸仙, 蓮臺之下。

Thập phương chư Phật: Là tất cả các vị Phật ở mười

phương trong Càn khôn Thế giới. Mười phương đó là Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc, phương trên và phương dưới.

Vạn chuông chư Tiên, liên đài chi hạ: Các vị Tiên cầm quyền muôn việc, chư Tiên Phật và chư vị Thiêng Liêng bên tòa sen.

***Kim vị kiết nhật lương thân, thành lập Thiên Bàn
thỉnh an Thánh tượng chi lễ.***

今為吉日良辰成立天盤請安聖像之禮。

Kiết nhật lương thân 吉日良辰: Hay cát nhật lương thân là ngày lành giờ tốt.

Thành lập Thiên Bàn 成立天盤: Thiết lập nơi thờ Đức Chí Tôn tại tư gia gọi là Thiên Bàn.

Mỗi tín đồ Cao Đài khi đã nhập môn, qui tòng chánh pháp, phải lấy việc hồi hướng phụng thờ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế làm trọng, do đó luật Đạo buộc phải lập vị thờ Thầy tại tư gia để hành công phu và chơn linh có nơi qui hướng. Ngôi thờ Đức Chí Tôn tại tư gia được gọi là Thiên Bàn.

An Thánh Tượng 安聖像: An vị Tượng thờ Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế. Thiết đàn lần đầu tiên để an vị ngôi thờ gọi là Thượng Tượng, có dâng sớ lên Chí Tôn; sau đó, mỗi khi có việc dời Thiên Bàn thì phải thiết đàn an vị lại, không có dâng sớ.

***Chư Chức sắc, Chức việc, Đạo hữu nam nữ nghiêm
thiết đàn tràng hương, đăng, hoa, trà, quả, thanh chước
chi nghi thành tâm hiến lễ.***

諸職敕, 職事, 道友男女嚴設壇場, 香, 燈,

花,茶,果清酌之儀,誠心獻禮.

Nghiêm thiết đàn tràng 嚴設壇場: Hay nghiêm thiết đàn trường, tức là trang nghiêm thiết lễ đàn cúng tế.

Thanh chước 清酌: Rượu tinh khiết. Ý nói rượu trong sạch dùng để cúng tế.

Khẩn thỉnh Đức Chí Tôn, chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần chứng minh tọa hạ.

懇請德至尊,諸佛,諸仙,諸聖,諸神證明座下.

Chứng minh tọa hạ 證明座下: Chứng chiếu cho và an ngôi nơi Thiên Bàn.

Phục vọng Vô Trung Từ Phụ phát hạ hồng ân chuyển họa vi phước, tập kiết nghinh tường, bảo hộ gia đườngdiên niên hạnh phước.

伏望無中慈父發下洪恩,轉禍為福,襲吉迎祥,保護家堂.....延年幸福.

Phục vọng 伏望: Cúi mình mong nhờ.

Chuyển họa vi phước 轉禍為福: Chuyển đổi những tai họa thành điều phước lành.

Tập kiết nghinh tường 襲吉迎祥: Thừa hưởng và đón nhận điều tốt đẹp.

Diên niên hạnh phước 延年幸福: Kéo dài thêm những điều hạnh phước.

Ngưỡng vọng Đức Đại Từ Phụ chuyển thế cuộc tảo đắc hòa bình, trật tự an ninh, quốc thái dân an, phong điều vũ thuận.

仰望大慈父轉世局早得和平,秩序安寧,

國泰民安,風調雨順.

Chuyển thế cuộc 轉世局: Hay chuyển thế cục, tức là xây đổi cuộc thế.

Tảo đắc 早得: Sớm được.

Phong điều vô thuận 風調雨順: Mưa gió thuận hòa.

Ngưỡng lại Thiên ân từ bi gia huệ phước.

仰賴天恩慈悲加惠福.

Ngưỡng lại 仰賴: Mong nhờ, mong cậy.

Chú thích: Trong các bài sớ Thượng Tượng hiện lưu hành ở các địa phương bằng chữ Quốc ngữ mà chúng tôi có, đều viết là “*Ngưỡng lại*”. Nhưng chúng ta nên biết, sớ là một bài văn trước đây viết theo thể Hán, sau này mới phiên âm ra Việt ngữ. Vì vậy, chữ “*lại*” là một từ Nôm nên không thể viết được. Hai chữ này có lẽ trước đây người ta viết chữ Hán là “*Ngưỡng lại* 仰賴” (Lại i ngắn) với nghĩa là mong nhờ, mong cậy, sau này vì phiên âm ra chữ Quốc ngữ, người không am tường chữ Hán tưởng lầm sai chính tả nên viết là “*Ngưỡng lại*”.

Gia huệ phước 加惠福: Ban cho thêm ân phước.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái cẩn sớ thượng tấu

諸弟子同誠心叩拜,謹疏上奏

Cẩn sớ 謹疏: Kính cẩn dâng sớ lên.

Thượng tấu 上奏: Tàu trình lên.

IV- DỊCH NGHĨA

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Năm Đạo thứ)

Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất

Nay thời,

Vận Trời năm.....tháng.....ngày.....giờ, hiện tại nước Việt Nam,..... tỉnh,huyện,xã, ở nơi ... Gia đường.

Nay có vị đệ tử thọ, cùng chung các Chúc sắc, hiệp với Chúc việc, Đạo hữu nam nữ các cấp, qui trước...Thiên Bàn...thành tâm tâu trình:

TRONG HUỲNH KIM KHUYẾT

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

GIÁO CHỦ TAM GIÁO

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thánh Thế Thiên Tôn.

BA TRẦN OAI NGHIÊM TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai.

Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đ. Đ. T. K. P. Đ.

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

Gia Tô Giáo Chủ Cửu Thế Thiên Tôn.

Thái Công Tướng Phụ Quân Pháp Thiên Tôn.

Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.

Thập phương chư Phật, Vạn chướng chư Tiên, Liên đài chi hạ.

Nay vì ngày giờ lành, tốt, thành lập Thiên Bàn thiết lễ an vị Thánh Tượng.

Chư chúc sắc, chúc việc, đạo hữu nam nữ trang nghiêm thiết lễ nơi đàn cúng tế : Nhang, đèn, bông, trái cây, rượu tinh khiết, lập thành nghi thức, thành tâm dâng lễ.

Thành khẩn cầu nguyện Đức Chí Tôn, chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần chứng chiếu cho và xin an ngôi vị nơi Thiên Bàn.

Cúi mình mong nhờ Đức Từ Phụ trong cõi Hư vô, ban xuống ân sâu, Chuyển đổi những tai họa thành điều phước lành, thừa hưởng và đón nhận điều tốt đẹp, bảo hộ cho Gia đường được mãi mãi hạnh phúc.

Ngưỡng mong Đức Đại Từ Phụ chuyển đổi thế cuộc, sớm được hòa bình, trật tự an ninh, nước thới dân an, mưa hòa gió thuận.

Mong nhờ Ân Trời từ bi ban cho thêm ơn và phước.

Chư đệ tử cùng thành tâm cúi lạy, và kính cẩn dâng sớ tâu trình lên.

Kính trình.

B- SỞ CẦU GIẢI BỆNH

I- NGUYÊN VĂN BÀI SỞ

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(.....niên)

Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất

Thời duy,

Thiên vận.....niên,.....ngoạt,.....nhựt,.....
thời, hiện tại Việt Nam quốc,.....tỉnh,.....
huyện,.....xã, cư trụ..... chi trung.

Kim hữu đệ tử thọ, công đồng chư
Chức sắc, hiệp dữ Chức việc, Đạo hữu nam nữ đảng, qui
tại thành tâm trình tấu:

HUYỀN KIM KHUYẾT NỘI

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại
Thiên Tôn.

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên
Tôn.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ TAM TRẦN OAI NGHIÊM

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai.

Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam
Kỳ Phổ Độ

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn.

Thái Công Tướng Phụ Quản Pháp Thiên Tôn.

Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.

Thập phương chư Phật, Vạn chưởng chư Tiên, Liên đài chi hạ.

Cung vi Đệ tử.....tánh,tuế, tại..... thọ
bệnh trầm kha, diệu dược bất năng thuyên dữ.

.....quyếnkhẩn thỉnh chư chức sắc thiên
phong, hiệp dữ chức việc, đạo hữu nam nữ đẳng quì
tại..... thành tâm cầu nguyện Đức Đại Từ Phụ, các
Đấng Thiêng Liêng cứu độ tinh thần tráng
kiện, quý thể khương cường, vạn bệnh hồi xuân, gia tăng
phước thọ.

Chư đệ tử đồng thành tâm khẩu bái căn sở thượng
tấu.

Dĩ văn.

II- VIẾT RA CHỮ HÁN

大道三期普度

(.....年)

三教歸源五支復一

時維

天運.....年,.....月,.....日,.....時. 現在越南國,
.....省,.....縣,.....社, 居住.....之中.

今有弟子受.....共同諸職敕, 合與職事,
道友男女等跪在.....誠心呈奏:

黃金闕內
玄穹高上帝玉皇大天尊
瑤池金母無極天尊
三宗真教
西方教主釋迦牟尼世尊
太上道祖三清應化天尊
孔聖仙師興儒盛世天尊
三期普度三鎮威嚴
常居南海觀音如來
李大仙長兼教宗大道三期普度
協天大帝關聖帝君
嘉蘇教主救世天尊
太公相父管法天尊
三洲八部護法天尊
十方諸佛萬掌諸仙蓮臺之下

恭為弟子姓,年庚,歲, 在
.....省.....縣.....社受病沈痾妙藥不能痊癒.

....眷.....懇請諸職敕天封合與職事道
友男女等跪在.....誠心求愿德大慈父各等
天靈救度.....歲精神壯健貴體康強萬病回
春加曾福壽.

諸弟子同誠心叩拜謹疏上奏
以文.

III- CHÚ THÍCH

*Cung vi Đệ tửtánh,niên canh,tuế,
tại.....tỉnh,huyện,xã.*

恭為弟子姓,年庚,歲, 在省.....縣...
..社

Cung vi 恭為: Kính cẩn vì.....

Điền tên họ, tuổi, nơi ở của người bị bệnh.

Thọ bệnh trầm kha, diệu dược bất năng thuyên dũ
受病沈痾, 妙藥不能痊癒.

Trầm kha 沈痾: *Trầm* là lâu ngày. *Kha* là bệnh.
Trầm kha là bệnh đã lâu ngày khó chữa trị, bệnh nặng.

Diệu dược 妙藥: *Diệu* là hay. *Dược* là thuốc dùng
chữa bệnh. *Diệu dược*: thuốc hay, thuốc linh nghiệm.

Bất năng 不能: Không thể.

Thuyên dũ 痊癒: *Thuyên* lành bệnh. *Dũ* là khỏi
bệnh. *Thuyên dũ*: Khỏi bệnh hẳn, hết bệnh (Không phải
viết là *thiên dũ*).

*.....quyển.....khẩn thỉnh chư chức sắc thiên phong,
hiệp dũ chức việc, đạo hữu nam nữ đặng quì tại.....*

....眷.....懇請諸職敕天封, 合與職事道, 友
男女等跪在.....

Quyển 眷: Thân thuộc, như *gia quyển* 家眷: Người
thân trong gia đình.

Điền: chữ *Hiếu quyển* khi người bệnh là cha hay mẹ
của người quì sớ; *Thân quyển* khi người bệnh là vợ, chồng,
hoặc anh chị của người quì sớ.

Và điền tên họ người quì sớ.

Khẩn thỉnh 懇請: Thành khẩn mà mời, hết lòng mà xin.

Qui tại 跪在: Qui ở... Điền chữ Điện tiên, nếu cầu giải bệnh được cúng nơi Thánh Thất; **Thiên bàn**, nếu cầu giải bệnh được cúng tại tư gia.

Thành tâm cầu nguyện Đức Đại Từ Phụ, các Đấng Thiêng Liêng cứu độ tinh thần tráng kiện, quý thể khương cường, vạn bệnh hồi xuân, gia tăng phước thọ.

誠心求愿德大慈父,各等天靈救度.....歲精神壯健,貴體康強,萬病回春加曾福壽.

Tinh thần 精神: Thuộc về phần hồn, phần tình cảm.

Tráng kiện 壯健: Mạnh mẽ.

Khương cường 康強: Hay khang cường; Yên ổn mạnh mẽ.

Hồi xuân 回春: Trở lại mùa xuân.

Đến mùa xuân, vạn vật đều có vẻ sống trở lại, nên người xưa thường dùng để ví với người sắp chết được trị sống trở lại. Hoặc chỉ những người bệnh như mùa đông tàn, nay mạnh khỏe như trở lại mùa xuân.

Gia tăng phước thọ 加曾福壽: Tăng thêm phước đức và sống lâu.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái cẩn sớ thượng tấu dĩ văn

諸弟子同誠心叩拜謹疏上奏以文.

Cẩn sớ 謹疏: Kính cẩn dâng sớ lên.

Thượng tấu 上奏: Tâu trình lên.

IV- DỊCH NGHĨA

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Năm Đạo thứ)

Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất

Nay thời,

Vận Trời năm.....tháng.....ngày.....giờ, hiện tại nước Việt Nam,..... tỉnh,huyện,xã, ở nơi

Nay có vị đệ tử thọ, cùng chung các Chức sắc, hiệp với Chức việc, Đạo hữu nam nữ các cấp, quì trước, thành tâm tâu trình:

TRONG HUỖNH KIM KHUYẾT

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

GIÁO CHỦ TAM GIÁO

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

BA TRẦN OAI NGHIÊM TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai.

Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đ. Đ. T. K. P. Đ.

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn.

Thái Công Tướng Phụ Quân Pháp Thiên Tôn.

Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.

*Thập phương chư Phật, Vạn chủng chư Tiên, Liên
đài chi hạ.*

*Kính cẩn vì....., đệ tử.....,tuổi, tại.... tỉnh,...
huyện,....xã.*

*(Hiếu quyến hoặc Thân quyến)....họ tên.....thành
khẩn mời chư Chúc sắc Thiên phong, hiệp với Chúc việc, Đạo
hữu các cấp quì tại.....thành tâm cầu nguyện cùng Đức Đại
Tứ Phụ, các Đấng Thiêng Liêng cứu độ cho tên.....,
tuổi tinh thần được tráng kiện, thân thể được yên ổn mạnh
khỏe, muôn bệnh đều dứt, tăng thêm tuổi thọ.*

*Chư đệ tử cùng thành tâm cúi lạy, và kính cẩn dâng
sớ tâu trình lên.*

Kính trình.

Đây là bản thảo “*Chú giải Di Lạc Chơn Kinh và Kinh
Cửu Khố*” của *Hiền Tài Quách Văn Hòa*,
chỉ lưu hành nội bộ.

Khi sửa chữa hoàn chỉnh,
bản quyền sẽ được dâng lên cho Hội Thánh.

Bản thảo này được chỉnh lại lần thứ III
vào tháng 07 năm 2008.

Hiền Tài QUÁCH VĂN HÒA

CHÚ GIẢI
DI LẶC CHƠN KINH & KINH CỨU KHỔ
Soạn Giải: Hiền Tài | QUÁCH VĂN HÒA